chiếc thuyền chiến tới yết kiến vua, tự xin về quy phụ. Vua ưng thuận. Mùa hạ năm ấy, quân ta cùng giặc đánh nhau ở đảo Luỹ Thạch bị thất lợi, Vinh Ma Ly cùng bọn Tôn Thất Cốc, Lê Phước Điển bị giặc bắt được đều bị chết cả.

QUYỂN 29

TRUYỆN CHÉP VỀ CÁC NGƯỜI HẠNH NGHĨA

Mai Sĩ Khang

Người huyện Nga Sơn, trấn Thanh Hóa. Nguyên là họ Nguyễn, năm lên 7 tuổi, cô ruột lấy Mai Sĩ Khải, không có con, nuôi Khang làm con, đổi theo họ Mai. Khang là người kính cẩn liêm khiết, thờ cha mẹ có hiếu, được làạc khen ngợi bảo cử làm Lý trưởng trong 16 năm, việc làng không có tham lợi. Một mình chịu 4 đại tang, đều làm nhà ở mộ, vết chân hổ đi khắp cạnh

mộ, mà không phạm tới. Đến sáng ngày người mất lợn theo dấu vết tìm được mang về, nói với mọi người tình trạng như thế.

Lại có người buôn ở Nghệ An, từ Bắc Thành trở về, đường đi bị tắc nghẽn đêm vào ngủ trọ nhà Khang, ngầm chôn bạc ở sau vườn. Sáng sớm hôm sau, vội dậy đi quên số bạc chôn; vài ngày sau, con Khang trồng cây ở sau vườn bắt được 60 lạng bạc đem bảo Khang. Khang sai cất đi. Hôm khác, người buôn đến, Khang hỏi, người buôn đem sự thực trình bày, Khang đúng số trả lại. Dân hàng tổng đều mến trọng là liêm, bảo cử làm Tổng trưởng, hơn 20 năm, việc công có phần thạo giỏi, không có lỗi gì. Sau vì già xin từ dịch. Khang đem việc hạnh nghĩa dạy bảo con cháu, cửa nhà hoà thuận làm khuôn phép cho trong làng. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827), hậu thưởng cho bạc và đoạn, cho biểu nêu khen ở cửa có 4 chữ: "Hạnh nghĩa khả phúng" (nghĩa là: hạnh nghĩa đáng làm gương). Con là Đồng quen theo khuôn phép dạy bảo cửa nhà cũng có tiếng tốt như bố.

n">

Nguyễn Văn Tựu

Người huyện Đồng Xuân, trấn Phú Yên, rất có hiếu hạnh, dẫu có vợ con vẫn ở với cha mẹ, sớm thăm tối viếng, thường thường đón trước được ý chí của cha mẹ, phụng dưỡng hết lòng. Khi cha mẹ mất, làm nhà ở cạnh mộ, nằm rơm gối đất, sớm tối không rời. Cảnh nhà neo đơn nghèo túng mà vc sống nuôi chết chôn cất rất là hết sức, làng mạc đều khen là hiếu. Năm Minh Mạng thứ 4 (1823), hậu thưởng cho tiền bạc và đoạn, xuống chiếu cho nêu tấm biển ở cửa có 4 chữ : "Hiếu thuận khả phúng" (hiếu thuận đáng làm gương). Năm thứ 8, tới kinh chầu lạy, được triệu vào ra mắt, thường cho bạc lạng, áo quần rồi cho về. Con là Triệu cũng có hiếu như bố, khi bố ốm đau, sớm tối không rời bên cạnh, bố không ăn, Thiệu cũng không ăn, lòng hiếu thảo rất là chu chuẩn. Năm Minh Mạng thứ 18, thưởng cho 20 lạng bạc, 2 tấm đoạn và bức biển ngạch có 4 chữ: "Khắc thiệu hiếu phong" (hay nối được nết hiếu thảo của cha mẹ). Năm thứ 21, để tang bố thương xót hết lòng, làng xóm cũng phải cảm động. Làm nhà ở mộ ba năm. Năm Thiệu Trị thứ 3, thưởng thêm cho 10 lạng bạc, 2 tấm đoạn và 1 bó lụa màu.

Nguyễn Văn Liễn

Người huyện An Phước, trấn Bình Thuận. Năm lên 8 tuổi bố chết, mẹ giữ tiết. Liễn phụng dưỡng mẹ hết lễ, khi ăn uống đều quỳ dâng lên, mùa đông tháng hạ, sớm thăm tối viếng, động việc gì cũng tuân theo lời dạy bảo đời xưa. Khi mẹ mất, làm nhà ở cạnh mộ, trong khi để tang vẫn học lễ, ngày rỗi dạy trẻ học, không uống rượu ăn thịt, hết ba năm mới về nhà. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827), xuống chiếu cho bạc và đoạn, lại nêu biển ngạch ở cửa.

Nguyễn Cư Sỹ

Người huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, là cháu của công thần khi mới dựng nước là Tân Minh hầu Nguyễn Cư Trinh. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), Cư Sỹ mới 14 tuổi, bố là Cư Tuấn làm Cai bạ doanh Quảng Trị, vì tham tang bị tội đồ, Cư Sỹ xin thay hình phạt cho cha, vua y cho, bắt xích lại cho phát phối đi làm việc. Cư Sỹ vui vẻ chịu, không có dáng ngần ngại một chút nào. Vua nghe tin khen và nói rằng: Cư Trinh được người cháu khá như thế! Bèn tha cho về. Kịp khi về nhà, cha mẹ ốm đau, sớm tối thuốc thang hầu hạ nuôi nấng, không chút trễ nải. Năm Minh Mạng thứ 8, xuống chiếu nêu biểu ngạch ở cửa là: "Hiếu hạnh

khả phúng" (hiếu hạnh đáng làm gương). Sau vào nhà giám đọc sách, trải làm quan đến Bố chính ở Gia Định.

Nguyễn Cửu Phùng

Người huyện Đông Thành trấn Nghệ An. Cuối đời Lê, bố bị tuyển ra lính, Phùng xin thế làm việc thay rồi sau có qu��n công được thiên làm Thiên bộ thiêm sự tổng trị. Sau vì bố mẹ già, xin về phụng dưỡng cho đến lúc chết. Chẳng bao lâu, nước biển tràn ngập cả đương ấy, người và súc vật phần nhiều bị ngập chết. Bố Phùng phải trèo lên cây để tránh nạn, còn mẹ đang ốm, Phùng vội cõng lên trên nóc nhà, con gái nhỏ của Phùng bị chết đuối, cũng không rỗi đoái tới nữa. Khi bố mất, Phùng chôn cất hết lễ, thương nhớ gầy mòn, gào khóc suốt cả 3 năm. Sau người mẹ bị bệnh ung thư, Phùng thân trông nom thuốc thang, hơn một năm không rời bên cạnh. Kịp khi mẹ chết, để tang thương xót gầy mòn như khi để tang bố. Đến tháng bỏ áo trở, ba lần ra viếng mộ, thương quá hoá khóc, người làng đều khen ngợi. Năm Minh Mạng thứ 13, được biển ngạch nêu khen.

Tạ Hữu Độ

Người huyện Đông Thành, trấn Nghệ An. Lúc nhỏ mồ côi cha, chăm học. Loạn Tây Sơn tới đâu cướp bóc, người trong thôn xã phần nhiều bị giết hại. Mẹ Độ sợ chạy, bị giặc bắt được sắp đem giết, Độ lấy thân mình che chở cho mẹ và kêu xin chịu chết thay mẹ. Giặc tha cho cả hai. Mẹ tuổi già lại ốm, Độ chính thân nấu cơm cháo hầu nuôi, trải năm năm không chút trễ nải. Khi để tang mẹ thương xót hết lễ ngày ngày ra trước mộ thương xót không thôi, sự thương xót cảm động đến cả người đi đường. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827), được biểu nêu khen. Con là Hữu Khuê nay làm Bố chính ở Quảng Bình.

oman">

Nguyễn Đình Tế

Người huyện Bạch Hạc, trấn Sơn Tây. Khi trước bố là Đình Cửu lấy vợ người họ Lê, sinh ra Tế và Quý Đinh; người vợ lẽ của cha cũng họ Lê lại sinh con trai tên là Soạn, Đình Cửu say yêu, nên gia sản đều giao cho vợ lẽ trông coi, người vợ lẽ cậy được yêu mến, sinh ra keo bẩn và ghen tuông, Tế và Đinh theo mẹ ra ở riêng, kinh doanh lấy để sinh sống, thỉnh thoảng đến thăm viếng cha. Tế lại kính người vợ lẽ của cha, yêu em thứ, người không có ai nói vào đâu được. Mẹ ốm anh em hầu hạ thang thuốc, đêm ngày không trễ nải; khi mất chôn cất xong lại về cùng ở với cha, kính hầu người vợ lẽ của cha như là mẹ, hiếu kính đầy đủ, người vợ lẽ của cha cũng cảm hoá, đổi nết ghen ghét thành ra hiền từ, coi Đình Tế như con mình đẻ ra.

Lại người chú họ là Nguyễn Duy Trường nhà nghèo khổ, bọn Đình Tế đem điền sản về phận mình chia cấp cho, không chút lận tiếc, ông bà ngoại nhà cũng nghèo, không có con nối, bọn Đình Tế chọn người đồng phái làm thừa tự, lại đem điền sản về phận mình đặt ruộng ký kỵ để cung việc giỗ tết, làng xóm cho là người có nghĩa. Năm Minh Mạng thứ 8, ở bộ bàn định liệt vào nghĩa phu kiêm hiếu tử vào hạng bình, thưởng cấp cho bạc và đoạn, nêu khen biển ngạch ở cửa.

iv>

Nguyễn Văn Trình

Người huyện Quỳnh Lưu, trấn Nghệ An. Tính người thuần cẩn, có hiếu hạnh, mẹ có bệnh đau bụng lâu năm không khỏi, thầy thuốc bảo rằng: Đó là ăn nhầm thịt chim công, phải lấy được dạ dày con nhím thì chữa khỏi, Trình một mình vào trong núi bắt nhím không được. Bèn mật khấn thần kỳ; đêm nằm mộng thần bảo rằng: Ngươi vì mẹ tìm thuốc, không kiêng tránh ác thú, đó là hiếu hạnh, cho ngươi một con nhím. Ngày hôm sau, quả nhiên bắt được một con nhím ở đằng Đông miếu, đem về làm thuốc, bệnh của mẹ khỏi liền. Năm Minh Mạng thứ 3, người bố bị giặc bắt, đòi chuộc 150 lạng bạc. Trình bán hết gia sản mới được 90 lạng bạc, đem tới xin chuộc. Giặc cho là bạc chưa đủ số, muốn đem đi giết, Trình kêu khóc xin chịu chết thay. Giặc thấy là người hiếu tha cho về. Trình cõng bố dời tới ở phủ thành buôn bán cùng nuôi. Khi bố chết, làm nhà ở mộ. Sau khi hết tang, đem hài cốt về làng táng tế theo lễ, không cùng với anh em tính toán so kể. Năm Minh Mạng thứ 11, thưởng cấp cho bạc, đoạn và nêu biển ngạch ở cửa để khen.

Nguyễn Xuân Áng - người huyện Đông Thành, trấn Nghệ An, Áng sớm mồ côi cha mẹ, thờ mẹ rất hiếu. Một hôm, Áng với mẹ và người khác cùng đi gặt lúa, giữa đường gặp hổ xông ra, làm mẹ ngã bị thương. Mọi người sợ chạy cả. Áng cầm gậy đứng trước hộ vệ cho mẹ, cùng hổ chống nhau, hổ bèn bỏ đi. Mẹ bị thương hơn một năm, Áng nấu thuốc thang nuôi nấng ngày

đêm không rời cạnh mẹ. Khi để tang mẹ, trong ba năm hàng ngày thường ra mộ lăn khóc, người đi đường nghe thấy rất thương.

Lại Phan Đình Nghị người huyện Thạch Hà, trấn Hà Tĩnh, cũng sớm mồ côi cha, thờ mẹ có hiếu, quân cướp đến cướp nhà, mẹ bị trảo, Nghị kêu cầu xin đem thân thay. Cướp tha mẹ bắt Nghị đi, làng xóm đuổi bắt, cướp bèn bỏ Nghị lại, người làng khen là hiếu. Năm Minh Mạng 18 (1837), cả hai người đều được thưởng bạc, đoạn và nêu biển ngạch ở cửa để khen.

Nguyễn Văn Lương

Người huyện Lục Ngạn, trấn Bắc Ninh, tính lỗ độn thật thà cùng với người ta chưa bao giờ có cạnh tranh. Lúc nhỏ để tang mẹ khóc thương tỏ hết đạo hiếu. Kịp khi lớn, bố ốm đi tìm thầy chữa thuốc, ngày đêm cầu cúng. Để tang bố làm nhà ở mộ 3 năm. Rừng có nhiều ác thú, mà không tránh sợ, thương khóc đến nỗi lòa mắt. Năm Minh Mạng thứ 21 (1840), chiếu lệ nêu thưởng.

="16">

Nguyễn Văn Danh

Người huyện Bình Sơn, trấn Quảng Ngãi. Thi đỗ tú tài, có hiếu hạnh. Nhà ở gần núi có nhiều hổ. Một hôm bố Danh ra thăm ruộng, bị hổ bắt, Danh nóng lòng bèn đem người nhà đi tìm7;c xác bố, xem vết chân hổ, chân đằng sau có một bên thọt nhỏ, lấy dây đo để ghi nhớ, tức thì đem xác bố về chôn, rồi đặt bẫy lắp máy, ngày đêm chăm việc bắt hổ, đến nỗi quên ngủ bỏ ăn, giết được hổ rất nhiều. Khi bắt được một con hổ chân sau thọt nhỏ, đem so với cái dây đã đo trước quả đúng; bèn mổ con hổ lấy gan ruột tế hồn bố, rồi cắt lấy thịt ăn hết. Nhân thế bị đau tim, người đến hỏi thăm, gầm thét nhảy vồ như hổ, ít lâu lại tỉnh, chảy nước mắt không nói năng gì. Năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), có chiếu nêu khen ở cửa.

<p>

Phan Đăng Doanh

Người huyện Đông Thành, trấn Nghệ An, bố mẹ mất sớm ở với bà, nghe theo lời bà dạy bảo, cướp đến bắt bà, lấy giấy tẩm dầu đốt vào ngón tay, người nhà sợ chạy cả, Doanh tuổi mới 13, nghe tiếng bà kêu khóc, tức thì tới dập tắt ngọn lửa và đến chỗ quân giặc kêu van, giặc bèn tha cho đi. Khi bà có bệnh ung thư ở răng, Doanh chính mình nấu thuốc thang, ngày đêm thăm hỏi hầu hạ, trải nửa năm chưa từng phút trễ nải, bà được khỏi bệnh. Doanh một niềm kính thuận, người làng đều khen, và nêu biển ngạch ở cửa là: "Hiếu thuận khả phúng" (hiếu thuận đáng làm gương).

Nguyễn Đình Thản

Người huyện Chân Lộc, trấn Nghệ An, tính người thật thà, chuyên nghề làm ruộng, chưa từng cùng với người ta tranh cạnh bao giờ. Nhân mua ngôi nhà cũ để sửa chữa lại, bảo cháu đi dỡ, ở dưới viên đá tảng thấy có một nén bạc đem về. Thản nói đó là của người chủ bán đất giấu đi, không phải của mình mà lấy là bất nghĩa bèn sớm giao trả. Hôm khác, người chủ bán

nhà đến nhận là bạc của người chồng đã chết cất giấu đi, Thản tức thì đưa trả. Năm Minh Mạng thứ 8, thưởng 30 lạng bạc.

ont>

TRUYỆN CÁC PHỤ NỮ CÓ TIẾT LIỆT

Nguyễn Thị Kim, Nguyễn Thị Ngữ, Hoàng Thị Hân

Thị Tính, Nguyễn Thị Hảo, Phan Thị Trang

Nguyễn Thị Ý, Trần Thị Tuần, Thái Thị Oanh

Trương Thị Vân, Nguyễn Thị Thanh, ị Thuỷ, Phan Thị Đốc

Nguyễn Thị Kim, người huyện Lương Tài, trấn Bắc Ninh, là cung nhân của Lê Chiêu Thống; đầu năm Kỷ Dậu (1789), Lê chúa viện quân nước Thanh sang để lấy lại nước, bị Tây Sơn đánh thua. Lê chúa chạy sang nước Thanh, Thị không theo kịp. Lẩn trốn ở thôn ấp, người không ai biết. Năm Gia Long thứ 3 (1804), áo quan của Lê chúa từ nước Thanh đưa về đến Bắc Thành, Thị

đến đón tang thương khóc, bảo người nhà rằng việc của tôi đã xong rồi, bèn uống thuốc độc chết. Viên Tổng trấn là Nguyễn Văn Thành cấp cho tiền và gấm khâm liệm chôn cất rồi làm bản đem việc tâu lên xin nêu khen. Việc giao xuống bộ Lễ bàn. Bộ Lễ xin ban cho biển ngạch. Vua bèn sai quan Bắc Thành dựng bia đá ở làng, khắc rằng: "Ngôi mộ của An trinh tuẫn tiết Nguyễn Thị Kim" cấp cho 2 người phu coi mộ và 20 mẫu tự điền, sai họ Lê trông coi việc thờ cúng.

Nguyễn Thị Ngữ, nguyên là người ở châu Bố Chính, trấn Quảng Bình, sau dời ở huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên, là phu nhân của Thiếu sư Đặng Đức Siêu. Năm 15 tuổi, lấy Thiếu sư đẻ được một con trai là Thiêm và một con gái. Gặp loạn Tây Sơn, Thiếu sư bỏ nhà vào Gia Định, phu nhân tuổi mới 21, mong chồng giữ chí, dạy bảo con cái. Tư Đồ và Thiếu phó của Tây Sơn tranh nhau muốn lấy, phu nhân thề không đổi tiết. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827); nêu khen là tiết phụ, bộ bàn nên liệt vào hạng ưu; xuống sắc cho bức biển có 4 chữ: "Đông quản phương tiên" (quản bút đo mức tiếng thơm) dựng nhà treo biển ngạch cấp cho bạc và lụa. Năm Thiệu Trị thứ 2, ban cấp cho sâm quế, lụa màu. Năm thứ 7 thì chết, thọ 82 tuổi, hậu cấp cho đoạn màu, vải, lụa và tiền.

Hoàng Thị Hân, người huyện Hiệp Hoà, trấn Bắc Ninh, là vợ Chiêu thảo sứ Vũ Nguyên Lượng. Thị đau đớn vì chồng chết ở tay giặc . Năm Tân Dậu (1801) thị lẻn tnơi quân thứ ở Thi Nại, nhân Đặng Trần Thường đưa vào ra mắt vua. Thị đem tình hình của giặc tâu lên. Rồi Thị phụng mệnh đi đường tắt về Bắc chiêu

dụ những hào mục, việc tiết lộ, Thị bị nguỵ Thuỳ bắt được, thị không chịu khuất, tự đâm cổ chết. Thị không có con. Năm Gia Long thứ 1, ấm thụ cho một người cháu họ đứng chủ địa thờ cúng, cấp cho 10 mẫu tự điền. Sau người cháu họ ấy can án theo nguỵ, ruộng lại sung công. Khi trước Lượng được thờ ở Nghệ An, Thị được thờ ở Bắc Ninh, rồi sau sắc thư của Thị bị cướp lấy mất, việc đến tai vua, năm Thiệu Trị thứ 2, bèn đổi cấp cho 10 mẫu công điền ở Nghệ An, cùng với Lượng hợp tự làm một. Đó có phải là vì tiết nghĩa nên mới được báo đền như thế không?

Thị Tính, họ và quê không rõ, là vợ Chưởng cơ Hoảng. Năm Nhâm Dần (1782), khi mới trung hưng, Tây Sơn vào lấn Gia Định, quân nhà vua bị thất lợi, Hoảng trốn thoát, Thị bị giặc bắt về Quy Nhơn, năm Quý Mão, chiến dịch ở đảo Điệp Thạch, Hoảng bị giặc bắt, giặc dụ dỗ muốn lưu lại dùng, Hoảng không chịu, giặc giận giết đi, Thị ở Quy Nhơn nghe tin, cũng gieo mình xuống sông chết.

Nguyễn Thị Hảo, quê quán không rõ, là vợ Tri bạ Phan Văn Hán. Năm Canh Thân (1820), khi mới trung hưng, Hoài quốc công là Võ Tánh trấn ở Bình Định, tướng giặc là Trần Quang Diệu đem quân vây, Thị theo Hán cũng bị vây ở trong thành, rồi Thị nhận tờ mật biểu của Tánh lẻn ra hành tại Thi Nại, giữa đường gặp quân giặc bắt được, tra tấn bắt giữ, Thị không nói gì hết, bèn gieo mình xuống sông chết.

Phan Thị Trang - Người huyện La Sơn, trấn Nghệ An, năm 17 tuổi cha mẹ nhận lời gả chồng (người chN91;ng tên họ không rõ), chưa kịp cưới thì người chồng chết đuối. Thị nghe tin, nói với bố mẹ xin về chịu tang, bố mẹ bằng lòng, Thị bèn về chịu tang. Khi đưa ma mặc áo gai để trở trong 3 năm, chân không ra đếnợ. Đến khi hết trở, người đến cầu hôn, mẹ chồng khuyên nên cải giá. Thị không nghe, bèn lập cháu (gọi bằng chú bác) chồng làm làm con nối, mẹ chồng chết, Thị ma chay theo lễ, giữ tròn tiết nghĩa 37 năm, người đều khen ngợi. Năm Minh Mạng thứ 8, nêu khen biển ngạch ở cửa là: "Trinh tiết khả phúng" (trinh tiết đáng làm gương).

Nguyễn Thị Ý - Người huyện Sơn Vy, trấn Sơn Tây. Năm 15 tuổi, lấy Nguyễn Hiển, đẻ dược 1 con trai, 1 gái. Hiển chết, Thị mới 24 tuổi, mẹ chồng thương Thị goá chồng sớm, sắp cho tái giá. Ngày cưới đã định, Thị bèn gieo mình xuống sông, định tự tử nhưng cứu khỏi, mẹ chồng sợ phải bãi việc gả chồng. Thị ở goá phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạy con cái, làng xóm đều khen là tiết hạnh. Năm Minh Mạng thứ 8, được ban biển ngạch nêu khen.

Trần Thị Tuần - Người huyện An Lạc, trấn Sơn Tây. Năm 11 tuổi g843; cho Trần Hữu Lệ. Năm 18 tuổi, Lệ chết, chưa có con. Thị có nhan sắc, nhiều người cầu hôn, cha mẹ thương con gái goá chồng sớm, lấy tình nói với bố mẹ chồng, bố mẹ chồng cũng thuận cho. Thị nói: Người đàn bà theo nghĩa chỉ một đời chồng cho chí lúc chết, còn có thể bảo đi cửa khác nữa ư? Mẹ đẻ thường đến yêu cầu Thị về nhà, Thị lấy lời lẽ ôn tồn xin để

thong thả. Một hôm, trước bàn thờ người chồng đã chết, Thị châm hương khóc lạy, tay cầm một chén khấn rằng: "Xin chết theo để trọn đạo làm vợ". Nói chưa hết lời, vừa gặp mẹ chồng ở ngoài cửa vào, giằng lấy cái chén rượu độc. Người đều khen là tiết hạnh. Năm Minh Mạng thứ 8, được biển ngạch nêu khen.

Thái Thị Oanh - Người huyện Long Thành, trấn Nghệ An, năm Thị 22 tuổi gả cho người làng (thiếu họ tên), đương có thai thì chồng chết; bố chồng cũng kế tiếp chết, mẹ chồng thì già yếu, nhà rất nghèo, Thị để tang thờ chồng, nuôi nấng con bé, nếm đủ gian khổ. Tên cường hào thích sắc đẹị, ép xin nạp sính lễ tại nhà. Thị bèn đem mẹ chồng và ẵm con đi ở làng khác, vài năm mới về. Khi mẹ chồng chết, chôn cất hết lễ, làng mạc khen là hiền. Năm Minh Mạng thứ 8, được nêu khen biển ngạch.

Trương;ng Thị Vân - Người huyện Chân Định, trấn Nam Định. Năm 20 tuổi, gả cho Vũ Chiêu, sinh 1 trai, được 3 năm thì Chiêu chết. Thị chịu nghèo khổ nuôi con. Tên cường hào thích về nhan sắc của Thị, muốn ép lấy. Thị thề không tái giá, lấy dao rạch mặt, giữ chí càng vững, tên cường hào kia cũng không thể đoạt được. Năm Minh Mạng thứ 8, được nêu khen biển ngạch.

Nguyễn Thị Thanh >- Người huyện Hoàng Hoá, trấn Thanh Hoa. Năm 18 tuổi, gả làm vợ Tiến sĩ Phạm Du. Sau khi về nhà chồng, giữ trọn đạo làm vợ. Gặp loạn Tây Sơn, Thị theo Du di tránh loạn tới Linh Sơn, thường bị giặc tìm bắt. Du giữ nghĩa không chịu làm quan với nguỵ, uống thuốc độc chết. Thị năm ấy mới 33 tuổi, không có con, làm nhà cạnh mộ chồng để ở. Tên đầu

mục của nguỵ nhờ mối lái cầu hôn, Thị gọt tóc mặc áo sư nữ giả cách điên cuồng mới được thoát. Sau đem hài cốt chồng về chôn ở làng, người làng đều khen.

Nguyễn Thị Thuỷ - Người huyện Nga Sơn, năm 20 tuổi chồng chết sớm, Thị có nhan sắc, nhiều người cầu cạnh muốn lấy. Thị bèn bôi nhọ nồi huỷ hoại nhan sắc, cố giữ khổ tiết, người khen là trinh tiết. Cả 2 người đều được khen vào năm Minh Mạng thứ 8.

Phan Thị Đốc - Người huyện Tân Định, trấn Khánh Hoà, là vợ Lê Minh Thức. Năm 15 tuổi lấy Thức sinh được 1 trai, 1 gái. Năm 19 tuổi thì Thức chết, để trở 3 năm không ăn thứ tanh hôi. Khi hết tang, có người muốn lấy, mẹ chồng và bố mẹ đẻ khuyên cải giá, Thị nói: Chồng chết con còn bé, mẹ chồng già hãy còn sống, nỡ nào đổi tiết. Bèn cắt tóc tự thề rằng: Thiếp nếu có bụng dạ khác, cũng như tóc này. Mẹ chồng và bố mẹ đẻ biết là không thể chuyển được, mới không nói nữa. Người đều khen là tiết tháo. Năm Minh Mạng thứ 11, được nêu khen.

QUYỂN 30

TRUYỆN CHÉP VỀ NGỤY TÂY

Nguyễn Văn Nhạc

Người huyện Phù Ly (nay là Phù Cát), trấn Quy Nhơn (nay là Bình Định). Tiên tổ là người huyện Hưng Nguyên trấn Nghệ An. Ông tổ bốn đời, khoảng năm Thịnh Đức (97) đời Lê, bị quân ta bắt được, cho ở ấp Tây Sơn Nhất (Tây Sơn có hai ấp là Nhất và Nhị, nay là thôn An Khê, thôn Cửu An) huyện Quy Ninh (nay là Hoài Nhân). Cha là Phước dời đến ấp Kiên Thành (nay là thôn Phú Lạc, thuộc huyện Tuy Viễn), sinh ba con trai, con cả là Nhạc, con thứ là Lữ, con thứ ba nữa là Huệ.

Nhạc làm nghề buôn lá trầu, từng buôn bán với Mán, đường đi qua núi An Dương, được một thanh gươm, tự bảo là gươm thần, mang đi để lừa dối dân chúng, nhiều người tin tưởng. Lại từng theo tên giáo Hiến (bỏ thiếu họ) để học, Hiến là khách ở nhà Ngoại hữu Trương Văn Hạnh, Hạnh bị Trương Phước Loan giết chết, Hiến trốn vào Quy Nhơn ngụ ở ấp An Thái, mở trường dạy văn võ, anh em Nhạc theo học. Hiến khen là có tài lạ. Sau Nhạc làm Biện lại ở bến tuần Vân Đồn,u mất tiền thuế, Đốc trưng là Đằng truy bắt rất khẩn cấp, bèn vào núi làm kẻ cướp, Hiến bảo riêng Nhạc rằng: Câu sấm nói rằng: "Tây khởi nghĩa Bắc thu công", ngươi là người Tây Sơn, phải cố gắng đi. Nhạc cho là phải, tự mừng thầm.

Năm Tân Mão là năm Duệ Tông Hoàng đế nối ngôi năm thứ 6, (năm Cảnh Hưng đời Lê thứ 32; năm Kiền Long nước Thanh thứ 36), Nhạc bèn dựng đồn trại ở miền thượng đạo ấp Tây Sơn (thượng đạo tức là Man Trung, hạ đạo tức là ấp Yên Thành) chiêu nạp những tên trốn tránh, phần nhiều những tên hung ác và vô lại trong khi ấy theo về với Nhạc. Khi bấy giờ Quốc phó là Trương Phước Loan ở trong tự tiện bỏ vua này lập vua khác, chuyên giữ cả quyền bính triều đình, mọi người đều oán giận. Gặp năm mất mùa giặc mới nổi lên, cướp của người giàu cấp cho người nghèo, làm ơn nhỏ giả dối để mua chuộc lòng người. Có tên Huyền Khê, nhà vốn phong phú, bỏ ra giúp sức. Nguyễn Thung là thổ hào ở Thuận Nghĩa, lại dỗ dành xúi giục mọi người hộ cho Nhạc, nên bọn lũ càng nhiều, tản đi cướp bóc làng ấp, đi đến đâu thì hò hét ứng tiếp cho nhau thế lực ngày càng hăng mạnh, quan địa phương không thể kiềm chế được. Bọn Nhạc cùng nhau bàn mưu rằng: Nay gian thần là Trương Phước Loan công nhiên ăn của đút lót, làm rối loạn triều chính, ta cất quân để trừ khử đi. Con Thái bảo (Thế tử Hiệu) là Hoàng tôn Dương, là người nhân hậu thông minh, ta nên đón về lập làm vua, để cho yên ngôi vua. Lời ước đã định, truyền bá xa gần, người đều tin cả. Sau này phàm quan quân tiến đánh ở đâu, đều bảo rằng đấy là quân của Quốc phó, quân giặc đến đâu đều nói rằng đấy là quân của Hoàng tôn. Cho nên có câu nói là "Quân triều, quân quốc phó; quân la ó, quân Hoàng tôn".

Mùa thu năm Quý Tỵ (1773), Nhạc từ Tây Sơn thượng, đem quân xuống đánh ở ấp Kiên Thành, tự xưng là chủ trại thứ nhất, coi quản hai huyện Phù Ly, Bồng Sơn. Nguyễn Thung là chủ trại

thứ nhì, coi huyện Tuy Viễn, (Thung sau bị Nhạc giết), Huyện Khuê là chủ trại thứ ba, coi việc lương quân. Nhạc mật ước với nữ chúa Chiêm Thành (n là thị Hoả, lập trại ở Thạch Thành, sau bị quân của Tống Phước Hợp giết chết) để làm chỗ nương tựa viện trợ. Lại chiêu tập được các tên Nhưng Huy, Từ Linh (hai tên này sau bị Nhạc giết chết ở nguyên An Tượng, thuộc huyện Tuy Viễn), sai cùng với Nguyễn Thung đem một chi quân xuống phủ lỵ Quy Nhơn, nhân ban đêm đánh cướp, chúng đều sợ tan. Tuần phủ là Nguyễn Khắc Tuyên chạy trốn. (Một thuyết nói : Nhạc là người nhiều mưu cơ trí trá, một hôm tự ngồi vào trong cũi, sai bè lũ xe đến nói là bắt được Nhạc giải nộp, Nguyễn Khắc Tuyên không ngờ là dối, sai mở cửa thành để nhận, đêm hôm ấy bọn lũ của Nhạc lẻn vào đốt doanh giết tướng, chiếm cứ lấy thành). Nhạc đem quân đến 2 xứ Kiền Dương và Đạm Thuỷ, cướp lấy kho tạm. Đốc trưng là Đăng, Khâm sai là Lượng (đều chép thiếu họ) đều chạy cả. Nhạc đuổi giết Lượng, và giết cả họ của Đăng; bèn giữ Quy Nhơn, dựng hiệu cờ Tây Sơn, chia đặt Trung, Tiền, Tả, Hữu, Hậu 5 đồn, cùng đánh nhau tiến đến địa giới Quảng Nam. Việc đến tai Duệ Tông, Duệ Tông sai bọn Chưởng cơ là Nguyễn Cửu Thống, Nguyễn Cửu Sách, Tổng nhung là Tống Sùng, Tán lý là Đỗ Văn Hoảng đi đánh; quân đến bến Bản Tân (thuộc Quảng Nam), giặc dựa vào luỹ để chống lại, quân ta đánh đuổi dài mãi, gặp có quân phục, bọn Thống thua chạy, Sùng và Hoảng đều chết ở trận, bởi đấy thế giặc càng hung hăng. Người buôn nước Thanh là bọn Tập Đình, Lý Tài cũng đều họp bọn lũ để ứng theo. Nhạc kết làm viện trợ, gọi là Tập Đình Trung nghĩa quân, Lý Tài Hoà nghĩa quân. Lại lấy người thổ trước cao lớn, cạo đầu dóc tóc lẫn lộn với người Thanh. Lúc đánh thì

cho uống rượu say, cởi trần, đeo giấy vàng giấy bạc vào cổ để tỏ ý là tất chết; thường làm quân tiền sung, quan quân không thể chống được.

Tháng 12 năm ấy, Tiết chế là Tôn Thất Hương đem Nội quân và các thân binh đi đánh, tiến đến núi Bình Kê (thuộc huyện Phù Mỹ trấn Bình Định), bị quân phục của tướng giặc là Tập Đình, Lý Tài giết chế, còn quân đều tan vỡ cả. Nhạc tiến giữ Quảng Ngãi, Cai cơ là Tôn Thất Mân (Tôn Thất Tĩnh) chống đánh không được, dẫn quân về. Nhạc lại sai bọn lũ lấn cướp các phủ Diên Khánh, Bình Khang. Từ đấy, từ Quảng Ngãi trở vào Nam đến Bình Thuận đều là đất của Nhạc cả. Nhạc lấn cướp Quảng Nam, quân ta nhiều lần đánh không lợi, chỉ có Cai đội là Nguyễn Cửu Dật đem quân đánh úp, quân giặc sợ chạy tan, lui về giữ xứ Thiên Lộc (tên đất, ở bờ bên Nam Sài Thị) giữ chỗ hiểm đặt đồn làm kế cầm cự lâu dài.

Mùa xuân năm Giáp Ngọ, sai Tôn Thất Thăng (con Tôn Thất Tứ) điều bát các quân đến đánh, Thăng sợ thế giặc to, bỏ cả quân liền đêm chạy về. Mùa hạ năm ấy, Lưu thủ Long Hồ là Tống Phước Hợp, Cai bạ là Nguyễn Khoa Tuyền coi lĩnh tướng sĩ 5 doanh và làm tờ hịch mộ quân ứng nghĩa các đạo, quân thuỷ quân bộ đều tiến đánh nhau với giặc, giặc thua, ta lấy được 3 phủ Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang, quân đóng ở Văn Phong; liền tiến lấy được Phú Yên; quân bộ đóng ở Xuân Đà, quân thuỷ đóng ở Lâm Đàm, cùng chống cự với giặc. Khi ấy, Nhạc xâm lấn Quảng Nam, quan quân nhiều lần đánh không được. Duệ Tông lại sai Nội hữu chưởng doanh là Tôn Thất

Nghiễm đem đại binh vào Quảng Nam thống lĩnh các đạo đánh giặc; gặp khi quân của họ Trịnh xâm lấn vào Nam đến châu Bắc Bố Chính, tướng ở biên giới cáo cấp, bèn triệu Tôn Thất Nghiễm về, cho Cửu Dật làm Tả quân Đại đô đốc ở lại chống giặc Tây Sơn. Cửu Dật đã làm tướng, liệu thế giặc, chống đánh lấy được, thường đánh hơn mười trận, đều được cả. Quân giặc cả sợ, lui giữ Bản Tân.

Mùa đông năm ấy, quân họ Trịnh phạm đến Đô thành, Duệ Tông chạy đi Quảng Nam, sai Hoàng tôn D32;ơng đi trước qua ải Hải Vân. Mùa xuân năm Ất Mùi, vua đóng ở xứ Giá Tân, cho triệu Cửu Dật đến hành tại bàn việc. Bèn sách lập Hoàng tôn Dương làm Đông cung, coi quân đánh dẹp. Cửu Dật ở vài ngày, Nhạc sai bọn Lý Tài đem thuyền quân ra cửa biển Đại Áp, Nhạc đi men núi ra sông Thu Bồn, hai đường đến xâm phạm, Cửu Dật cùng giặc đánh nhau không lợi, chạy đến núi Trà Sơn, Duệ Tông chạy đi Gia Định, để Đông cung lại lui đóng đồn đất Câu Đê để hệ thuộc lòng người. Nhạc mưu muốn đón Đông cung lập lên làm thế lực để mê hoặc dân chúng. Bèn sai bọn lũ là Thống suất Diện, Tiền phong Tường đem 2000 quân đóng đồn ở các xứ Thuý Loan, Bồ Bản làm thượng đạo; Tập Đình, Lý Tài đem 2000 quân đóng đồn ở xứ Ba Độ làm trung đạo, Đốc chiến Phong, Hổ tướng Hân đem 2000 quân đóng đồn ở Hà Thân làm hạ đạo; giao ước rằng ai đón dược Đông cung thì được công cao hơn hết. Đông cung sai người dỗ bảo bọn Diện và Tường vào Nam, bọn Diện đều chịu mệnh. Đông cung đi đến xứ Ô Dã, Lý Tài bức bách đón về Hội An. Quân của Ngũ Phước đi qua núi Hải Vân, Nhạc sai Tập Đình làm Tiên phong, Lý Tài làm Trung quân, Nhạc

tự làm Hậu đội cùng quân Bắc đánh nhau ở Cẩm Sa. Quân của Tập Đình bị quân đột kỵ của Trịnh đánh và dày xéo phải chết và bị thương rất nhiều. Nhạc cùng Lý Tài lui về Bản Tân. (Nhạc cho Tập Đình là người hung bạo khó kiềm chế, nhân lúc thua quân mưu muốn giết đi. Tập Đình sợ chạy sang Quảng Đông, sau bị Tổng đốc nước Thanh giết chết). Nhạc bèn đón Đông cung về Quy Nhơn, khi ấy, quân Hoàng Ngũ Phước đóng đồn ở Quảng Nam, quân của Tống Phước Hợp tiến đến Phú Yên, Nhạc sợ không chống được, bèn thiên Đông cung đến các xứ Hà Liêu, An Thái, đem hết của báu để ở Tây Sơn thượng để tránh. Bèn sai bè lũ là bọn Phan Văn Tuế cầm thư và vàng lụa xin hàng nộp đất 3 phủ Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên cho Ngũ Phước, cầu làm tiểu tướng, làm quân tiền khu cho đại quân tiến lấy Gia Định. Ngũ Phước nghe cho, bèn tạm bổ cho Nhạc làm Tây Sơn hiệu trưởng tráng tiết tướng quân, sai bọn Nguyễn Hữu Chỉnh mang sắc ấn cờ gươm để cấp cho.

Nhạc lại sai người đến quân thứ của Phước Hợp xin hàng, muốn mượn tiếng là hưng phục lại, bèn đón Đông cung về Bồng Giang, tiến con gái là Thọ Hương. Nhiều lần xin Đông cung chính vị ngôi vương, Đông cung không nghe. Vừa gặp sứ của Phước Hợp sai đến, Nhạc đặt sập rồng ở gian chính giữa, rước Đông cung ngồi quay mặt hướng Nam, bên tả thì bọn Nhạc đứng hầu, bên hữu thì bọn Tôn Thất Chất đứng hầu để ra mắt sứ giả. Nhân nói rằng: Tướng sĩ 5 doanh nghìn dặm giúp việc nhà vua, có thể gọi là có lòng trung nghĩa phấn phát vậy. Nay đã trừ được tên Quốc phó, nên rước Hoàng tôn lập lên để định nghiệp lớn, đó là công lớn muôn đời, nên cùng tướng sĩ mưu

tính việc ấy. Sứ giả nói: Minh công có tâm giúp đỡ như thế, tiếng ấy đi đến đâu, ai là chẳng hướng theo. Nay quân 5 doanh đến, nên đóng ở chỗ nào? Nhạc ngẫm nghĩ hồi lâu nói rằng: Cái đó do Điện hạ xử lý, chúng tôi xin theo mệnh lệnh thôi. Đông cung nói rằng: Bọn ngươi điều độ thế nào cho khéo. Nhạc lặng yên. Bãi triều, Nhạc làm thư giảng ước, giao sứ giả mang về. Lại sai Tôn Thất Chất vào đánh Phú Yên đem ý phù lập Đông cung, giữ yên xã tắc để dỗ dành. Hợp tin lời, không đặt phòng bị. Nhạc sai Huệ đánh úp phá vỡ được, Cai đội là Nguyễn Văn Hiền chết ở trận; bắt được Cai cơ Nguyễn Khoa Kiên đem về, để lại Lý Tài đóng đồn ở Phú Yên (Nhạc dụ Kiên hàng, Kiên không theo, Nhạc liền giết chết). Phước Hợp lui giữ Tân Phong. Lý Tài rồi sau đến chỗ quân của Phước Hợp đầu hàng. Hoàng Ngũ Phước tiến đóng ở Châu Ô (đầu địa giới Quảng Ngãi). Nhạc đem công đánh phá Phú Yên xin với Ngũ Phước, Ngũ Phước tạm cho Huệ làm Tây Sơn hiệu Tiên phong tướng quân. Gặp bệnh dịch phát ra, quân họ Trịnh chết quá nửa, Ngũ Phước bèn dẫn quân về Phú Xuân rồi ốm chết ở đường.

Mùa đông năm ấy, Tôn Thất Quyền, Tôn Thất Xuân khởi quân ở Quảng Nam, lấy Trương Phước Tá làm mưu chủ. Lại có người buôn nước Thanh tên là Tất đem của nhà hàng ức hàng vạn để giúp, thế quân lừng lẫy chiếm giữ 2 phủ Thăng, Điện, Nhạc đem hết quân chống đánh, cùng giữ nhau hơn hai tháng. Gặp năm đói, quân lính của Xuân thiếu lương ăn, Nhạc đánh phá được, quân đều tan vỡ cả. Nhạc để bọn lũ là Nguyễn Văn Duệ giữ Quảng Nam, tự dẫn quân về Quy Nhơn.

Mùa xuân năm Bính Thân, Nhạc sai em là Lữ làm Tiết chế, đem quân thuỷ vào xâm lấn Gia Định. Duệ Tông chạy đi Trấn Biên (nay là Biên Hoà), Lữ giữ Sài Gòn (tức là Gia Định). Gặp Đỗ Thanh Nhân ở đNo Đông Sơn nổi quân, lấy lại Sài gòn, Lữ cướp lấy thóc kho chở về Quy Nhơn.

Tháng hai, Nhạc đắp thêm thành Đồ Bàn, tiếm xưng là Tây Sơn Vương, đúc ấn vàng, vẫn khuyết vẹt mãi, ba lần đúc mới nên. Cho Lữ làm Thiếu phó, Huệ làm Phụ chính; còn các bọn lũ đều cho làm quan chức của ngụy. Bèn thiên Đông cung về chùa Thập Tháp, Đông cung nhân khi sơ hở vượt biển vào Gia Định. Khi ấy, hàng tướng là Hoà Nghĩa Lý Tài giữ núi Chiêu Thái để làm phản, nghe Đông cung đến bèn dẫn binh xuống Sài Gòn lập Đông cung làm Tân chính vương; Tôn Duệ Tông làm Thái thượng vương.

Năm Đinh Dậu (1777), Nhạc sai bề tôi là Đỗ Phước Tuấn sang sớ họ Trịnh yêu cầu cho tiết việt coi trấn Quảng Nam. Trịnh Sâm cũng chán việc binh, bèn cho Nhạc làm Quảng Nam Trấn thủ tuyên uý đại sứ, phong làm Trung quốc công.

Nhạc lại sai Lữ và Huệ chia đường thủy đường bộ đến xâm lấn Gia Định. Lý Tài chống cự, quân tan vỡ, Tân chính vương lui giữ Trà Tân (thuộc Định Tường) lại xuống Ba Vượt (thuộc Vĩnh Long). Thái thượng vương chạy đến Long Xuyên (thuộc Hà Tiên), bọn Huệ đuổi theo kịp, đều bị hại cả. Lữ và Huệ dẫn quân về Quy Nhơn, để bọn lũ của nguỵ là Tổng đốc Chu, Hổ tướng

Hân, Tư khấu Uy, Điều khiển Hoà, Cai cơ Chấn (đều chép thiếu họ) giữ Gia Định.

Mùa đông năm ấy, Thế Tổ ta dấy quân ở Long Xuyên tiến lấy lại Sài Gòn, bọn Chu thua chạy về Quy Nhơn.

Năm Mậu Tuất (1778), Nhạc tự lập làm đế, niên hiệu nguỵ là Thái Đức năm thứ 1, gọi thành Đồ Bàn là thành Hoàng đế, lấy Lữ làm Tiết chế, Huệ làm Long nhương tướng quân. Lại sai Tổng đốc Chu, Tư khấu Uy, Hộ giá Phạm Ngạn đem thuỷ sư lấn cướp Trấn Biên (nay là Biên Hoà), Phiên Trấn (nay là Gia Định), các địa phương ven biển. Thế Tổ tự làm tướng đi đánh. Đỗ Thanh Nhân chém chết Tư khấu Uy ở Ngưu Chử; Tổng binh là Nguyễn Văn Hoàng tiến đóộc dã, chém chết tướng của Nhạc là Liên và Lãng (2 người đều chép thiếu họ), Phạm Ngạn thua chạy, quân ta nhân thế thắng lấy lại Bình Thuận, tiến đến sát phủ Diên Khánh.

Năm Canh Tý (1780), (Lê Cảnh Hưng năm thứ 41, Thanh Kiền Long năm thứ 45), Thế Tổ lên ngôi vương ở Sài Gòn. Năm Nhâm Dần, Đỗ Thanh Nhân có tội bị giết chết, Nhạc nghe thấy mừng nói rằng: "Hữu Phương (tên riêng của Thanh Nhân) chết rồi, các tướng khác không đáng lo nữa". Bèn cùng Huệ đem vài trăm chiếc thuyền vào cửa biển Cần Giờ, đánh nhau ở sông Thất Kỳ, quân ta đánh không có lợi, lui giữ Tam Phụ. Bấy giờ, Nhạc lại chiếm cứ Sài Gòn. Mùa hạ tháng tư, Tiết chế ở Bình Thuận là Tôn Thất Dụ đem quân đạo Hoà Nghĩa vào cứu viện, chém chết Phạm Ngạn ở cầu Tham Lương. Nhạc giận quân đạo Hoà Nghĩa

giết Phạm Ngạn, phàm người nước Thanh không kể là quân hay dân hay người buôn bán, bắt hết chém đi, vất xác đầy sông. Khi ấy vua chạy đến Lã Phụ, đô đốc của Nguỵ là Học đuổi theo sau, bị tướng của ta là Nguyễn Kim Phẩm chém giết, còn quân chúng tan vỡ chạy cả. Quân của Huệ chợt đến, bày trận quay lưng xuống nước quân ta phải lui. Vua chạy đi đảo Phú Quốc, Nhạc dẫn quân về Quy Nhơn, để Đông Sơn hàng tướng là Đỗ Nhàn Trập, Hộ bộ là Bá (chép thiếu họ) giữ Gia Định. Mùa thu tháng 8, Chưởng cơ là Quận công Chu Văn Tiếp từ Phú Yên vào viện trợ, bọn Nhàn Trập thua chạy. Vua trở về Gia Định. Năm Quý Mão (1783), Lữ và Huệ lại xâm lấn Cần Giờ, ngược dòng mà lên, quân Văn Tiếp bị vỡ. Vua chạy đi Tam Phụ, Nguyễn Hoàng Đức đi sau cùng, bị giặc bắt được. Vua chạy đi đảo Côn Lôn. Phò mã của Ngụy là Trương Văn Đa đem thuỷ binh đến gặp gió mưa, ban ngày tới, thuyền của Tây Sơn phần nhiều bị trôi dạt và lật úp, bị đắm, thuyền vua lại trở về đảo Phú Quốc. Huệ trở về Quy Nhơn, sai Trương Văn Đa giữ Gia Định.

Năm Giáp Thìn, Thế Tổ sang nước Xiêm, đem quân của Chiêu Tăng, Chiêu Sương đến, giặc trông thấy bóng gió chạy cả. Quân ta bèn đóng ở Long Hồ. Văn Đa cáo cấp, Huệ lại dẫn quân đến, đánh vài lầlợi, muốn dẫn quân về; có kẻ bề tôi làm phản là Lê Xuân Giác xui Huệ đem hết quân mạnh phục ở Suy Miệt (98) (thuộc Định Tường), ở Lâm Giang đặt kế để dụ quân nước Xiêm nhân thế thắng xuống thẳng Mỹ Tho, thuỷ quân lục quân của Huệ đánh úp, quân Xiêm thua to, chỉ còn vài nghìn quân tàn, do đường thượng lộ trở về.

Năm Ất Tỵ, Thế Tổ lại sang Xiêm. Huệ để nguỵ Đô úy là Đặng Văn Chấn giữ Gia Định rồi về. Trước kia, đô thành bị quân họ Trịnh chiếm cứ, Hoàng Ngũ Phước chết rồi, đem Bùi Thế Đạt thay trấn, Thế Đạt về lại đem Phạm Ngô Cầu thay làm Trấn thủ. Nhạc muốn lấy đã lâu mà chưa có cơ hội. Năm Bính Ngọ, Ngô Cầu sai thuộc hạ Nguyễn Phu Như đến Tây Sơn xem hư thực thế nào. Phu Như cùng Nguyễn Hữu Chỉnh vẫn quen nhau. Hữu Chỉnh hỏi, Phu Như nói cho Chỉnh biết tình trạng có thể lấy được. Hữu Chỉnh vốn là môn thuộc của Hoàng Ngũ Phước. Ngũ Phước sai đi sứ đến chỗ Nhạc, Nhạc có phần coi trọng Hữu Chỉnh, sau Chỉnh thuộc theo Hoàng Tố Lý (Tố Lý là con nuôi Hoàng Ngũ Phước). Kịp khi Tố Lý bị kiêu binh Tam Phủ giết, Chỉnh ở Nghệ An, nghe có biến, sợ bị bắt, bèn mang gia quyến vượt biển đến với Nhạc, bàn kế hoạch cho Nhạc, nói gì Nhạc cũng theo cả. Kịp khi Phu Như đến, Chỉnh đem lời nói của Phu Như nói với Nhạc, bấy giờ, Nhạc cho Huệ làm Tiết chế các quân thuỷ bộ, Chỉnh làm Đô đốc Hữu quân, con rể là Vũ Văn Sỹ (có chỗ chép là Nhậm) làm Đô đốc Tả quân; Lữ đem thuỷ quân kế tiếp tiến đi. Tháng 5, Huệ tiến lấy được Bắc Hà, đưa thư về báo (lời trong thư chép ở truyện Huệ). Nhạc không bằng lòng, sai người ngăn lại thì thuyền quân của Huệ đã vượt biển rồi. Kịp khi nghe tin Huệ lấy được thành Thăng Long, Nhạc cả sợ, cho là Huệ giữ quân ở ngoài, không thể dùng một mảnh giấy mà triệu về được bèn đem 500 thân binh kíp đến Phú Xuân, chọn thêm quân tinh nhuệ đi gấp đường đến mau. Khi ấy, Lê Hiển Tông đã mất, cháu đích tôn là Lê Duy Kỳ nối ngôi (tức là Chiêu Thống đế), nghe tin Nhạc đến, đem trăm quan ra ngoài cõi để đón. Nhạc ruổi quân đi mau người đến nói là hôm khác sẽ đến ra

mắt. Ngày hôm sau, Chiêu Thống đế thân đến chỗ Nhạc, Nhạc chấp tay đứng trên thềm, sai Huệ xuống thềm để đón rước. Nhạc ngồi ở giữa, Chiêu Thống đế ngồi hướng về bên Đông; Huệ ngồi hướng về bên Tây. Chiêu Thống đế thòng dong yên ủi tạ ơn xin cắt mấy quận ấp, khao thưởng tướng sĩ. Nhạc đáp rằng: Vốn vì họ Trịnh chuyên chế, cho nên mới làm việc tôn vua phù nhà Lê này; nếu đất của họ Trịnh thì một tấc không để, đến như đất vua nhà Lê, một tấc cũng không dám lấy, chỉ mong Tự hoàng phân phát giềng mối nhà vua, giữ yên trong cõi, đời đời hoà mục giao hảo với nước láng giềng, đó là Phước của hai nước vậy.

Nhạc khi mới đến Thăng Long, trong ngoài ngờ sợ, hoặc có kẻ khuyên Chiêu Thống đế dâng biểu xin hàng; đến đây tình người mới yên. Nhạc ở lại mười ngày, rồi đem Huệ và tướng sĩ trở về Nam. Lấy từ núi Hải Vân trở ra ngoài thuộc về Huệ làm Bắc Bình vương; Gia Định thuộc về Lữ làm Đông Định vương, mà tự xưng là Trung ương Hoàng đế.

Nhạc đã đắc chí, ngày càng dâm ô, bạo ngược, giết Nguyễn Thung, lại thông dâm với vợ Huệ, người đều chê là xấu. Việc đi xâm lấn miền Bắc, của báu ở phủ chúa Trịnh, về cả tay Huệ, Nhạc đòi không cho, Huệ muốn lấy cả đất Quảng Nam, Nhạc cũng không cho, mới thành ra cừu thù hiềm khích nhau. Huệ bèn truyền hịch kể tội ác của Nhạc, đến nỗi bảo Nhạc là giống sài lang chó lợn. Hịch văn có câu rằng: "Tội không gì lớn hơn là giết vua (99), sao có thể một sớm khinh suất can không nghe thì đổi ngôi, thực quan hệ đến sự yên nguy muôn đời".

Tờ hịch ấy là nguỵ Lại bộ Hồ Đông làm ra. Nhạc xem thấy cả giận, bèn sửa quân đánh nhau, Huệ tự cậy là thế lớn, dẫn quân đánh thẳng vào Quy Nhơn bao vây vài tháng. Nhạc đóng chặt thành tự giữ. Huệ đắp núi đất đặt súng lên để bắn, đạn rơi vào trong thành lớn như cái đầu sai người nhặt lấy khóc và tố cáo ở nguỵ miếu. Tướng của Nhạc là Đặng Văn Chấn (có tên là Trấn) từ Gia Định về viện trợ, đi đến Phú Yên, bị Huệ bắt được. Nhạc bèn ở trên thành gọi Huệ bảo rằng: "Nồi da nấu thịt lòng em sao nỡ thế". Cùng hướng vào nhau khóc rống lên hồi lâu, rồi đều giải quân giảng hoà, lấy Bản Tân làm giới hạn, từ Quảng Ngãi trở vào Nam thì Nhạc làm chủ; từ phủ Thăng, phủ Điện trở ra Bắc, thì Huệ làm chủ; đó là mưu kế của người bề tôi yêu của Huệ là Trần Văn Kỷ bày ra. Nhạc đã cùng Huệ có hiềm khích, từ đây ở trong cùng phòng bị nhau, không kịp nhòm đến miền Nam nữa.

Năm Đinh Mùi (1787), Thế Tổ từ nước Xiêm trở về, tiến đến cửa biển Cần Giờ, Lữ lui giữ Lượng Phụ (thuộc Biên Hoà), nguỵ Thái bảo là Phạm Văn Tham giữ Sài Gòn, quân ta đánh không hạ được; bèn giả làm mật thư của Nhạc nói là Tham kiêu hoạnh, sai Lữ đặt kế để giết đi; rồi giả cách đưa lầm thơ đến chỗ Tham. Tham cả sợ, tức thì giả cách dựng cờ trắng lên, đem quân xuống Lượng Phụ. Lữ ngờ Tham đã đầu hàng, bèn chạy về Quy Nhơn, rồi chết. Tham sau sức kém đầu hàng rồi lại mưu làm phản, bị giết chết.

Mùa đông, năm Mậu Thân, Chiêu Thống đế dẫn quân nước Thanh vào giữ thành Thăng Long. Huệ xưng là Hoàng đế cất quân ra miền Bắc, vua Lê chạy ra khỏi nước, Huệ bèn có cả cõi đất nước An-Nam (lời nói chép ở truyện Huệ).

Khi ấy, Thế Tổ ta dã lấy được Gia Định, nhân thế thắng lấy lại Bình Thuận, Bình Khang, Diên Khánh, thanh thế lừng lẫy lên. Nhạc thế ngày càng cùng quẫn, chỉ bo bo giữ được Quy Nhơn, Quảng Ngãi, Phú Yên thôi. Mùa thu năm Nhâm Tý, Huệ chết, con là Quang Toản nối ngôi nguỵ. Nhạc nghe tin Huệ chết, thân đem liêu thuộc hơn 300 người cùng với em gái đến hỏi thăm, đi đến đầu địa giới Quảng Ngãi bị đồn tướng của Huệ ngăn trở. Nhạc lại về Quy Nhơn, sai một mình em gái đi.

Năm Quýửu (1793), quân ta vây sát thành Quy Nhơn. Nhạc sai con là Bảo chống cự, quân thua tan vỡ chạy cả. Khi ấy Nhạc đã bị bệnh, đưa thư đến Phú Xuân cáo cấp. Toản sai nguỵ Thái uý là Phạm Công Hưng, Hộ giá Nguyễn Văn Huân, Đại tư lệ là Lê Trung, Đại tư mã là Ngô Văn Sở, đem 17.000 bộ binh, 80 thớt voi; Đại thống lĩnh là Đặng Văn Chân đem hơn 30 chiếc thuyền quân, chia làm 5 đạo vào cứu viện. Quân ta giải vây về. Bọn Hưng vào thành Quy Nhơn, Nhạc đem vàng bạc mỗi thứ một mâm khao quân. Hưng bèn biên các kho tàng thu lấy giáp binh mà giữ lấy thành. Nhạc giận thổ ra máu chết (tiếm vị 16 năm). Toản phong con Nhạc là Bảo làm Hiếu công, cắt cho một huyện Phù Ly để làm ấp ăn lộc, gọi là Tiểu triều. Mẹ Bảo nói khích Bảo rằng: "Khai thác cõi đất đều là công cha mày, nay chỉ ăn lộc có một huyện, nếu sống mà chịu nhục chẳng thà là chết còn hơn".

Hưng rồi sau bị bệnh về Phú Xuân. Nguỵ Thị trung tham mưu là Bùi Đắc Trụ (là con Thái sư Bùi Đắc Tuyên), cùng Nguyễn Văn Huấn, Lê Trung cùng nối nhau ở lại giữ, tiếng là giúp Bảo, kỳ thực là ngầm ức chế Bảo. Bảo đã bị Toản bóc lột, lại bị bọn Trung hiếp chế, rất không bằng lòng.

Mùa hạ năm Đinh Tỵ, Thế Tổ ta thân đốc quân thuyền vào cửa biển Thi Nại, đánh không hạ được, bèn tiến đóng quân ở trấn Đà Nẵng, thuộc Quảng Nam, sai người mật dụ Bảo rằng: Nay quân ta tiến lấy Quảng Nam, rồi sẽ lấy Quy Nhơn, ngươi muốn rửa thù cho cha ngươi, nên chiêu tập quân cũ đợi khi quân ta đến dưới thành, thì giết Lê Trung để đón quân vua, đổi tội lập công, ở việc làm ấy, chớ cho là tội của cha lây đến con mà ngờ vực, ta quyết không giết người đầu hàng đâu, phải nên liệu tình đấy.

Mùa thu, quân ta về Gia Định, Bảo từ khi được mật dụ ấy ngầm có chí quy thuận. Năm Mậu Ngọ, Trung nghe tin Thiếu phó là Trần Quang Diệu cùng với các tướng không hoà mục với nhau, bèn tự đem quân trong bộ thuộc về Phú Xuân, để Uyên Thành hầu (không chép tên) ở lại giúp Bảo, Bảo bèn giam Uyên Thành hầu mà giữ lấy thành, sai Đô đốc là Đoàn Văn Cát, Nguyễn Văn Thiệu giữ Phú Yên, dâng biểu xin đầu hàng ta, và nói rằngước kia Vi Tử chạy về nhà Chu, Trương Lương về với nhà Hán, thực cho là mệnh trời đã thuộc về Chu, Hán. Xin đại binh đến ngay, tình nguyện làm quân tiền khu. Thế Tổ nhận tờ biểu sai bọn Nguyễn Văn Thành đến tiếp ứng. Quân ta chưa đến, Toản đã đem binh vây thành, bắt Bảo về, cho uống thuốc độc giết chết.

Nguyễn Văn Huệ

Là em Nguyễn Văn Nhạc, tiếng nói như tiếng chuông lớn, mắt sáng nhoáng nhoáng như chớp, giảo hoạt khôn ngoan, hay đánh nhau, người đều sợ cả. Năm Ất Mùi (1775) đánh úp phá được Phú Yên, Nhạc nêu công lên Hoàng Ngũ Phước, Ngũ Phước tạm cho làm Tây Sơn hiệu tiên phong tướng quân. Kịp khi Nhạc xưng đế cho làm Long Nhương tướng quân, bốn lần cướp Gia Định. Ra trận tất thân đi trước, tướng sĩ hiệu lệnh nghiêm ngặt rõ ràng, bộ khúc đều có lòng mến phục cả. Năm Bính Ngọ, Nhạc sai làm Tiết chế các bộ, đánh úp được Phạm Ngô Cầu, bèn đánh bừa ra Bắc. Từ đây, thế ngày càng lớn lên, không thể ngăn được. Đô thành tự khi bị họ Trịnh xâm chiếm phải lưu lại 3.000 đồn binh, 30.000 lính thủ, đãi một Đại tướng, một Phó tướng, một Phó đốc thị. Hoàng Ngũ Phước chết đi, Bùi Thế Đạt, Phạm Ngô Cầu cùng nối nhau làm Trấn thủ, ngang ngược tham nhiễu, rất là thối nát. Phạm Ngô Cầu lại nhút nhát hay ngờ vực, không hợp với Phó tướng Hoàng Đình Thể. Nhạc và Huệ nhòm ngó đã lâu đến đây thì biết là đã có thể lấy được. Trước hết sai thuật sĩ đem việc hoạ Phước làm cho Cầu mê hoặc, sai tướng sĩ đặt đàn

chạy lớn ngày đêm không nghỉ, quân bộ của Huệqua núi Hải Vân, tướng của họ Trịnh là Hoàng Nghĩa Quyền đánh nhau bị chết, quân thuỷ của Huệ từ cửa biển vào, hai đường đều tiến lại, Cầu nghe tin báo vội từ đàn chạy về mưu đem quân để chống. Nhưng quân lính mỏi mệt đã lâu đều không có lòng chiến đấu. Huệ mật sai Hữu Chỉnh đem thư bọc nến ước với Đình Thể làm nội ứng, mà giả cách đưa lầm đến cho Cầu. Cầu cho là Thể với Chỉnh cùng là môn hạ của Ngũ Phước, tất không lợi cho mình, trong lòng ngờ vực sợ hãi, riêng tính kế đón hàng, để mong được thoát khỏi chết. Rồi thì quân Huệ chợt đến, quân thuỷ quân bộ đánh giáp lại. Cầu sai Thể ra khỏi thành đón đánh. Thành gần bờ sông, quân ở thuyền của Huệ ngửa trông lên chân thành cao hơn 2 trượng, không thể ngửa lên bắn được, Thể bắn súng lớn chìm một chiếc thuyền, quân Huệ hơi lùi. Chợt khi nước sông lên mạnh thuyền sát đến thành, chiếu vào thành mà bắn, rồi cho quân bộ vây các cửa thành. Thể cùng hai con hết sức đánh, chém giết được vài trăm người. Thuốc đạn đều hết, sai người xin ở Cầu, Cầu không cho, Thể cả giận, muốn vào thành giết Cầu trước rồi sau mới ra đánh, thì đã thấy trên thành dựng cờ trắng rồi. Thể lại vây quân đem dao ngắn đánh tiếp, giết được vài mươi người, hai con đều chết ở trận. Thể sức kém, cũng tự đâm cổ chết ở trên bành voi. Huệ đem quân đánh vào thành giết rất dữ, quân miền Bắc ở trong thành vài vạn người đều giết hết cả. Người nào chạy ra ngoài thành, thì dân tranh nhau giết chết. Đốc thị là Nguyễn Trọng Đương cũng chết ở trong đám loạn quân. Cầu trói tay về sau lưng xin hàng, quân Tây Sơn đưa về Quy Nhơn giết đi.

Huệ đã đánh được Ngô Cầu, nhân thế thắng đánh Động Hải, tướng giữ thành là Ninh Tốn bỏ thành trốn. Huệ mới sửa sang giới cũ La Hà, muốn chia giới hạn để giữ. Bấy giờ, Chỉnh nói với Huệ rằng: Tướng quân một lần đem quân đi mà định được Thuận Hoá, uy thanh lừng lẫy đến Bắc Hà. Về đạo hành quân, một là thời, hai là thế, ba là cơ hội, ba điều ấy có thể lợi dụng được thì đến đâu cũng thắng. Nay ở Bắc Hà tướngười quân kiêu, ta nhân thế đại thắng mà lấy, thế gọi là kiêm nước suy yếu lấy nước đương loạn, coi kinh nước sắp mất. Thời và cơ hội ấy không nên bỏ mất.

Huệ nói: Bắc Hà rất nhiều nhân tài, há nên khinh dị. Chỉnh nói: Nhân tài Bắc Hà duy có một mình Chỉnh này thôi, Chỉnh đi rồi là không còn ai nữa, xin Quốc công chớ ngờ. Huệ cười nói rằng: Người khác không đáng ngờ, ngờ hoặc ở ông thôi. Chỉnh tái mặt đi, nói từ tạ rằng: Chỉnh cũng tự cử mình là kẻ hèn ngu, để nói quá là Bắc Hà không có nhân tài đó thôi. Huệ lại lấy lời nói khác để yên ủi Chỉnh rằng: Nước đã lâu vài trăm năm, một sớm cướp mà lấy, người ta gọi quân ấy là quân gì? Chỉnh nói rằng: Nay Bắc Hà có Đế lại có Vương, là việc tai biến đến cực từ xưa đến nay, họ Trịnh tiếng là giúp vua cai trị, kỳ thực là hiếp chế, người nước không theo đã lâu rồi, sở dĩ không dám hành động là vì yếu thế mà thôi. Tướng quân nếu lấy tiếng là phù nhà Lê diệt họ Trịnh thì thiên hạ không ai là không hưởng ứng, đấy là một cơ hội nghìn năm mới gặp. Huệ nói: Ngươi nói rất phải, còn như việc trái mệnh lệnh thì sao? Chỉnh nói: Truyện Xuân thu nói rằng: Trái mệnh lệnh nhỏ mà được công lớn, thì là có công, trái mệnh có can gì; huống chi, tướng ở bên ngoài thì mệnh lệnh

của vua cũng có việc không chịu theo, ông há không nghe thấy ư? Huệ vốn là người hăng mạnh, được lời Chỉnh nói cả mừng, bèn sai Chỉnh đem quân thuyền vượt biển đi trước, hẹn khi đến sông Vị Hoàng thì đốt khói lửa làm tin. Huệ để Lữ ở lại giữ, dưa thư về báo cho Nhạc biết mà tự thống lĩnh đại đội binh thuyền kế tiếp đi. Chỉnh đi qua Thanh, Nghệ đều sai bộ binh lên bộ, dương to thanh thế, không ai dám chống cự lại. Kịp khi đến sông Vị Hoàng tướng giữ trông thấy bóng gió sợ chạy tan cả, thu được thóc công một trăm vạn hộc. Bèn đốt lửa lên làm tin. Gặp khi gió Nam thổi mạnh, quân thuyền của Huệ vài trăm, đồng thời chở nhanh như bay, cờ quạt tươi sáng, khí mạnh gấp trăm lần. Phụ lão ở Thanh, Nghệ trông thấy than rằng: Cõng rắn cắn gà nhà, Chỉnh thực có tội, nhưng cũng là việc làm không đời nào có

Huệ đã đến sông Vị Hoàng, thành Thăng Long cả báo động, Trịnh Khải sai Trịnh Tự Quyền đem quân bộ xuống Sơn Nam; Đinh Tích Nhưỡng đem quân thuyền chặn ở sông Lỗ Giang, làm trận chữ nhất, khi ấy, nước lụt mới cạn, Huệ đem lấy 5 chiếc thuyền mông sung (thuyền che kín bằng da trâu), tiến đi trước, bày trận sát đến Lỗ Giang. Quân của Nhưỡng tranh nhau bắn súng, im lặng không động đậy, kịp đến sáng mới biết là thuyền không, thì thuốc đạn đã hết rồi. Binh thuyền của Huệ kéo đến, nhân chiều gió bắn súng, lửa, đạn bay rực trời, tiện ngang cây to. Quân của Tự Quyền tan vỡ trước. Nhưỡng lui giữ Hàm Giang. Trấn thủ Sơn Nam là Đỗ Thế Dận bỏ trấn chạy. Trong triều ngoài nội sợ hãi rối loạn, không đâu là không trông hút chạy trốn cả. Quân các lão tướng là Hoàng Phùng Cơ quân bộ đóng ở hồ Vạn

Xuân, quân thuỷ đóng ở Thúy Ái, Huệ liền đánh phá được, đánh trống reo hò tiến thẳng đến bến Tây Long. Trịnh Khải mặc áo chiến ra trận chỉ huy các quân. Quân Tây Sơn đốt ống phun lửa xông vào trận, quân của Trịnh tan vỡ. Huệ bèn vào thành đóng quân ở trong phủ chúa Trịnh, xuống lệnh chiêu an. Khi ấy là ngày 26 tháng 6.

Trịnh Khải chạy đến Sơn Tây, bị dân nghịch đánh lừa đưa đến chỗ quân của Huệ. Trong khi đi đường Khải tự đâm cổ chết. Huệ vỗ vào xác Khải bảo rằng: Đáng tiếc người con trai tốt đẹp này, nếu lúc trước sớm liệu đầu hàng, thì không đến nỗi mất phú quý, tội gì mà phải tự giết hại mình. Sai lấy lễ vương chôn táng.

Ngày Huệ vào thành, trước hết sai người thông tin đến vua Lê, xin lấy ngày hôm sau tiến đến yết kiến. Ngày hôm sau, Huệ đến đền Vạn Thọ yết kiến. Vua sai nâng dậy, cho ngồi giường riêng, ôn tồn yên uỷ. Huệ thưa rằng: Thần nổi dậy ở Tây Sơn, ngửa trông ơn đức của Thánh thượng đã lâu, nhân vì họ Trịnh lấn át bức bách, cho nên trời mượn tay thần, cất quân đánh một trận diệt đi, đó là nhờ uy đức của bệ hạ mới được như thế. Vua nhún nhường cho đều là công của Huệ cả. Huệ thưa rằng: Thần chỉ tôn vua giúp nước, không dám kể công lợi. Việc ngày nay toàn là ý trời; tức như nhân chúng thuyền mành, thần có thể dong đi được, đến như nước lụt rút đi gió Nam mạnh lên, há phải sức thần có thể làm được đâu? Đó là trời xui nên cho nhà vua thống nhất bờ cõi. Từ nay dựng đặt giềng mối, yên ổn trong ngoài, thần cũng được chịu Phước. Nhân chỉ vào Nguyễn Hữu Chỉnh nói rằng: Đây là bề tôi cũ của nhà vua, thần được đến đây cũng

là sức của người ấy. Vua nói rằng: Chỉnh được đến đây cũng là Lệnh công tác thành cho. Chỉnh cúi đầu lạy tạ. Thong dong cho uống nước chè rồi lui về. Từ đây tình người đều được yên, triều thần dần dần lại họp đông.

Chỉnh nhân nói với Huệ rằng: Tướng quân lại đây lấy danh nghĩa là tôn vua phù nhà Lê, nên phải thực hành, chứ ngày hôm trước yết kiến riêng, việc chưa minh bạch với thiên hạ, nên chọn ngày triều kiến, để cho người cả nước cùng biết, mới là việc làm chính đại. Huệ theo lời. Mùa thu tháng 7, ngày mồng bảy, xin vua Lê thiết đại triều ở diện Kính Thiên. Huệ đem tướng sĩ từ cửa Đoan Môn vào làm lễ năm lạy ba lần cúi đầu, tự trình bày về nghĩa diệt họ Trịnh, đem sổ sách quân dân tiến trình và nghe lời xử đoán. Vua Lê nhận lấy, ban chiếu thư nhất thống ở ngoài cửa Đại Hưng. Ngày hôm sau, phong Huệ làm Nguyên suý dực chính phù vận, Uy quốc công. Huệ lạy nhận mệnh rồi, bảo riêng với Chỉnh rằng: Ta mang vài vạn quân, một lần đánh mà định được Bắc Hà, một thước đất một người dân, đều là của ta cả. Nếu ta xưng đế xưng vương, có gì là không được, ta sở dĩ nhún nhường mà không ở vào ngôi đế vương là có lòng hậu với nhà Lê mà thôi. Còn mệnh lệnh phong làm Nguyên suý, Quốc công đối với ta có thêm lên cái gì, chẳng là lấy tiếng không mà ràng buộc ta ư? Chỉnh biết Huệ không vừa ý, bèn nói với vua Lê đem con gái nhỏ là Ngọc Hân Công chúa gả cho. Khi ấy, vua Lê đã mệt nặng, Huệ cưỡng ép xin thiết triều nhận lễ mừng. Ngày hôm sau vua Lê ốm sắp chết, Ngọc Hân mời Huệ vào hỏi thăm, Huệ nói rằng: Ta ở xa lại người nước còn chưa tin ta, nếu ta vào chầu hầu, l vua mất hoá chẳng ra để cho ta bị tiếng nghi ngờ

không thể biện bạch dược ư? Rồi vua Lê mất, Ngọc Hân vốn không ưa Tự tôn, ngầm đem hai việc kể xấu với Huệ, Huệ tin lời Ngọc Hân, muốn hoãn lễ lên ngôi. Cả triều ngờ sợ. Các người họ Tôn Thất đều trách Công chúa là làm lỡ việc lớn. Công chúa sợ, về xin với Huệ để lập Tự tôn. Huệ nghe cho. Bấy giờ Tự tôn là Duy Kỳ lập lên (tức Chiêu Thống đế). Ngày hôm thành phục, Huệ mặc áo tang đứng ở bên tả điện, có người Chấp sự cười trộm, sai đem ra chém ngay. Đến khi phát dẫn, Huệ thân đưa đến bến sông rồi trở về. Huệ lưu lại không bao lâu, Nhạc từ Tây Sơn đến, ở lại mười ngày, Huệ theo Nhạc về miền Nam (chép rõ ở truyện Nhạc). Khi đến Nghệ An, mưu chiếm cứ đất ấy. Nghe tiếng xử sĩ ở La Sơn là Nguyễn Thiếp, đưa thư và lụa để mời ra. Thiếp đến, cho làm Sùng chính thư viện trưởng.

Trước đây, Huệ mưu về miền Nam, không để cho Hữu Chỉnh biết, kịp khi đến Nghệ An, Chỉnh lại theo sau, cố xin đi theo. Huệ nói: Nay tướng của họ Trịnh là Hoàng Phùng Cơ, Đinh Tích Nhưỡng chưa trừ khử được, Bắc Hà không có ông ở lại dấy không được. Nhân cho 20 lạng vàng, 200 lạng bạc, sai cùng với Nguyễn Văn Duệ giữ Nghệ An, Đô đốc là Vũ Chiêu Viễn đóng đồn ở Hà Trung, Vũ Văn Nhậm đóng đồn ở Động Hải, để giúp đỡ lẫn nhau. Huệ dặn riêng bọn Duệ rằng: Chỉnh vốn là người trốn đi, đến theo với ta là kẻ giáo giở, không thể tin được. Ta trước vốn mượn tay người bắt giết đi, không ngờ hắn lại trốn chết cùng đi theo, đối với nghĩa lại không nỡ bỏ. Nghệ An là quê nhà hắn, nên xét kỹ việc làm của hắn mà phòng bị. Nếu có biến, đưa thư báo ngay cho ta. Bèn dẫn quân về miền Nam. Chỉnh ở Nghệ An, tụ họp bọn hương dũng, ngầm có chí tranh giữ Nghệ

An. Gặp khi các bề tôi nhà Lê lại lập Trịnh Bồng làm Án Đô vương, Chiêu Thống Đế trơ trọi một mình, triệu Chỉnh về để tự vệ. Chỉnh đã đến, Bồng chạy, Chỉnh vì có công, được cho làm Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ, tước là Bằng Trung công; mở quân doanh Vũ

Huệ cùng với Nhạc có hiềm khích, Duệ là tướng cũ của Nhạc, ngầm hai lòng với Huệ. Chỉnh đem nhiều vàng lụa hậu kết với Duệ, hẹn nhau mưu bỏ Vũ Chiêu Viễn, giữ lấy Nghệ An, sửa luỹ Hoành Sơn, rạch sông Gianh làm giới hạn, như việc cũ của triều trước. Duệ cũng đưa thư trả lời, thành tích hơi lộ. Nhậm do thám biết, gửi thư báo là có biến. Huệ đương cùng với Nhạc liên binh chống nhau, không đi dược, bèn sai Nhậm đi mau đến Nghệ An bắt Duệ và xét ý hướng của Chỉnh. Nhậm được lệnh gấp đường đi mau, đến Hà Trung thì Duệ đã theo đường trên về Quy Nhơn rồi. Nhậm bèn điểm binh thu lương, chia đóng đồn các chỗ yếu hại; đưa thư hỏi Chỉnh về việc thông nhau với Duệ. Chỉnh đưa thư trả lời biện bạch rõ ràng. Nhậm lại lấy lời nói khéo yên ủi giải thích, để cho yên tâm.

Năm Đinh Mùi (1787), Chiêu Thống đế sai Lê Duy Yên, Bình chương sự là Trần Công Sán (Tiến sĩ, người làng Tri Chỉ huyện Phú Xuyên) mang thư đưa cho Huệ xin lại đất Nghệ An. Huệ giận, sai giam vào ngục. Ngô Văn Sở xin giết đi. Khi ấy, Huệ cùng Nhạc đương đem quân cùng đánh nhau, Huệ nhân bảo Văn Kỷ rằng: Biến ở trong nhà không thể để cho người ngoài nghe thấy. Nay sứ giả miền Bắc ở đây, cho về thì tiết lậu tình trước, giết đi thì mang tiếng không tốt. Bèn cho về mà sai Đô

đốc là Vũ Văn Nguyệt đem quân thuyền đưa đến ngoài biển Đan Nhai, làm cho thuyền rò nước vào chìm đi, bọn Sán đều chết. Rồi Huệ cùng Nhạc giảng hoà mà về. Huệ bảo những người ở dưới rằng: Nguyễn Hữu Chỉnh là đứa cùng đinh thất nghiệp, ta vẽ mặt vẽ mày cho nó, nay nhởn nhơ ở Bắc Hà, hiệu lệnh một nước, nghiễm nhiên tự ở vào địa vị Trịnh suý, lại muốn mưu tranh Nghệ An để đối địch với ta. Lập tức sai Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân lĩnh quân ra Nghệ An, theo tiết chế của Nhậm. Quân đi đến Thanh Hoá, Trấn thủ là Lê Duật lui đóng đồn ở bên Bắc sang Trinh Giang, Sở ven núi đi, lẻn sang qua sông Tất Mã đánh úp phía sau, quân Duật tan vỡ, Duật bị Sở giết chết. Chỉnh sai thuộc tướng là Nguyễn Như Thái làm Thống lĩnh, Ninh Tốn làm Tham tán quân vụ. Khi đến Châu Cầu, nghe tin Duật dã chết, muốn dựa núi Tam Điệp làm chỗ vững bền. Đi đến sông Giản, thì quân Nhậm đã qua núi Tam Điệp rồi. Thái đón đánh không địch được, chết ở trận; Tốn chạy náu vào nhà dân được khỏi chết.

Chỉnh nghe tin báo cấp, sai con là Hữu Du lĩnh lính cơ Ngũ súng đi trước, đến sông Thanh Quyết đắp luỹ cố giữ. Khi ấy trời rét buốt, quân lính đều đốt củi ngồi sưởi ấm, quân Tây Sơn trông chỗ nào có lửa thì bắn vào, không phát súng nào là không trúng. Quân của Du sợ chạy tán loạn. Chỉnh ở Bình Vọng nghe thấy tin báo, đêm khuya dẫn quân về thành, trước hết đem vợ con chạy sang Kinh Bắc, Chiêu Thống đế thảng thốt không biết làm thế nào, cũng đem cung quyến qua sang. Gần tối Nhậm vào thành, cho quân đi cướp bóc, sai Bộ thương là Nguyễn Văn Hoà đuổi theo kịp Chỉnh đánh nhau ở núi Tam Tầng, Hữu Du hết

sức đánh, chết ở trận. Chỉnh ngã ngựa bị bắt đưa về Thăng Long. Nhậm kể tội của Chỉnh, sai đem xẻo ra từng mảnh. Chiêu Thống đế lánh ở trong núi Bảo Lộc, Nhậm bèn lấy Sùng Nhượng công họ Lê là Duy Cận coi việc nước. Ngô Văn Sở không bằng lòng với Nhậm, vu cho là Nhậm làm phản, Huệ giết đi (Nhậm là con rể Nhạc). Lúc trước Huệ tuy sai Nhậm đi, mà lòng vẫn ngờ, mật bảo Ngô Văn Sở, Phan Văn Lân rằng: Nhậm đi lần này giữ trọng binh, chuyên coi nước lớn, việc biến xảy ra, không thể tính trước được, đáng lo nghĩ không ở Bắc Hà, mà chỉ ở Nhậm thôi, bọn ngươi nên để ý đấy. Ví như lửa cháy, dập ngay từ lúc mới bùng lên thì dễ. Kịp khi Nhậm nhân thế thắng kéo tràn đi, như vào ấp bỏ không. Nguyễn Hữu Chỉnh đã bị bắt, Chiêu Thống đế ra ở ngoài; Kinh Bắc thì Trần Quang Châu, Hoàng Xuân Tú, Sơn Nam thì bọn Nguyễn Viết Khang chiếu theo địa phận đóng giữ. Thân thuộc nhà Lê là Duy Trọng, Duy Lãm thì nổi lên ở Thanh Hoá, Duy Chỉ thì nổi lên ở Châu Định cùng tiếp ứng với nhau, có Trần Đình Khôi là người ở xã Cơ Xá, huyện Gia Lâm tự xưng là Thiêm sự nhà Lê nói với Nhậm rằng: Bắc Hà tuy thâm oán Chỉnh mà lòng vẫn nhớ nhà Lê chưa thôi, Tự quân ra đi, chưa biết kỳ nào về. Nay có Sùng Nhượng công là Lê Duy Cận, khi tiên đế còn sống đã lập làm Đông cung; khi biến loạn năm Nhâm Dần, bị bọn kiêu binh phế đi. Nếu ông lập lại chỉ treo một tờ giấy ở cửa Đại Hưng, thì không đến một ngày các quan văn vũ họp lại tất cả, việc trong thiên hạ dễ như trở bàn tay mà thôi. Sở gật đầu nghe theo, sai người đón Duy Cận về coi việc nước, ở chái bên tả điện Cần chính. Cho tìm khắp các bề tôi nhà Lê, cũng không một người nào đến cả. Trong kinh gọi rằng: Giám nhân lại mục (100).

Sở nói với Nhậm rằng: Ta xem bộ mặt Sùng Nhượng công như thế thì sai khiến người thế nào dược? Từ xưa đến nay, thiên hạ không phải là của riêng nhà ai, nếu có thể lấy được thì lấy đi, việc gì lại mượn một đứa hèn hạ ở hàng chợ trông coi việc nước, làm chủ nhân tượng gỗ, ta đóng mãi trong thành lại vì nó làm khách lưu ngụ ư? Nhậm nói rằng: Lòng người Bắc Hà còn nhớ họ Lê, không thể không tạm theo lòng mong của dân chúng được; bọn ông chỉ biết đánh nhau mạnh thôi, còn việc ấy dã có ta chủ trương. Sở im lặng, lui về bảo Lân rằng: Tiết chế khinh người quá lắm, xem nó có tài đức gì dám đối đãi ta như bọn quân lính. Bèn ngầm trích ra những việc Nhậm đã làm trái phép, cho là sự trạng làm phản, dẫn Lân làm chứng việc ấy, mật sai người báo với Huệ, Huệ bảo rằng: Vũ Văn Nhậm đáng giết chết thôi, ta vẫn biết nó tất làm phản, nay quả nhiên. Bèn hạ lệnh ra quân, ngày đêm đi gấp hơn mười ngày đã đến Thăng Long, vừa trống canh tư, Nhậm ngủ mệt không biết gì. Huệ vào trong chỗ nằm, sai vũ sĩ là Hoàng Văn Lợi đâm chết, khiêng xác ra sau phủ đường. Đến mờ sáng cho Ngô Văn Sở thay lĩnh quân chúng, vẫn cho Sùng Nhượng công là Duy Cận coi việc nước, giữ việc thờ tự nhà Lê, triệu hết mọi bề tôi nhà Lê cho làm quan chức. Có viên Thị lang là Ngô Nhậm, người làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, đỗ Tiến sĩ đời Lê trước, bị tội trốn tránh đến đây mới ra thú, nhờ Trần Văn Kỷ dẫn ra mắt Huệ. Huệ vẫn nghe Nhậm là người có tài nên coi trọng, cho làm Thị trung trực học sĩ, bảo Kỷ rằng: Đây là người ta lại tạo nên đó. Nhậm cúi đầu lạy tạ. Nhậm nhân dẫn: nh là Phan, nhì là Ích, Nguyễn Thế Nhân, Nguyễn Nha, Nguyễn Bá Lan, Nguyễn Du, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tân, Đoàn

Nguyễn Tuấn lục tục đến yết kiến. Huệ cho ích làm Thị trung ngự sử, Lịch làm Hiệp biện đại học sĩ; còn các người khác đều cho làm quan cả. Quốc sư của họ Trịnh là Nguyễn Hoãn, Bình chương Phan Lê Phiên đều lấy cớ là già xin hưu trí; Hành tham tụng là Bùi Bích cáo ốm không chịu làm quan; Thiêm đô ngự sử là Nguyễn Huy Trạc uống thuốc độc chết. Các bề tôi nhà Lê hoặc người trốn tránh nơi núi rừng, hoặc người lẩn ở nhà dân, Ngô Nhậm xui Huệ đều bức bách mời đến.

Ninh Tốn lúc trước trốn tránh không chịu ra, Huệ bắt em là Hương Công lôi ra chém đi để cho Tốn sợ, sau Ninh Tốn mới ra, cũng cho làm quan, không được bao lâu vì có bệnh xin về. Bèn lưu Nội hầu là Phan Văn Bân, Chưởng phủ là Nguyễn Văn Dụng, Đô đốc là Nguyễn Văn Tuyết, Hộ bộ là Trần Thuận Ngôn, Học sĩ Ngô Nhậm theo Văn Sở giữ thành Thăng Long, đặt tiệc rượu đại hội. Huệ bảo mọi người rằng: Sở và Lân là nanh vuốt của ta, nay đem các việc quân quốc trong cả nước trấn giao cho các ngươi được tuỳ tiện làm việc, nên hội đồng bàn bạc với nhau chớ lấy người mới người cũ mà xem cách nhau, đó là điều ta mong muốn vậy. Lại nói rằng: Lê Chiêu Thống vốn ta lập lên, là người tối tăm hèn nhát, tự chuốc lấy bại vong. Nay đem Sùng Nhượng công coi việc nước, sợ sau này Chiêu Thống trở về cùng nhau tranh giành, thành ra tự ta gây nên mối loạn, cho nên không thể không lưu Tư mã Sở ở lại để giúp được, đợi khi bốn cõi đã dẹp yên, sẽ lập tức triệu về. Trước đây, thành Thăng Long thất thủ, Chiêu Thống đế sai bề tôi hầu cận là Lê Quýnh cùng vài mươi người họ Tôn Thất theo quốc mẫu họ Nguyễn và cung quyến đến Cao Bằng, nương tựa Đốc trấn là Nguyễn Công

Túc rồi đưa thư chỉ doanh cho Long Bằng yêu cầu Tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sĩ Nghị mang binh đến cứu viện. Tuần phủ là Tôn Vĩnh Thanh nói rằng: Sinh việc ở biên giới là việc lớn, lợi hại không nhỏ, xin nên tính kỹ đã. Nghị nói rằng: Nạn của một nước hàng năm vẫn đưa lễ cống, không thể không cứu được. Nếu cho là dân mọi rợ xa xôi mà coi cách biệt, thì những nước ở cửu di bát man tôn thờ Trung Quốc sẽ nhờ vào đâu? Bèn triệu bọn Lê Quýnh đến hỏi sự thể, bọn Quýnh nói: Họ Lê có nước hơn 300 năm, lấy ân huệ mà cố kết lòng dân, lấy lễ nghĩa mà bồi dưỡng sĩ khí, cho nên tuy có kẻ phản nghịch tiếm thiết, mà lòng người tôn phụng họ Lê vẫn như trước. Chỉ vì họ Trịnh hiếp chế, lòng người tức giận, Tây Sơn nhân đấy lấy danh tiếng là phù Lê diệt Trịnh, cho nên người nước không ai chống cự lại, không ngờ Tây Sơn đã đắc chí, càng ngông ngược thân chiếm cả kinh đô của nước, đến nỗi Tự quân (vua nối ngôi) phải bỏ chạy ra ngoài, bởi thế người mang bừa, kẻ giáo mác, chỗ này chỗ khác cũng nổi lên, đều xưng là họ Lê, không mưu với nhau mà cùng nói một lời, nếu nhờ được thượng quốc rủ lòng nhân yêu nước nhỏ, đem một toán quân đến tận cõi đất để cứu viện, người trong nước nghe thấy, ai là không phấn khởi, thề quyết chí phục thù, tưởng cũng không đến nỗi phí binh lực của thiên triều lắm. Nghị tức thì phái Binh bị đạo Tả giang Thang Hùng Nghiệp hộ quốc mẫu và cung quyến họ Lê đến yên nghỉ ở thành Nam Ninh, rồi dâng biểu đại lược nói: Tự tôn của cống thần họ Lê, lệ đáng được nối ngôi, chẳng may nước ấy bị phá diệt, mẹ và vợ Tự tôn ấy đến gõ cửa quan kêu xin tình thực đáng thương. Cao Tông nước Thanh xem tờ tâu bảo Nội các đại học sĩ là Hòa Thân rằng: Lê Duy Kỳ nước An-nam tuy chưa được phong,

nhưng là người đáng được nối ngôi, nay còn ở trong nước, mưu tính lấy lại nước, người trong nước còn có lòng tôn sùng nhớ tiếc nước cũ, cũng có thể làm xong việc được. Nguyễn Huệ cậy mạnh cướp nước, phép không dung thứ được, đã phái quân Quảng Tây đi để điều khiển, nếu vẫn còn ngông ngược như trước thì lập tức đem đại binh bốn mặt hội lại đánh, kể rõ để trị. Vậy truyền dụ cho Sĩ Nghị trước hết làm tờ hịch đưa cho nước An Nam để mọi người đều biết cả.

Nghị tức thì tâu nói: An Nam là đất cũ của Trung Quốc, nếu sau khi lấy lại được nước cho con cháu họ Lê rồi thìế đem quân đến đóng thủ, thế là làm được cho nhà Lê còn, mà được nước An Nam, cùng là hai bên được cả.

Phủ thần là Tôn Vĩnh Thanh dâng sớ kháng cự nói: Đương nay họ Lê họ Nguyễn tranh nhau, họ Lê tất bị họ Nguyễn kiêm tính, không gì bằng đóng quân lại không hành động, rồi sau nhân lúc hai bên đều mỏi mệt để đánh lấy,cũng chưa muộn gì. Sau vua nước Thanh theo lời Nghị xin. Vĩnh Thanh cho là không hợp với Nghị, cáo ốm không đi, một mình Nghị vâng chiếu chỉ đem quân Lưỡng Quảng và 2 bộ Vân, Quý 20 vạn quân chia làm 2 đạo, một đạo theo đường Lạng Sơn tiến sang thì Nghị đốc suất, một đạo theo đường Tuyên Quang tiến sang thì Tổng binh Quý Châu đốc suất, đều tuân theo Nghị tiết chế. Trước hết sai Nguyễn Huy Túc về tìm chỗ Chiêu Thống đế ở. Trước đây, Chiêu Thống đế ở trong núi Bảo Lộc, khe động gập ghềnh lẻn đến Hải Dương, Sơn Nam thu hợp quân ứng nghĩa bị Văn Sở đánh phá ở Ngô Đông, lại vượt biển vào Thanh Hoá, mặc áo thường nhân

lẻn về huyện Phượng Nhãn ở Kinh Bắc, mật sai bề tôi thân tín là Trần Danh Án, Lê Duy Đàn đi đường tắt sang nước Thanh xin viện trợ. Khi đi đến phủ Thái Bình nghe tin nước Thanh đã đem quân qua, bèn trở về.

Sĩ Nghị đã đến cửa quan, đưa thư dụ bảo: Ai có thể bắt sống được đích thân Nhạc và Huệ giải nộp, là được công đầu, tướng của Tây Sơn là Nguyễn Văn Diệm, Phan Khải Đức giữ Lạng Sơn, thấy hịch văn sợ hãi, trong một ngày lính thổ trốn đi quá nửa. Khải Đức đến cửa quan đầu hàng trước. Văn Diệm tự liệu quân mình không chống nổi quân nhiều, bèn trốn đi đêm. Kịp khi Chiêu Thống đế xin quân, Tôn Sĩ Nghị nước Thanh đem quân tới cõi, Ngô Văn Sở mới nghe tin báo, sai bọn văn thần là Nguyễn Nha mang ba đạo bẩm văn của Sùng Nhượng công Duy Cận và của thần dân đến quân thứ yêu cầu hoãn quân. Sĩ Nghị khước đi. Sở bèn hội các tướng bàn việc đánh giữ. Ngô Nhậm bàn lui giữ núi Tam Điệp, đường thuỷ đường bộ thông nhau, chiếm cứ nơi hiểm để giữ, sai người mang thư đi ngay để cáp. Sở mới mật truyền các trấn Thái, Lạng ở Kinh Bắc nói phao lên là hội đắp luỹ đất ở sông Nguyệt Đức, rồi ngầm thu quân kéo về. Tư cho các Trấn thủ Hải Dương, Sơn Tây hẹn ngày với trấn Sơn Nam Bắc thành sắm sửa các thuyền đợi thuỷ quân đến tiến đi (Khi ấy, việc phân phái đã định, vụt có tin báo rằng quân nước Thanh đã vào cửa quan, Sở định dẫn quân lui. Lân nói rằng: Quân không cứ gì nhiều, nước không cứ gì là lớn, nay cầm quân ở ngoài, giặc đến không đánh mà vội rút ngay, thì cần người tướng làm gì. Bèn dẫn quân qua sông sang bên Bắc, đêm đến bờ bên Nam sông Nguyệt Đức, Lân đốc tướng sĩ xông pha trời

rét, sang ngang qua sông nhiều người bị chết đuối, người nào vào tới bờ lại bị quân Thanh giết chết, Lân kíp vẫy quân lui, một mình cưỡi ngựa chạy về, Sở không biết tin thua, ra lệnh cho các quân nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi, đến núi Tam Điệp chia đóng đồn cố giữ, kíp sai Nguyễn Văn Tuyết (có chỗ chép là Đinh Công Tuyết) về cáo cấp. Nghị đã đến Kinh Bắc, Chiêu Thống đế ra đi, đến thẳng bến sông Nhị Hà, quân của Nghị đóng ở trên bãi cát bên bờ Nam, làm cầu phao để tiện đường đi lại. Ngày hôm sau, tuyên phong Chiêu Thống đế làm An Nam Quốc vương. Khi ấy là năm Mậu Thân ngày 21 tháng 11. Sở đã rút lui, họ Lê lại sai quân đến nơi coi các trấn ở Bắc Thành. Các quan văn vũ bỏ chạy khi trước, lục tục đến đô thành bái yết, đều xin Nghị ra quân, Nghị nói rằng: Năm đã gần hết, việc gì phải vội vàng, không kíp đánh vội, giặc còn gầy, ta nên nuôi cho nó béo, để nó tự dẫn xác đến để làm thịt. Truyền lệnh cho các quân đóng trại yên nghỉ hẹn đến sang xuân ngày mồng sáu tháng giêng ra quân.

Huệ được tin báo cả mắng rằng: Con chó Ngô là hạng gì, lại dám ngông cuồng như vậy? Tức thì hạ lệnh cử binh. Các tướng đều xin chính vị hiệu trước, để ràng buộc lòng người. Huệ bèn đắp đàn ở bên Nam núi Ngự Bình, lấy ngày 25 tháng 11, tự lập lên ngôi Hoàng đế, đổi năm đầu là Quang Trung (1788); Ngay ngày hôm ấy đem cả tướng sĩ, quân thuỷ quân bộ đều tiến đi; ngày 29 đến Nghệ An đóng quân ở lại hơn 10 ngày, chọn thêm dân Nghệ An, cứ ba đinh lấy một, chiaThuận, Quảng làm 4 doanh Tiền, Hậu, Tả, Hữu, mà tân binh ở Nghệ An là Trung quân, quân đắc thắng có hơn 10 vạn người, voi chiến vài trăm

thớt, duyệt đại binh ở trấn doanh. Huệ thân cỡi voi ra ngoài doanh để uỷ lạo quân lính, bèn hạ lệnh tiến quân đi. Đến ngày 20 tháng 12 đến núi Tam Điệp, Sở và Lân lạy rạp ở bên đường, xin nhận tội, Huệ nói rằng: Bọn ngươi tội đáng chết muôn phần, nhưng nghĩ Bắc Hà mới dẹp yên, lòng người chưa quy phục, bọn ngươi có thể đem toàn quân để tránh mũi nhọn của giặc, trong làm cho khí thế của quân lính khuyến khích lên, ngoài làm cho binh giặc thêm kiêu căng, cũng là kế để dụ giặc. Nay hãy tạm cho các ngươi đổi tội lập công, để xem sự báo hiệu sau này. Bèn khen thưởng các tướng sĩ rồi bảo rằng: Nay hãy ăn tết Nguyên Đán trước, đợi sang xuân ngày mồng 7, vào thành Thăng Long lại mở yến tiệc, bọn các ngươi như lấy lời nói của ta xem là nói dối hay là nói đúng. Bèn truyền lệnh ba quân trực sẵn đợi sai phái. Phái Đại tư mã là Sở, Nội hầu là Lân đem tiền quân làm tiên phong, Hố Hổ hầu đem hậu quân, Đại đô đốc là Lộc, Đô đốc là Tuyết đem tả quân thuỷ sư cũng thuộc vào đấy, vượt biển vào sông Lục Đầu. Tuyết vẫn kinh lược ở Hải Dương để làm ứng tiếp cho Đông đạo, Lộc tìm đường đi mau đến các địa phương Lạng Giang, Phượng Nhân, Yên Thế để ngăn chặn đường về của quân nước Thanh, Đại đô đốc là Bảo, Đô đốc là Mưu đem Hữu quân, voi ngựa thuộc vào đấy; Mưu đi xuyên ra huyện Chương Đức, lấy đường di thẳng đến làng Nhân Mục. Bảo chuyên đem quân và voi, do huyện Sơn Minh ra đến làng Đại Áng huyện Thanh Trì, làm ứng tiếp cho hữu chi. Năm quân đều lạy nghe quân lệnh. Ngày hôm trừ tịch (tức ngày 30 Tết), quân sang sông Giản Thuỷ, Trấn thủ Sơn Nam của nhà Lê là Hoàng Thuỷ Nghĩa quân bị tan vỡ trước. Người lính do thám của nước Thanh ở đồn xa đều bị giết chết hết, vì thế cho nên tuyệt không có tin

báo về quân kéo đến. Từ cửa ô thành Thăng Long đến xã Hạ Hồi Thượng Phước, quân nước Thanh đóng liền dặn bảo, đặt súng lớn lên, ngoài đồn ngầm đặt chấn địa lôi phòng bị rất vững. Năm Kỷ Dậu, mùa xuân, nửa đêm ngày mồng ba tháng giêng quân của Huệ đến Hà Nội, mật vây lấy đồn, lấy ống loa của quân truyền gọi, những kẻ ứng lời, đổi nhau dạ, gần đến vài vạn người. Trong đồn run sợ, không phải đánh tự tan vỡ, lấy hết được lương thực và khí giới của quân. Mờ sáng mồng 5, tiến sát đến luỹ Ngọc Hồi, trên luỹ đạn bắn xuống như mưa, Huệ sai chiến sĩ đội ván gỗ để xông vào trận, mà tự thúc voi đốc đằng sau. Khi đã phá được cửa luỹ, đều ném ván gỗ xuống đất, đem dao ngắn chém bừa đi, quân nước Thanh chống chọi không được, tan vỡ chạy ra bốn mặt gặp máy chôn ngầm, lại bị chấn địa lôi nổ ra, chết và bị thương rất nhiều. Quân Tây Sơn đánh trống reo hò tiến đi liền phá được các đồn Văn Điển, Yên Quyết. Đô đốc nước Thanh là Hứa Thế Hanh, Tổng binh là Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, Tri phủ Điền Châu là Sầm Nghi Đống đều chết cả. Nghị ở bãi cát nghe tin báo, một mình cỡi ngựa chạy về Bắc, tướng sĩ tranh cầu để sang sông, cầu gãy ôm lấy nhau xô nhau lặn xuống sông chết đuối kể đến hàng vạn, nước sông Nhị Hà vì thế chảy không được. Ngày hôm ấy, Huệ dong quân vào thành, áo chiến của Huệ mặc đều bị hơi thuốc súng làm cho biến thành sắc đen sạm. Chiêu Thống đế cũng vội vàng sang sông, theo Sĩ Nghị lên phía Bắc, từ đấy nhà Lê mất. Huệ bèn có cả đất nước An Nam. Sĩ Nghị đã thua, Huệ sai quân đuổi theo đến cửa ải Lạng Sơn, nói phao lên rằng quân qua cửa ải đánh giết không sót người nào, cốt tìm cho được chỗ Chiêu Thống đế ở. Người nước Thanh cả sợ từ cửa quan trở về mạn

Bắc, người già, trẻ con bồng bế nhau chạy, vài trăm dặm tuyệt không có người ở. Quân đạo Vân Quý mới xuống đến Sơn Tây, nghe tin Nghị thua, cũng tìm đường kịp trở về. Vua nước Thanh bèn xuống chỉ lấy các thần là Phước Khang An thay Nghị làm Tổng đốc Lưỡng Quảng, coi đốc binh mã 9 tỉnh điều khiển 50 vạn quân, định ngày đến cửa Nam Quan, kinh lý việc nước An Nam; Trước kia vua nước Thanh sai Nghị đem quân ra liền có mật dụ, đi chậm chớ có mau, trước hết truyền hịch để làm tiên thánh, cho bề tôi cũ nhà Lê về nước, tìm tự tôn họ Lê ra đối địch với Huệ, nếu Huệ lui đ nhân đấy sai tự tôn họ Lê đuổi theo, rồi đem đại binh nối đến, thì không khó nhọc mà thành công, đấy là thượng sách. Nếu người cả nước, một nửa theo họ Lê, một nửa theo Huệ, mà Huệ không lui quân thì đợi thuỷ sư Mân, Quảng ra biển đánh Thuận Quảng trước rồi đem bộ binh tiến đến thì Huệ trước mặt sau lưng đều phải đối địch, thế tất phải quy phục ta, ta nhân đó để cả hai, cắt từ Thuận, Quảng trở vào Nam để cho Huệ ở, từ Hoan, Ái trở ra Bắc, lại đem phong cho họ Lê; nhân đấy đóng đại binh ở nước ấy, để ở xa mà chế ngự lấy, sau này sẽ có xử trí riêng. Tới khi Nghị thua chạy về Bắc, sắc thư mang đi bỏ rơi ở đường, Huệ nhặt được bảo Ngô Nhậm rằng: Ta xem sắc thư của vua nước Thanh chẳng qua chỉ coi mạnh yếu để làm hơn kém mà thôi, việc làm cho nhà Lê còn lại không phải là bản tâm, chỉ mượn đấy làm tiếng mà thực thì mưu tư lợi thôi. Nay sau khi thua tất lấy làm xấu hổ, quyết không cầu hoà; nhưng hai nước đánh nhau cũng không phải là Phước cho dân. Nay chỉ có người nào khéo về giấy tờ mới có thể ngăn được mối binh đao, việc ấy cần ở ngươi chủ trương lấy.

Bèn ra lệnh phàm những người nước Thanh đã bị bắt được đều cấp cho lương ăn, chọn đất cho ở yên.

Vừa gặp Binh bị đạo Giang Tả là Thang Hùng Nghiệp đưa thư, đại lược nói: Lê Duy Kỳ bỏ nước trốn đi, Thiên triều quyết không bao giờ lại lấy nước Việt Nam mà cho không nữa, nên nhân ngay trước khi chưa vâng dụ chỉ, sai người gõ cửa quan kêu xin, may ra có thể trông nhờ ơn điển. Huệ được thư ấy biết người nước Thanh muốn giảng hoà, trong bụng coi khinh. Bèn sai tướng là Hố Hổ Hầu đệ tờ biểu yêu cầu làm vua nước An Nam. Tờ biểu nói: Thần vốn là người dân thường ở Tây Sơn, nhân thời làm việc. Năm Bính Ngọ đem quân diệt họ Trịnh, trả lại nước cho nhà Lê, vua Lê trước chết đi, lại dựng Tự tôn là Duy Kỳ nối ngôi. Duy Kỳ là người dâm bạo, các quan và nhân dân trong nước chạy đến nói với thần, xin ra quân trừ loạn. Năm Đinh Mùi, thần sai một tiểu tướng đem quân đến hỏi tội những kẻ ở bê bên hữu giúp Duy Kỳ làm việc bạo ngược ấy nhưng Duy Kỳ trông thấy bóng gió đang đêm trốn đi, là tự mình rước lấy sự tai vạ ấy. Năm Mậu Thân, thần tiến đến đô thành, lại uỷ cho con cháu nhà Lê trước là Duy Cận coi việc nước, thần đã từng sai người đến gõ cửa quan, đem hết tình nước để tâu lên, nhưng vì mẹ Duy Kỳ đi trước đến ải Đẩu Áo, tự mình đi xin cứu viện, Tôn Sĩ Nghị là đại thần ở chốn bờ cõi, lại vì có của và sắc đẹp, đem tờ biểu của thần xé ra ném xuống đất lăng mạ làm nhục người sứ giả của thần, ý muốn động chúng dấy quân. Thần không biết việc ấy quả là tự Đại hoàng đế sai khiến chăng hay là hoặc ở Sĩ Nghị vì một người đàn bà sai khiến, cầu may nên công ở chốn biên cương để cầu lợi lớn chăng? Kể ra, lấy một dải đất ở nơi bãi

biển, nhân sĩ giáp binh không địch được một phần trong muôn phần của Trung triều, mà suối sâu ở phía trước, hổ dữ ở phía sau, tình mọi người sợ chết, đều tự hăng hái lên, thần không tránh khỏi lời chê ném chuột (101), mới lấy dân đinh năm ba ấp cùng đi theo. Ngày mồng 5 tháng giêng năm nay tiến đến đô thành mong được ra mắt Sĩ Nghị, hoặc có thể lấy ngọc lụa thay cho giáo mác, chuyển binh xe làm hội áo xiêm chăng? Thế mà quân của Sĩ Nghị đã chạy tan vỡ ra bốn phía, những kẻ chạy trốn ở thôn tráng ngoại thành lại bị dân hoàng thành giết chết. Ngày thần vào thành, lập tức cấm chỉ không được giết càn, hết thảy phải đưa đến đô thành, cộng hơn 800 người, thần đã cấp cho lương ăn. Trộm nghĩ: nước thần tự đời Đinh, Lê, Lý, Trần đến nay thời đại có đổi đời, không phải là một họ, họ nào có thể làm phên che ở nước Nam được thì trồng cây nào vun xới cho cây ấy chỉ là rất công rất nhân mà thôi. Thần cúi nghĩ rằng: Thể lòng Trời làm mệnh lệnh thuận về lẽ tự nhiên mà thôi, xin tha cho thần về tội đối địch với Tôn Sĩ Nghị, thương cho thần về lòng thành mấy phen gõ cửa tâu bày, cho thần làm vua nước An Nam, để có thống quản. Thần kính cẩn sai sứ đến cửa khuyết xin làm phiên thần, sửa lễ cống và đem cả nhân khẩu hiện còn nộpả lại, để tỏ lòng rất thành. Kể ra, lấy đường đường Thiên triều so được thua với nước mọi rợ nhỏ mọn, hà tất phải đánh cho đến cùng, làm nhàm việc vũ, để thỏa lòng tham tàn, chắc lòng Thánh đế không nỡ thế. Lỡ ra quân đánh triền miên mãi không thôi, thế đến như vậy thật không phải là lòng thần mong muốn, mà cũng không dám biết đến.

Thang Hùng Nghiệp tiếp được biểu ấy cả sợ bảo với sứ thần đưa lại là Hố Hổ Hầu rằng: Đấy không phải là ngày hai quân giao chiến, sao lại nhất vị lấy khí tức giận làm việc như thế? Đặt câu nói ý muốn cầu phong tước ư? Hay là cốt muốn khơi ra mối binh đao ư? Trả lại tờ biểu, không chịu đệ đạt lên. Bèn lưu Ngô Văn Sở ở lại giữ Bắc Thành, bảo Sở rằng: Phàm giấy tờ ta gửi đi triều đình Trung Quốc, chuyên uỷ cho Ngô Nhậm cùng Phan Huy Ích gửi đi hay trả lời đều cho phép tuỳ nghi mà xử trí. Việc gì không quan khẩn, bất tất phải bẩm báo làm gì. Bèn dẫn quân về miền Nam. Rồi sau Phước Khang An đến Việt Tây chuyển ý giảng hoà, đưa thư đem lợi hại thí dụ, Huệ cũng đem vàng lụa thật hậu cầu để làm thành việc cho. Bèn đổi tên là Quang Bình; sai cháu (gọi bằng chú bác) là Nguyễn Quang Hiển và bồi thần là Vũ Huy Tấn mang phẩm vật tiến cống đến cửa quan gõ cửa khẩn khoản xin vào yết kiến. Vua nước Thanh vui lòng khen ngợi, chuẩn y lời tâu, lại dụ đến sang năm thân tự đến kinh đô để triều yết. Biểu văn đại lược nói rằng: "Thần nổi lên ở Tây Sơn, bắt đầu có đất Quảng Nam trước, cùng với họ Lê vốn không có danh phận kẻ trên người dưới gì. Năm trước, đã từng sai người đến gõ cửa quan để tâu bày duyên do về việc gây hấn với họ Lê nhưng vì biên thần bác bỏ thư đi, không đề đạt lên. Kịp khi quan quân ra khỏi cửa quan đánh dẹp. Trước ngày tháng giêng năm nay, thần đến thành họ Lê, muốn hỏi Lê Duy Kỳ về cớ kêu xin thiên binh, không ngờ quan quân trông thấy, hăng hái chém giết ngay. Bọn thủ hạ của thần khó có thể bó tay mà chịu trói; lại gặp cầu ở sông gãy đứt ra nên quan quân đến nỗi tổn thương. Thần sợ hãi không biết chừng nào! Đã nhiều lần sai người gõ cử xin nhận tội, và đưa trả về những quan quân chưa ra khỏi. Về người giết

hại viên Đề trấn hiện đã đem ra chính pháp rồi. Đáng lẽ thần phải chính mình đến nơi khuyết đình, trần tình xin tội; nhưng vì trong nước mới mắc phải binh đao, tình người chưa yên, kính cẩn sai cháu ruột là Nguyễn Quang Hiển theo tờ biểu vào triều yết". Lời trong tờ biểu đều là ý của Phước Khang An dẫn bảo cả.

Vua nước Thanh xem tờ biểu đẹp lòng khen ngợi, chuẩn cho Quang Hiển đến kinh đô. Dụ cho Huệ rằng: Ngươi tuy tự biết hổ sợ về lỗi kháng cự quan quân, hại tới viên Đề trấn, xét ra khó miễn tội được, nếu không thân đến cửa khuyết nhận tội mà vội cầu phong hiệu thì Thiên triều không có thể chế ấy. Ngươi chưa được liệt vào hạng phiên bang, thì những phẩm vật đem cống chưa tiện thu nhận. Nếu muốn đem lòng thành thực nộp phẩm vật hàng phục thì sang năm gặp tiết bát tuần vạn thọ của trẫm, thân tự đến Kinh kêu xin.

Về bọn Đề trấn chết trận, nên lập đền thờ ở địa phương An Nam, trẫm tất đặc cách gia ơn cho, hoặc tức thì phong cho tước vương, con cháu đời đời có thể giữ lấy nước An Nam mãi mãi. Còn như Lê Duy Kỳ là người nhu nhược không có tài năng, bỏ trốn đi, không nỡ gia cho tội giết chết nhưng chỉ cho ở yên tại thành tỉnh Quế Lâm, quyết không có lẽ nhận ngươi vào triều cận mà lại đưa về nước An Nam, để cho làm chi nữa, ngươi không nên ngờ vực điều ấy. Nay đặc biệt cho ngươi một chuỗi ngọc trân châu đeo tay, ngươi nên kính vâng ơn lệnh, để được nhờ ơn lâu dài. Phải nên cố gắng đấy.

Huệ lại dâng biểu tạ, xin đến sang năm vào triều yết.

Vua nước Thanh tin lời, tức thì sách phong làm An Nam Quốc vương. Ra lệnh cho Hậu bộ Quảng Tây là Thành Lâm đi trước. Khi đã đến cửa quan, Huệ nói thác rằng: Vượng khí ở thành Thăng Long tiêu hết rồi, xin đến Phú Xuân. Thành Lâm cho là không phải lệ, không chịu đi Phú Xuân. Hu bèn thác làm có bệnh kéo dài, mới đem cháu gọi bằng cậu là Phạm Công Trị trá mạo làm Huệ để đi, rồi sai đem phương vật tạ ơn. (Huệ tạ ơn và nói: Nhà có mẹ già, cần xin nhân sâm là thứ để tăng thọ. Vua nước Thanh phát cho một cân sâm Quan Đông của vua dùng, chạy ngựa trạm đưa cho. Bài biểu tạ có câu rằng: Thần có mẹ có người thân yêu báo đáp nhờ ở công đại tạo (là trời), vua là thầy là cha nuôi dạy sinh thành mong đội ơn sâu. Vua nước Thanh phê rằng: Câu nói ấy đáng khen, trẫm không nỡ không coi ngươi là con).

Mùa xuân, năm Canh Tuất, Phước Khang An dục Huệ sửa đồ hành trang (Huệ nói thác là mẹ chết xin đem con là Quang Thuỳ thay mình vào triều yết. Khang An không nghe, mật sai người đến trên cửa quan dặn bảo cặn kẽ, nếu bất đắc dĩ thì nên lấy người nào hình dạng giống mình để thay). Huệ bèn lấy Phạm Công Trị đội tên mình, sai bề tôi là Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Vũ Huy Tấn, Vũ Danh Tiêu, Nguyễn Tiến Lỗ, Đỗ Văn Công cùng đi; ngoài lệ cống lại cống thêm hai thớt voi đực. Ngựa trạm đưa đi khó nhọc, dân ven đường lấy làm khổ. Tổng đốc Lưỡng Quảng là Phước Khang An, Tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thanh cùng đưa đi đến Yên Kinh. Vua

nước Thanh muốn nêu khen khác mọi người, thưởng cho rất hậu. Đến hành cung Nhiệt Hà, vào chầu ra mắt, làm lễ bảo tất (ôm lấy đầu gối vua). Vua cầm bút viết bốn chữ đại tự: Củng cực quy thành, nghĩa là chầu vào ngôi sao bắc cực đem lòng thành thực quy phục (102) và một câu đối:

Phiên âm: "Chúc hỗ hiệu tôn thân, vĩnh xử đan tâm tri phất thế. Cận quan ưng sủng tín, tài kê thanh sử vị tiền văn".

Dịch nghĩa: Chúc Phước tỏ lòng tôn thân, giữ mãi tấm son không bỏ mất. Vào chầu nhận được sủng mệnh, xét trong sử nước chưa từng ghi.

Và một bài thơ:

Phiên âm: "Doanh phiên nhập chúc trị thời tuần. Sơ kiến hồn như cựu thức thân. Y cổ vị văn lai tượng quốc. Thượng triều vãn sự bỉ kim nhân (103) Cửu kinh nhu viễn chi trùng dịch. Gia hội ư kim miễn thế nhân. Vũ uyển văn tu thuận thiên đạo. Đại Thanh tộ vĩnh vạn thiên xuân".

Dịch nghĩa: Nước phiên mạn biển vào chúc thọ, gặp khi đường đi tuần thú các địa phương.

Mới gặp mặt lần đầu, dường như quen biết đã lâu.

Từ xưa chưa từng thấy nước nào đem voi đến cống.

Triều đại trước bắt đúc người vàng, là việc đáng khinh bỉ.

Chín đạo thường để yên người ta, đáng trọng nước xa phải hai lần thay người thông dịch.

Gặp dịp tốt này, nên cố gắng ban ra nhân chính,

Xếp việc võ, sửa việc văn để thuận đạo trời,

Ngôi báu nhà Thanh ta, lâu mãi đến muôn nghìn năm.

Để ban cho Nguyễn Văn Huệ, thưởng cho áo mặc, đồ dùng, cũng như thân vương; lại thưởng thêm cho một vạn lạng bạc. Tới khi vào bệ kiến từ biệt về nước, vua nước Thanh gọi đến gần bên giường, vỗ vào vai yên uỷ dặn bảo ôn tồn; sai thợ vẽ hình của mình đem cho. Khi về sai đưa cho chữ "Phước" và đồ chơi quý báu của vua dùng. Sứ giả đi lại liên nối ở đường. Trước đây Chiêu Thống đế sang nước Thanh, em là Duy Chi chiếm cứ địa phương Tuyên Quang, Cao Bằng, nương tựa với thổ tù là Nùng Phước Tấn, Hoàng Văn Đồng, liên kết với các bọn Mán ở Vạn Tượng, Trấn Ninh, Trịnh Cao, Quy Hợp mưu phá thành Nghệ An. Huệ sai Đốc trấn Nghệ An là Trần Quang Diệu làm Đại tổng quản, Đô đốc là Nguyễn Văn Uyên đem 5000 quân tinh binh, theo đường biển ở miền trên Trấn Nghệ An đến đánh. Tháng 6, lấy được Trấn Ninh, diệt được Trịnh Cao, Quy Hợp. Tháng 10, quốc trưởng nước Vạn Tượng bổ thành chạy, bắt được voi ngựa chiêng trống, đuổi dài mãi đến địa giới Xiêm La, chém được tướng bên tả là Phan Dung, bên hữu là Phan Siêu, bèn kéo quân

về Bảo Lạc. Lê Duy Chi cùng Phước Tấn, Văn Đồng thế lực không địch được, đểu bị hại. Huệ sai bề tôi là Vũ Vĩnh Thành, Trần Ngọc Thị sang nước Thanh dâng tin thắng trận. Tiếng là kính thuận nhưng thực thì để khoe. Lại xin mở chợ thông thương ở cửa ải Bình Thuỷ trấn Cao Bằng, cửa ải Du Thôn ở trấn Lạng Sơn, rút miễn thuế buôn và lập nhà hàng ở phủ Nam Ninh. Vua nước Thanh đều y cho cả.

Trước kia, 6 châu ở Hưng Hoá, 3 động ở Tuyên Quang, cuối nhà Lê bị thổ ty nước Thanh xâm chiếm, nhiều lần biện bạch mà không thể lấy lại được. Huệ đưa thư cho Tổng đốc Lưỡng Quảng xin định rõ về cương giới cũ. Tổng đốc Lưỡng Quảng cho là cương giới đã định, trả lại thư. Huệ bởi thế hơi không bằng lòng, luyện tập quân lính, làm các hạng thuyền, ngầm có ý dòm ngó Lưỡng Quảng. Từng bảo với tướng hiệu rằng: Để cho ta sống vài năm nữa, chứa uy thể, nuôi khí mạnh, thì ta có sợ gì kẻ kia.

Huệ đã đắc chí, nghiễm nhiên tự xưng là đế, lập Lê Thị Ngọc Hân làm Bắc cung Hoàng hậu; con đích là Quang Toản làm Thái tử. Cho Nghệ An là ở giữa nước, quê quán tổ tiên ở đấy bèn đắp thành đất ở dưới Kỳ Lân, dựng làm lầu điện, gọi là Trung đô. Đổi thành Thăng Long gọi là Bắc Thành; chia Sơn Nam làm thượng hạ hai trấn (Hạ trấn đóng ở Vị Hoàng, thượng trấn dời đóng ở Châu Cầu). Trấn thì đặt Trấn thủ, Hiệp trấn; huyện thì đặt văn gọi là Phân tri, vũ gọi là Phân suất và đổi định tên quan. (Xét quan chế của Nguỵ Tây Sơn không thể xét được; thấy chép ở Dã sử tạp lý, thì có Tam công, tam thiếu, đại tủể, đại tư đồ, đại tư khấu, đại tư mã, đại tư không, đại tư hội, đại tư lễ, thái uý, ngự

uý, đại tổng quản, đại đổng lý, đại đô hộ, đại đô đốc, đô đốc, nội hầu, hộ giá, kiểm điểm, chỉ huy sứ, đô ty, đô uý, trung uý, vệ uý, quản quân, tham dốc, tham lĩnh, trung thư sảnh, trung thư lệnh, phụng chính, thị trung, đại học sĩ, hiệp biện đại học sĩ, thị trung ngự sử, 6 bộ thượng thư, tả đồng nghị, hữu đồng nghị, tả phụng nghị, hữu phụng nghị, thị lang, tư cụ, hàn lâm, còn nhiều danh loại khác không thể kể hết được. Quân hiệu thì có 5 quân là Trung, Tiền, Tả, Hữu, Hậu và năm chế Tả bật, Hữu bật; các danh hiệu như Kiển thanh, Thiên cán, Thiên trưởng, Thiên sách, Hổ bôn, Hổ hầu, Thị lân, Thị loan). Ra lệnh họp làm sổ đinh, điền, đinh chia làm ba hạng, điền chia làm ba bậc (9 tuổi đến 17 tuổi là hạng vị cập cách, 18 tuổi đến 55 tuổi là tráng hạng, 56 tuổi đến 60 tuổi là lão hạng, 61 tuổi trở lên là hạng lão nhiêu. Công điền: Nhất đẳng mỗi mẫu lệ nộp thóc 150 bát, nhị đẳng mỗi mẫu 80 bát, tam đẳng mỗi mẫu 50 bát. Tiền tạp vật mỗi mẫu 1 tiền: Tiền khoán làm kho mỗi mẫu 50 đồng. Tư điền nhất đẳng mỗi mẫu lệ nộp thóc 40 bát, nhị đẳng mỗi mẫu 30 bát, tam đẳng mỗi mẫu 20 bát, tiền tạp vật như lệ công điền, tiền khoán làm kho 30 đồng).

Lại cho là từ sông Gianh trở ra Bắc, hộ khẩu phần nhiều ẩn lậu không khai thực, đòi những nhân dân có tên ở sổ họp lại cấp cho mỗi người một cái bài, gọi là tín bài (chứa họ tên quán chỉ in ngón tay làm ghi, trong đóng ấn có bốn chữ lớn "thiên hạ đại tín") ai không có bài là dân lậu thuế, cho sung đi làm phu dịch các phong sở, mà bắt tội Lý trưởng. Bọn lại dịch nhân thế làm gian, đi ra các nơi để tìm bắt. Có kẻ tiểu dân nấp xuống lỗ để trốn, khổ không biết chừng nào.

Khi ấy, giặc biển tàu ô ở Lưỡng Quảng bị bọn quan nước Thanh đuổi bắt, thế bách phải chạy đến quy phục. Huệ thu nhận những kẻ đầu mục cho làm Tổng binh. Lại dung nạp bọn giặc "Thiên đội", nhân lúc sơ hở, lén lút ra vào, đường biển vì thế không thông. Khổn thần nước Thanh cũng sợ là mạnh không hỏi đến gì cả.

Năm Nhâm Tý (1792), Huệ sai làm tờ biểu đưa sang nước Thanh, xin cầu hôn, để do thám ý vua Thanh, cũng muốn mượn cớ ấy để gây mối đao binh nhưng gặp khi bị ốm không đi được.

Huệ là người tàn ngược vô đạo, lúc mới chiếm cứ được đô thành xâm phạm vào tất cả các lăng liệt thánh. Một hôm về buổi chiều Huệ đương ngồi bỗng nhiên tối mắt, thấy một ông bạc đầu từ trên trời xuống, mặc áo trắng, cầm gậy sắt, mắng rằng: Cha ông mày sinh ra ở đất nhà vua, đời đời làm dân nhà vua mày sao dám phạm đến lăng tẩm, rồi lấy gậy đánh vào trán. Huệ tối sầm mắt ngã vật ra một lúc lâu mới tỉnh. Huệ đem lời ấy nói với Trung thư là Trần Văn Kỷ. Từ đấy bệnh chuyển nặng lên, bèn triệu Trấn thủ Nghệ An là Trần Quang Diệu về để bàn dời kinh đô đến Nghệ An. Việc bàn ấy chưa nhất định thì khi ấy Thế Tổ ta đã lấy được Gia Định, thu phục lại Bình Thuận, Bình Khang, Diên Khánh, thanh thế lừng lẫy lên. Huệ nghe thấy lo buồn, bệnh ngày càng nặng thêm. Triệu bọn Diệu rằng: Ta mở mang cõi đất, cả cõi nước Nam, nay bệnh tất không khỏi, Thái tử tư chất hơi cao, nhưng tuổi hãy còn nhỏ, ngoài có thù ở nước Gia Định. Thái Đức (tức Nguyễn Nhạc) thì tuổi già, nhàn rỗi vui

chơi cầu yên, không mưu tính đến lo sau. Khi ta chết rồi, nên trong một tháng, làm lạo thảo để chôn táng thôi. Bọn ngươi nên cùng nhau giúp Thái tử sớm thiên đến Vĩnh Đô (104) để khống chế thiên hạ. Không thế thì quân ở Gia Định lại bọn ngươi chết không có đất chôn đấy. Bọn Diệu cùng khóc vâng nhận mệnh lệnh, sai giết con ngựa trắng để thề.

Ngày 29 tháng 9 Huệ chết, Huệ tiếm ngôi 5 năm, tuổi mới có 40. Thái tử là Quang Toản nối ngôi nguỵ. Tháng 10 táng ở phía nam sông Hương, nguỵ thụy là Thái Tổ Vũ Hoàng đế. Sai Thị trung Đại học sĩ là Ngô bộ Tả đồng nghị là Nguyễn Viết Trực, Hộ bộ Tả thị lang là Nguyễn Văn Thái, sang nước Thanh báo tang, nói dối là Huệ dặn sau khi chết rồi táng ở Tây Hồ Bắc Thành, ngõ hầu được gần cửa vua để nương tựa, vua nước Thanh tin lời, cho tên thuỵ là Trung Thuần, thân làm một bài thơ để viếng.

Phiên âm:

Ngoại bang lệ dĩ khiển bồi thần.

Triển cận tòng vô chí kỷ thân.

Nạp khoản tái gia lai ngọc khuyết

Hoài nghi kham tiếu đại kim nhân

Trung thu thượng ức y quan túc

Tất hạ hồn như phụ tử thân

Thất tự bất năng bài ai thuật

Lân kỳ trung khổn xuất trung chân.

Dịch nghĩa :

Theo lệ thường thì nước ngoài chỉ sai sứ thần sang triều cống thôi,

Tự trước đến giờ không có nước nào tự bản thân vua nước ấy sang triều yết cả.

Dâng nộp lễ vật đáng khen là tự mình đến tận cửa cung

Đáng cười cho người đem tượng người đúc vàng là còn có lòng ngờ vực,

Còn nhớ khi giữa mùa thu còn áo mũ chỉnh tề.

Dưới gối coi như cha con thân mật (mà nay đã chết)

Trong bài thơ không thể nói hết được sự thương nhớ

Nhưng thương về có lòng thành thực tự trong bụng tỏ ra.

Lại cho thêm một pho tượng Phật, 3.000 lạng bạc, để sửa việc tang ma. Phái cho Án sát Quảng Tây là Thành Lâm mang đến mộ giả ở Linh Đường, (thuộc huyện Thanh Trì) để đọc tế. Bài văn có câu tấu rằng: "Chúc Phước ngôi Nam cực, khen lòng trung thần đến tận sân chầu. Thỏa phách ở Tây Hồ, dù hết dời không quên quyến luyến cửa khuyết". Bài thơ viếng ấy khắc vào đá dựng ở bên tả mộ.

Nguyễn Quang Toản

(Niên hiệu ngụy là Cảnh Thịnh, lại đổi là Bảo Hưng)

Quang Toản tên là Trát, mẹ là họ Phạm, người phủ Quy Nhơn cùng Hình bộ Thượng thư Bùi Văn Nhật, Thái sư Bùi Đắc Tuyên là anh chị em cùng mẹ khác cha. Năm uổi, ngụy sách lập làm Hoàng hậu, sinh được ba con trai hai con gái, Toản là con đích. Trước kia, giả vương của ngụy vào chầu, vua nước Thanh sắc phong cho Quang Thùy làm Thế tử của An Nam quốc vương, sau biết Thùy là con vợ thứ, mới đổi phong cho Toản làm Thế tử, cho thêm cái như ý bằng ngọc, hà bao bằng gấm. Năm Nhâm

Tý, Huệ chết, Toản mới 10 tuổi đổi năm sau là năm Quý Sửu làm niên hiệu Cảnh Thịnh năm thứ I (1793) của ngụy. Sai bọn Ngô Nhậm sang nước Thanh báo tang và xin sắc mệnh. Bọn Nhậm chưa ra khỏi cửa quan, vua Thanh nhận được tin của Tổng đốc Lưỡng Quảng tâu báo trước, lập tức xuống chỉ phong làm An Nam Quốc vương; phái Án sát Quảng Tây là Thành Lâm đến Bắc Thành tuyên phong, Toản cũng mượn người khác nhận, sứ nước Thanh trong bụng cũng biết là giả dối.

Toản đã được tập phong, lấy em là Quang Thùy làm Khang công, Tiết chế các doanh quân thủy quân bộ ở Bắc biên, kiêm coi tất cả các việc quân dân; Quang Hãn làm Tuyên công, lĩnh Đốc trấn Thanh Hóa, tổng trông coi các công việc quân dân; cậu là Bùi Đắc Tuyên làm Thái sư quản đốc trông coi các việc trong ngoài. Thái úy là Phạm Công Hưng cũng giữ việc quan trọng về quân, quốc. Trung thư phụng chính là Trần Văn Kỷ làm các việc ở trung thư cơ mật, văn thư lệnh thị đều ủy thác hết cho Thiếu phó là Nguyễn Quang Diệu (chữ Nguyễn có chỗ chép là chữ Trần). Hộ giá là Nguyễn Văn Huấn, Nội hầu là Nguyễn Văn Tứ, Tư lệ là Lê Trung thì trấn giữ Nghệ An. Đại tư khấu là Vũ Văn Dũng, Đại tư hộ là Nguyễn Văn Dụng, Thiếu bảo là Nguyễn Văn Danh (họ với Ngụy), Đại tư mã là Ngô Văn Sở, Hình bộ thượng thư là Lê Xuân Tài, Tuần kiểm là Chu Ngọc Uyển, Tiết độ là Nguyễn Công Tuyết thì trấn giữ Bắc Thành. Bãi việc cấp tín bài, đình việc phái đi bắt dân lậu sổ.

Toản tuổi còn nhỏ, chỉ thích chơi đùa, phàm việc đều ở Đắc Tuyên chuyên quyết, Đắc Tuyên làm uy làm Phước bừa bãi, trong ngoài đều oán cả.

Năm Quý Sửu, quân ta vây thành Quy Nhơn, Nhạc sai người cáo cấp. Toản sai bọn Phạm Công Hưng đến cứu viện. Quân ta đã lui về, bọn ưng bèn bức hiếp Nhạc mà chiếm cứ lấy thành. Nhạc vừa xấu hổ, vừa tức giận, bực tức mà chết. Toản phong cho con Nhạc là Bảo là Hiếu công, phái người trông coi, (chép rõ ở truyện Nhạc). Năm Giáp Dần, sai Hộ giá là Nguyễn Văn Huấn, Kiểm điểm là Trần Viết Kết đánh úp Diên Khánh, quân bị thua dẫn về. Lại sai Tổng quản là Nguyễn Quang Diệu, Nội hầu là Nguyễn Văn Tú lại đem quân đến vây, giữ nhau vài tháng. Mùa đông năm ấy, Đắc Tuyên sai Ngô Văn Sở thay Vũ Văn Dũng điều bát quân sự ở Bắc Thành, mà triệu Dũng về. Đi đến trạm Mỹ Xuyên, khi ấy Phụng chính là Trần Văn Kỷ có tội, phát phối đến trạm ở, mật báo Dũng rằng: Thái sư ngôi to nhất cả các quan, chuyên làm uy làm Phước, sẽ không lợi cho xã tắc, nếu không mưu tính sớm đi thì sau này hối hận sao kịp. Dũng bèn cùng Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Huấn (có chỗ chép là Hóa) mưu tính nói phao lên rằng đến Nam đã tế cờ, nhân ban đêm đem bọn lũ vây Đắc Tuyên ở chùa Thuyền Lâm (Tuyên lấy chùa làm nhà ở). Đêm hôm ấy, ngẫu nhiên vì có việc, Tuyên ngủ ở trong phủ của Toản. Dũng vây quanh phủ để bắt. Toản bất đắc dĩ bắt Tuyên đưa cho, Dũng sai giam vào ngục. Ngô Văn Sở là bè lũ của Tuyên, Dũng làm tờ chiếu giả dối sai Tiết chế là Quang Thùy đóng gông đưa về kinh. Lại sai Nguyễn Văn Huấn đem quân vây Quy Nhơn, bắt con Tuyên là Đắc Trụ giải về, thêu dệt nên tội

trạng làm phản, đều dìm xuống nước để giết đi. Toản không thể ngăn cản được, chỉ chảy nước mắt khóc thôi. Quang Diệu đương vây Diên Khánh, nghe tin báo, cả sợ bảo với thuộc hạ rằng: Chúa không có đức cương quyết, đại thần giết lẫn nhau là biến lớn đấy, biến ở bên trong không yên thì lấy gì mà chống được người. Ngay ngày hôm ấy giải vây trở về. Dũng cho là Diệu cùng Đắc Tuyên có tình nghĩa thân gia (vợ Diệu là Bùi Thị Xuân tức là cháu gái họ của Tuyên) sợ có biến khác, bèn ủy cho Công Hưng đem quân đón Quang Diệu để điều đình việc ấy.

Khi ấy Nguyễn Văn Huấn giữ Quy Nhơn, nghe tin Diệu về lại tạ tội trước Diệu không hỏi gì. Quân đến An Cựu, đóng đồn ở bờ bên Nam sông, Dũng cùng bọn Nội hầu là Tứ đóng quân ở bên Bắc sông, đem mệnh lệnh vua để chng cự. Quang Toản lo sợ, không biết làm thế nào, sai người đi lại yên ủi dỗ dành để hòa giải. Diệu mới đem người bên tả bên hữu vào yết kiến, cùng bọn Dũng giảng hòa, Diệu xin đem Lê Trung thay Huấn giữ Quy Nhơn mà triệu Huấn về.

Bấy giờ Toản đã thân làm triều chính, năm ngày một lần coi chầu. Năm ấy, Thái úy là Công Hưng vì có bệnh chết, bèn lấy Diệu làm Thiếu phó, Huấn làm Thiếu bảo, Dũng làm Đại tư đồ. Nguyễn Văn Danh (có chỗ chép là Nguyễn Văn Tứ) làm Đại tư mã, gọi là tứ trụ đại thần. Hoặc có người gièm rằng, Diệu uy quyền quá to sẽ có mưu toan khác. Toản bị mê hoặc, thu lấy binh quyền của Diệu, chỉ cho lấy bản chức vào chầu hầu thôi. Diệu trong lòng nghi sợ, thường cáo ốm không vào chầu, sai

bọn thủ hạ vài trăm người, ngày đêm cầm binh cự để tự vệ. Quang Toản thường sai trung sứ đến ủy lạo phủ dụ.

Mùa hạ năm Đinh Tỵ, quân ta đánh Quy Nhơn chưa lấy được lại tiến sát đến Đà Nẵng, Câu Đê, Hải Vân ở Quảng Nam. Toản sai Nguyễn Văn Huấn đem hết quân để chống cự. Cho Diệu được lại giữ binh quyền đóng giữ cửa biển Noãn Hải. Mùa thu quân ta trở về.

Năm Mậu Ngọ, tiểu triều là Bảo đánh úp lấy Quy Nhơn, sai người đem lòng thành quy thuận với ta. Quân ta chưa đến, Toản đem quân đến vậy thành, bắt Bảo về, đánh thuốc độc giết đi (chép rõ ở truyện Nhạc). Sai Đại tổng quản là Lê Văn Thanh (có chỗ chép là Đại tư vũ Tuấn) giữ Quy Nhơn; Thái phủ là Lê Văn Ưng (có chỗ chép là Thái phủ Mân) nói với Toản rằng: Tiểu triều sinh ra biến loạn là bởi Lê Trung gây nên. Toản triệu Trung đến, sai tráng sĩ trói lại đem chém đi. Lại tin lời Thượng thư là Hồ Công Diệu vu thác dèm pha, giết Thiếu bảo là Nguyễn Văn Huấn. Từ đấy tướng, tá có lòng lìa bỏ, người nào cũng có lòng nghi sợ. Đại đô đốc Lê Chất là con rể Lê Trung, nhiều lần lập được chiến công, sợ vạ kịp đến mình, bỏ chạy về với ta.

Năm Kỷ Mùi, quân ta lại tiến đánh Quy Nhơn, Lê Văn Thanh đóng cửa thành, cố chết giữ, Quang Diệu,Văn Dũng đem binh thuyền đến viện trợ. Khi đến Quảng Ngãi, nghe tin quân ta đã lên đường bộ giữ chỗ hiểm. Diệu ở ngoài núi Thạch Tân, Dũng đem quân đi theo đường tắt ở Chung Xá, mưu đánh úp đằng sau quân ta. Đêm có một con nai chạy ra, quân đi trước reo hò,

truyền lầm là quân Đồng Nai, quân của Dũng sợ chạy tan vỡ, quân ta nhân đấy đuổi đánh, quân của Dũng tự dày xéo nhau, chết rất nhiều. Văn Thanh không có quân viện trợ, mới cùng Thượng thư là Nguyễn Đại Phác, Thiếu úy là Trương Tiến Thúy đem thành xin hàng. Quân ta đã lấy được Quy Nhơn, mới đổi tên thành là thành Bình Định; để lại Chưởng Hậu quân là Võ Tánh, Lễ bộ là Ngô Tòng Chu ở đấy trấn thủ. Toản nghe tin Quy Nhơn không giữ được, đem đại binh đi, đến Trà Khúc, giục các tướng ra quân, Trần Viết Kết nói: Nay không thuận chiều gió, xin hãy đưa quân về. Toản để Dũng và Diệu giữ Quảng Nam, Nguyễn Văn Giáp giữ Trà Khúc, rồi trở về.

Trước đây, trận đánh ở Thạch Tân, quân của Dũng không đánh mà tự tan vỡ, Dũng sợ cầu xin Diệu giấu việc ấy cho. Từ đấy hai người cố kết với nhau, ước làm bạn sống chết có nhau. Bọn Trần Viết Kết, Hồ Công Diệu, Trần Văn Kỷ, vốn ghét Diệu, cho là Quy Nhơn thất thủ, Diệu dừng quân lại là không có công gì, để làm cớ nói, làm tờ chiếu giả, sai Dũng bắt giết đi. Dũng nhận được thư đưa bảo Diệu, Diệu cả sợ, bèn dẫn binh về Phú Xuân, cắm trại sách ở bờ bên Nam sông Hương, nói phao lên là giết giặc ở bên cạnh vua. Toản sai người triệu đến, bọn Diệu đều không chịu nhận mệnh lệnh. Kỷ đổ tội cho Kết và Hồ Công Diệu. Kết trốn, Toản bắt Công Diệu đưa cho Quang Diệu, Diệu mới giải binh vào ra mắt. Toản dụ rằng: Bọn ngươi là cốt tráng của nước, nên vì nước nhà cùng lòng hết sức, để trừ bỏ mối lo ở ngoài, không nên mang lòng ngờ vực, bọn Diệu khóc tạ, lại xin đem quân vào lấy Quy Nhơn. Toản y cho.

Năm Canh Thân, bộ binh của Diệu tiến sát đến dưới thành, thường khiêu chiế giữ chặt lấy thành. Diệu đắp lũy dài vòng quanh ở bốn mặt ngoài thành để vây. Dũng lấy hai chiếc thuyền hiệu lớn Định quốc và hơn 100 chiếc thuyền chiến chắn ngang cửa biển Thi Nại. Lại ở bên tả cửa biển lập hai đồn nhỏ ở núi Tam Tòa tại bên hữu Nhạn Châu, trên đặt súng lớn, dựa chỗ cao bắn xuống, phòng thủ rất cẩn mật. Mùa hạ Thế Tổ ta cử đại binh đến cứu viện, quân bộ đóng ở Thị Dã, quân thủy đóng ở ngoài khơi cửa biển Thị Nại, quân ta đường thủy đường bộ không thông nhau, Tánh cũng ở trong thành cố giữ để đợi quân cứu viện, giữ nhau lâu lắm. Khi ấy, Điển quân Thượng đạo của ta là bọn Lưu Phước Tường liên kết với Vạn Tượng, Trấn Ninh đánh thành Nghệ An, thể ty các trấn từ Thanh Hóa trở ra ngoài đều dấy nghĩa binh để tiếp ứng, đạo trưởng người Tây dương cũng khua dấy các đạo đồ trong nước, chỗ nào cũng nổi lên như ong; những người trung nghĩa ở Bắc Thành phần nhiều vượt biển đem lòng thành quy thuận vì quan quân ra sức. Nhân dân các trấn mỗi khi thấy gió Nam nổi lên, thì cùng mừng bảo nhau rằng: Chủ cũ đã đến đấy. Quang Toản thế ngày càng quẫn, sai người đem nhiều lễ vật mời Nguyễn Thiếp. Khi Nguyễn Thiếp đến, hỏi về việc nước, Thiếp nói : Không thể làm được nữa. Toản lại hỏi, Thiếp nói rằng: Ai chịu theo, Toản nói: Trao cho gươm và ấn, ai dám không theo, Thiếp nói rằng: Ngay như quân vương không theo thì sao, Toản im lặng. Thiếp lui bảo người bạn thân rằng: Cửa biển sông ngư nước nông, họ Nguyễn trở về làng, núi sông của chủ cũ, không bao lâu lại về chủ cũ cả. Nhân bảo Toản lui giữ Vĩnh Đô (thuộc Nghệ An) may ra hoặc có thể hoãn được. Toản cũng do dự không quyết.

Năm Tân Dậu, Thế Tổ ta thân đem quân thuyền thẳng vào cửa biển Thi Nại, sai Nguyễn Văn Trương, Tống Phước Lương lĩnh quân tiền đạo, vào trước đốt đồn thủy của ngụy. Lê Văn Duyệt, Vũ Di Nguy kế tiếp tiến đến. Dũng đốc các quân chống đánh, súng đạn như mưa, Di Nguy ngồi ở đầu thuyền rơi xuống nước chết, quân ta phần nhiều chết và bị thương. Văn Duyệt đốc chiến càng mạnh, nhân chiều gió tunga ra đốt hết thuyền của Tây Sơn, khói lửa đầy trời, Dũng chỉ một mình chạy được khỏi chết. Diệu đã mất thủy quân, lại đắp thêm lũy núi đất để bắn đối lại; trong thành dựng nhiều đồn sách để làm kế giữ lâu. Quân ta đánh hàng mấy tuần không thể lấy được. Thế Tổ ta bèn để bộ tướng Nguyễn Văn Thành ở lại giữ Thị Dã, cầm cự nhau với Diệu, mà tự đem quân thuyền đánh thẳng vào Phú Xuân. Mùa hạ, ngày mồng một tháng năm, vào cửa biển Tư Dung, ngụy Phò mã Nguyễn Văn Trị giữ núi Quy Sơn (tức là núi Linh Thái) dựng sách gỗ để chống cự. Quân tiền đạo đánh không được, Lê Văn Duyệt, Lê Chất đem hàng chục chiếc thuyền chiến vượt bờ cát, vào vụng Hà Trung đánh úp phía sau, chia quân nhổ sạch gỗ mà tiến lên. Trị sợ, quân tan vỡ chạy cả. Đại binh tiến đến Trừng Hà bắt dược Trị và ngụy Đô đốc là Phan Văn Sách, năm trăm quân phải đầu hàng, bèn tiến đến cửa sông Noãn Hải. Toản đem hết quân chống giữ. Quân ta nhân thế thắng tiến lên, quân của Toản trông thấy bóng gió tan vỡ trước, đại binh thẳng đến kinh đô.

Ngày mồng ba, Toản mang đồ báu chạy ra Bắc, vất bỏ sắc ấn của triều đình nước Thanh đã ban cho. Khi vừa ra khỏi cầu Phú

Xuân vài dặm thì quân đều chạy tán ra bốn phía. Toản bèn cùng em là Thái tể Quang Thiệu, Nguyên súy Quang Khanh và bọn Đại tư mã Tứ, Đô đốc Trù cỡi ngự theo.hướng lũy Động Hải, ngày đêm ruổi đến. Ngày Đoan Ngọ (tức mồng 5 tháng 5) sang qua sông Gianh, quân ta đuổi theo không kịp. Đến Nghệ An, ở lại vài ngày, giấu việc ấy đi, không tuyên bố; lại đi ngựa trạm đến trấn Thanh Hóa, phi báo cho em là Quang Thùy đưa quân đến đón.

Quân ta đã lấy lại Kinh đô, sai Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Tống Viết Phước vào cứu viện thành Bình Định. Quân chưa đến nơi, gặp trong thành lương ăn hết, Lưu trấn là Võ Tánh, Hiệp trấn là Ngô Tòng Chu đều chết cả. Diệu và Dũng lại chiếm cứ thành, sai ngụy Đại đô đốc là Trương Phước Phượng, Tư khấu là Định (chép thiếu họ) đem quân dọ đường miền trên về cứu viện Phú Xuân. Phượng hết lương đi đến nguyên Tả trạch, đến chỗ quân ta xin hàng. Định xuống đồi cao đánh nhau, thua chạy, chết ở trong sách man. Hạ tuần tháng 5, Toản đến Bắc Thành, ở phủ đô của Quang Thùy. Khi ấy mưa mãi mấy tuần, ở trước sân nước sâu đến hơn một thước, hốt nhiên nước xuống đất sụt, chiều sâu chiều rộng hơn vài thước. Lầu ba tầng ở Nghệ An cũng vô cớ tự đổ, người đều cho là điềm không lành. Tháng ấy đổi ngụy hiệu là Bảo Hưng năm thứ I (1801), xuống chiếu chỉ nhận lỗi tự trách mình, úy lạo vỗ về quân dân các trấn. Cho Thị trung đại học sĩ là Ngô Nhậm làm Binh bộ Thượng thư, Hiệp biện đại học sĩ là Nguyễn Huy Lịch làm Lại bộ Thượng thư, Thị trung ngự sử là Phan Huy Ích làm Lễ bộ Thượng thư, còn các người khác phong cho đều có thứ bậc khác nhau. Đắp gỗ tròn ở ngoài cửa chợ

Dừa, xây đền vuông ở hồ Tây, để đến ngày đông chí, hạ chí chia tế trời đất. Thân đến nhà Quốc tử giám khảo khóa học sinh, ai được ưu thì thưởng tiền cho. Sai bọn Nguyễn Đăng Sở sang nước Thanh dâng lễ cống hàng năm, và xin viện trợ. Khi ấy, ta sai Trịnh Hoài Đức đã đến Quảng Đông, nộp sắc ấn của ngụy Tây, vua Gia Khánh nhận lấy mà đuổi bọn Đăng Sở về. Tháng 8, Toản sai em là Quang Thùy kiểm điểm binh mã đến đóng đồn ở trấn Nghệ An. Tháng 11, Toản lưu Quang Thiệu, Quang Thanh ở lại giữ Bắc Thành, thân đốc quân lính đến trấn và lính Thanh, Nghệ cộng ba vạn người, tự làm tướng đem quân vào miền Nam. Vợ Quang Diệu là Bùi Thị Xuân cũng đem thuộc hạ 5.000 người đi theo. Tiết chế Thùy, Tổng quan Siêu (chép thiếu họ), xâm phạm lũy Trấn Ninh (túc là cửa ải Quảng Bình ngày nay); Tư lệ Tuyết, Đô đốc Nguyễn Văn Kiêm xâm phạm lũy Đâu Mâu; Thiếu úy Đặng Văn Bằng, Đô đốc Lực (chép thiếu họ) liên kết với thuyền giặc Tề Ngôi hơn 100 chiếc dàn ngang sang sông Gianh, binh thế ở ngoài biển rất đông, quân ta lui giữ Động Hải, ngày 30 tháng 12, Toản đem hết quân sang sông Gianh.

Thế Tổ ta thân di đánh, đóng lại ở Đông Hải, sai Phạm Văn Nhân, Đặng Trần Thường đem bộ binh, Nguyễn Văn Trương đem thủy binh; chia đường để chống cự. Năm Nhâm Tu mùa xuân tháng giêng ngày mồng một, quân của Quang Thùy tiến sát lũy Trấn Ninh, quân ta mở cửa lũy hết sức đánh, đánh lui , quân của Quang Thùy. Toản lại đem hết quân tiến sát đến lũy Đâu Mâu như kiến bò mà lên, quân ta bắn súng lớn và ném đá lớn xuống làm cho bị thương, chết rất nhiều, Toản sợ muốn rút quân. Thị Xuân nắm cương ngựa lại cố xin lại vẫy quân đốc thúc đánh từ

sáng đến trưa chưa chịu lui. Chợt nghe thủy quân bị Nguyễn Văn Trương đánh thua, mới sợ mà tản chạy cả.

Ngày mồng 2, Toản chạy đến Động Cao kíp sang qua sông Gianh chạy ra miền Bắc, những người đi theo không còn được một hai phần mười. 50 chiếc thuyền lương và quân nhu khí giới đều bị quân ta lấy được. Quang Thùy đến sông Gianh bị quân ta ngăn trở không sang được, bèn theo đường núi đi tắt, hơn một tuần mới đến Nghệ An, gặp Toản, lại chạy ra Bắc Thành.

Chiến dịch này, Toản đem quân cả nước đến đánh, một trận bị thua, không thể ngóc đầu dậy được. Từ đấy thần khí mất đi, duy ở trong thành tập bắn và ngâm thơ mà thôi. Diệu và Dũng ở Bình Định nghe thấy tin ấy bèn đốc suất bọn lũ là bọn Từ Văn Chiêu, Nguyễn Văn Mân, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Văn Điểm, Lê Công Hưng đem 3.000 binh đinh, 80 thớt voi chiến, theo đường miền trên vào Ai Lao, để mưu ra Nghệ An. Khi ấy, quân ta đã sang qua sông Gianh, tiến lấy được đồn Tam Hiệu ở châu Bố Chính; thủy quân của Nguyễn Văn Trương đến cửa biển Đầu Nhai đánh phá bảo Quân Mộc; bộ quân của Lê Văn Duyệt, Lê Chất đến sông Thanh Long cướp kho Kỳ Lân; Trấn thủ Nghệ An của ngụy là Nguyễn Văn Thận, Hiệp trấn là Nguyễn Triêm, Thủy quân thống lĩnh là Đại Thiếu úy là Đăng bỏ thành chạy đến đồn Tiên Lý (tức là phủ thành Diễn Châu ngày nay). Triêm tự thắt cổ chết, Thận chạy đến Thanh Hóa, đại binh đã lấy được Nghệ An, đặt quan lại để trị, Quang Diệu từ Quy Hợp xuống Hương Sơn, nghe thấy Nghệ An đã phá, bèn qua Thanh Chương sang sông Thanh Long, nhưng người đi theo dần dần tản đi cả. Diệu và vợ

là Thị Xuân đều bị quan quân bắt sống ược; Văn Dũng cũng bị thổ dân Nông Cống bắt giải. Đại binh đến Thanh Hóa, ngụy Đốc trấn là Quang Bàn và Thận cùng Đằng đều xin hàng. Quân ta nhân thế thắng tiến lên không ai dám chống cự cả.

Ngày 16 tháng 6, Quang Toản tự liệu thế không chống được cùng em là Quang Thùy, Quang Thiệu và bọn Tư mã Nguyễn Văn Dụng, Nguyễn Văn Tứ, Đô đốc Tứ sang qua sông Nhị Hà chạy lên miền Bắc, chạy đến Xương Giang, đêm ngủ trọ lại, dân thôn mưu bắt. Quang Thùy tự thắt cổ chết, Toản bị dân huyện Phượng Nhãn (tên Chích Thiêm) bắt được, đóng cũi đưa đến Bắc Thành.

Ngày 23, vừa vào thành Thăng Long, quan lại văn vũ các trấn tranh nhau đến trước chỗ đóng quân đầu thú. Mùa đông năm ấy vua về Kinh cáo tế ở Miếu dũng, những tù bắt được, đem hết phép để trừng trị, đào phá mộ Nhạc, mộ Huệ đem hài cốt vất đi, giam đầu lâu ở nhà ngục, đổi ấp Tây Sơn gọi là ấp An Tây.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831) bắt được con Nhạc là Văn Đức, Văn Lương, cháu là Văn Đâu (con Văn Đức) đều đem chém ngang lưng. Bấy giờ dòng giống Tây Sơn không còn sót một người nào nữa.

Kính xét: Anh em Tây Sơn chia ra cai trị không cùng thông thuộc với nhau. Ngụy Nhạc nổi lên từ năm Mậu Tuất (1778) đến năm Quý Sửu thì hết (cộng 16 năm). Ngụy Huệ nổi lên từ năm Mậu Thân (1788) đến năm Nhâm Tý thì hết (cộng 5 năm), Ngụy

Toản nổi lên năm Quý Sửu (1793) đến năm Nhâm Tuất (1802) thì hết (cộng 10 năm), thông tính cộng 25 năm; nhưng từ năm Kỷ Dậu nhà Lê mất, Huệ mới chiếm cứ được nước, tính từ năm ấy đến năm Canh Tuất Quang Toản bị bắt, chỉ có 14 năm thôi.

QUYỂN 31

TRUYỆN CÁC NƯỚC NGOÀI I

Nước Cao Man

Cao Man có tên nữa là nước Chân Lạp, lại một tên nữa là nước Cao Miên. (Lúc đầu đời Thiệu Trị tránh tên húy vẫn gọi là Chân Lạp, đến năm thứ 7, đổi lại làm tên bây giờ).

Nguyên thời cổ là thuộc quốc của nước Phù Nam, sau nước Phù Nam dần dần suy đi, mới gộp cả vào nước Chân Lạp; đến khoảng năm Thần Long (niên hiệu của Đường Trung Tông đời Đường (705) mới chia nước ra làm hai, một nửa miền Bắc nhiều núi, gọi là Lục Chân Lạp, đất rộng 700 dặm, vua hiệu là Thả Khuất; một nửa miền Nam gần biển nhiều chuôm chằm, gọi là

Thủy Chân Lạp, đất rộng 800 dặm, vua ở thành Bà La Đề Bạt. Đời Đường hai nước đều đến tiến cống, đều phong là Vương. Đến đời Tống hợp lại làm một, gọi là nước Chân Lạp. Từ khi nước An Nam dựng nước, năm Thuận Thiên thứ 3, đời Lý Thái Tổ (năm Tường Phù thứ 5 đời Tống, 1012), nước Chân Lạp mới sang tiến cống, ba năm một lần sai sứ đến, rồi sau cùng Chiêm Thành đến xâm lấn Nghệ An, thường bị thua chạy. Từ đây mới dứt đi không thông cống sứ nữa, sang Bắc triều cống nhà Nguyên; đến đầu đời nhà Minh, vua nước ấy là Hốt Nhi Na Đa đưa tờ biểu dâng sản vật địa phương; đến năm Vĩnh Lạc (niên hiệu của Minh Thành Tổ) không có đường sai sứ sang vìớ Chiêm Thành xâm lấn quấy nhiễu, không thể đi được. Thái Tổ Hoàng đế bản triều ta mới gây nền ở Thuận Hóa, chỉ lấy Chiêm Thành làm nơi phụ quách, riêng sửa sang trước, mà hoãn mưu tính đến nước Lạp. Năm Mậu Tuất thứ 10, đời Thái Tông Hoàng đế (1658) vua nước ấy là Nặc Ông Chân xâm phạm biên giới (kính xét: Sách Gia Định thông chí chép rằng: Người nước ấy có tên không có họ, phàm con cháu của vua đều xưng là Nặc Ông, Chân là tên, mà tên thì lấy chữ đẹp mà đặt, tuy ông, cháu cùng một tên cũng không kiêng tránh). Phó tướng doanh Trấn Biên tên là Tôn Thất Yên vâng lệnh tiến đánh, cả phá quân Man ở thành Hung Phước (tức là đất huyện Phước Chính tỉnh Biên Hòa ngày nay) bắt Chân đem về dâng, vua tha tội cho, sai quan quân hộ đưa về nước, khiến làm phiên thần, hàng năm đưa lễ tiến cống.

Giáp Dần, năm thứ 26 (1674) Chân chết. Nặc Ông Nộn lập lên, bề tôi là Ô Đài làm phản, viện nước Xiêm đánh lại Nộn, Nộn

chạy đến nước ta, vua sai bọn Thống binh Nguyễn Dương Lâm đi đánh, Ô Đài chạy rồi chết. Nặc Thu xin hàng, triều nghị cho Nặc Thu là phái đích, phong cho làm Chính quốc vương, ở thành Long Úc; đổi phong Nộn làm Nhị quốc vương ở thành Sài Gòn, dâng lễ cống hàng năm như cũ.

Kỷ Vị, năm thứ 31 (1679) Tổng binh nhà Minh là bọn Dương Ngạn Địch, Trần Thượng Xuyên, không chịu làm tôi nhà Thanh, đem binh thuyền về với ta. Triều đình đương để ý đến đất Đông Phố nước Chân Lạp, nhân thế bèn thu nạp bọn Địch, cho bọn Địch ở Mỹ Tho (nay là Định Tường), cho bọn Thượng Xuyên ở Bàn Lân (nay là Biên Hòa) khiến cho mở rừng rậm, lập ra phố chợ. Từ đấy người nước Thanh, người Tây dương và các nước Nhật Bản, Chà Và họp đông đúc buôn bán, Đông Phố bèn thành ra chỗ đất vui vẻ.

Mậu Dần, năm thứ 7 đời Hiển Tông Hoàng đế (1698) mới lấy đất Đông Phố, đặt phủ Gia Định, dựng doanh Phiên Trấn, mở đất rộng nghìn dặm, được hơn bốn vạn hộ. Trước đây sau khi đất Đông Phố mở mang 6 năm, Dương Ngạn Địch bị thuộc hạ là Hoàng Tiến giết chết, Chính vương nước Chân Lạp là Nặc Thu làm phản, đắp ba lũy La Bích, Cầu Nam, Trà Vinh để tự giữ lấy. Phó vương là Nặc Nộn Cao Biên cầu cứu, sai Vạn Long đem quân tiến đánh, Trần Thượng Xuyên đem quân còn lại ở Long Môn đi theo. Khi đã giết được Hoàng Tiến, người nước Lạp sợ hãi, sai nữ sứ là Dao Luật đem vàng lụa cầu hoãn quân, Vạn Long bị sa vào chước lừa dối của họ, dừng quân lại không tiến,

Cai cơ là Nguyễn Hữu Hòa thay Long, cũng dùng dằng làm lỡ việc quân, nối nhau bị biếm giản, rồi cũng không thành công.

Canh Thìn, năm thứ 9 (1700) mùa xuân, Nguyễn Hữu Kính vâng mạng đi kinh lược, đem các quân chia đạo để đánh, Nặc Thu bỏ thành chạy, con Nặc Nộn là Nặc Yêm ra xin hàng, rồi Nặc Thu cũng đến cửa quân đầu hàng xin sửa lễ cống. Hữu Kính lui quân về Lao Đới, sửa sang việc biên cương. Kịp khi Nặc Thu tuổi già truyền ngôi cho con là Nặc Thâm. Thâm bỏ La Bích trốn sang Xiêm, Yêm gọi không dám về, Thu xin truyền nước cho Yêm, bèn tập phong cho Yêm làm vua. Yêm chết, con là Nặc Tha lập lên, Thâm từ nước Xiêm về Tha không dung nạp, Thâm đánh. Tha chạy đến Gia Định, Thâm lại giữ lấy nước. Kịp khi Thâm chết, các con Đôn, Hiên, Yêm 3 người tranh nhau lập, quan quân dẹp yên, đưa Tha về nước. Nặc Nguyên (con thứ hai Nặc Thâm) viện quân nước Xiêm đánh Tha, Tha lại chạy sang nước ta, rồi chết. Nặc Nguyên lại làm vua nước ấy.

Canh Ngọ, năm thứ 12 đời Thế Tông Hoàng đế (1750) Nguyên cất quân xâm lấn Côn Man (bộ lạc ở Thuận Thành) , Quý Dậu, năm thứ 15 (1753), Thống suất là Thiện Chính, Tham mưu là Nguyễn Cư Trinh phụng mệnh điều động quân lính 5 doanh đến đánh, chia đạo đều tiến đến, 4 phủ Lôi Hiệp, Tầm Bôn, Cấu Nam, Nam Vang đều đầu hàng cả, Nguyên trốn chạy, Cư Trinh vỗ về gọi dân Côn Nam con trai con gái hơn 5000 người trở về, đóng ở núi Bà Đinh. Kịp khi Trương Phước Du thay Thiện Chính làm Thống suất, đánh phủ Câu Nam, Nam Vang, Nguyên chạy đến Hà Tiên, nương tựa Mạc Thiên Tứ, xin dâng 2 phủ Tầm Bôn,

Lôi Hiệp để chuộc tội, Nguyễn Cư Trinh xin hộ cho Nguyên, rồi kéo quân về. Rồi sau Nguyên chết, chú họ là Nặc Ông Nhuận lại dâng phủ Trà Vinh để quyền coi việc nước; sau bị con rể là Nặc Hinh giết chết, con Nhuận là Nặc Tôn chạy đến Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ xin tập phong cho Tôn. Thế Tông nghe cho, sai Thiên Tứ cùng tướng sĩ 5 doanh hộ đưa về nước. Tôn bèn dâng đất Tâm Bôn Phong Long, và cắt 5 phủ Hương Ức, Cần Bật, Chân Sâm, Sài Mạt, Linh Quỳnh để tạ ơn. Mạc Thiên Tứ đem dâng cả cho triều ta. Trương Phước Du, Nguyễn Cư Trinh xin dời doanh Long Hồ (nguyên ở xứ Cái Bè, nay thuộc huyện. Kiến Đăng, tỉnh Định Tường), ở xứ Tâm Bào, (tức là thôn Long Hồ, nay là tỉnh lỵ Vĩnh Long), ở xứ Sa Đéc thì đặt đạo Dân Khẩu, ở Tiền Giang đặt đạo Tân Châu, ở Hậu Giang đặt đạo Châu Đốc (sau là lỵ sở An Giang), lấy 5 phủ Hương Ức lệ thuộc vào Hà Tiên, đặt các đạo Long Xuyên, Kiên Giang. Tôn đã lập rồi, ngụy vương Chân Lạp là Nặc Nộn từ nước Xiêm về, tranh không được. Vua nước Xiêm là Trịnh Quốc Anh tự đem quân đến viện trợ, Nặc Tôn chạy đi, nước Xiêm lập Nặc Nộn làm vua.

Ất Sửu(105) năm thứ 4 đời Duệ Tông Hoàng đế, sai Thống suất là Nguyễn Cửu Đàm, Tham tán là Trần Phước Thành đến đánh, Trịnh Quốc Anh chạy đến Hà Tiên, Nặc Nộn chạy đến Cần Bật, ta lấy lại các phủ La Bích, Nam Vang. Nặc Tôn trở về nước, nhưng khổ về nước Xiêm lấn cướp, cho em là Nặc Ông Vinh làm Chính vương, tự làm Nhị vương, lấy em thứ là Nặc Thâm là Tam vương. Vinh từ khi có loạn Tây Sơn, âm mưu làm phản, không sửa lễ cống. Bính Thân, Duệ Tông năm thú 11 (1776) mùa đông, Thế Tổ ta vâng mệnh trên đốc suất bọn Phó tiết chế là Nguyễn

Cửu Tuân, Chưởng cơ là Trương Phước Thận đem quân đến đánh, Nặc Vinh xin hàng. Đinh Dậu năm thứ 12, Nặc Vinh mưu giết Nặc Thâm, Nặc Tôn tức bực mà chết, bề tôi là Chiêu Thùy Mô, Đê Lô Luyện giữ Phong Suy để chống cự. Nặc Vinh, Vị Bôn Xu giữ La Bích để ứng tiếp, xin quân cứu viện ở doanh Long Hồ. Kỷ Hợi, Thế Tổ Cao Hoàng đế năm thứ hai (1779), sai bọn Đỗ Thanh

Nhân đi đánh bắt Nặc Vinh giết đi, lập con Nặc Vinh là Nặc Ấn làm vua. Ấn mới lên 8 tuổi, đem Chiêu Thù để giúp, lưu Hồ Văn Lân ở lại để bảo hộ. Quý Mão năm thứ 4, mùa đông, nước Chân Lạp bị giặc Chà Và đến đánh, Ấn chạy sang nước Xiêm, vua nước Xiêm để cho ở, sai Chiêu Thùy biện giữ nước. Giáp Dần, năm thứ 15, mùa thu, Ấn từ nước Xiêm về sai cống sứ phương vật cho ta, ta lại cho ở đất Ba Thắc. Bính Thìn, năm thứ 19, Nặc Ấn chết, Nặc Chân lập lên. Năm Gia Long thứ 6, sai bề tôi là Ốc Nha Bôn Lạch lại xin phong. Thế Tổ y cho, mới đúc ấn "Cao Miên Quốc vương" phong cho Nặc Chân làm vua nước Cao Miên, định lệ tiến cống và phẩm vật tiến cống, cứ năm Dần, năm Thân, năm Tỵ, năm Hợi, ba năm một lần cống, bắt đầu từ năm Đinh Mão. Tục nước Man, hễ anh em tranh giành nhau, không nhờ được ở ta thì chạy đến nước Xiêm, không nhờ được nước Xiêm thì chạy đến với ta. Nặc Chân là con trưởng đang được lập, mà em là tên Nguyên, tên Yểm, tên Dun, ba người đều nhờ ở nước Xiêm bên ngoài, nước Xiêm thường đem về, sai chia đất ra, lấy Nguyên làm vương thứ hai, Yểm làm vương thứ ba, Chân không chịu theo. Năm thứ 10, sai sứ đến cống và xin đổi quốc hiệu làm Ân Di Bắc Phủ Lây. Dụ rằng: Quốc hiệu cũ đã

đẹp rồi, đổi làm gì nữa, không y cho, rồi Nguyên trốn ở Phú Lật, cầu viện với nước Xiêm. Kịp khi quân nước Xiêm tiến đến La Bích, Yểm và Dun làm phản, theo về nước Xiêm. Chân mới chạy đến Tân Châu. Quan ở thành Gia Định sai Nguyễn Văn Thoại đem quân đến cứu viện, hộ đem Chân về Gia Định. Người nước Xiêm tự biết lý khuất, đưa thư đến tạ nói rằng: Lần này đều là muốn vì anh em Chân giảng hòa, không phải có ý khác, Chân không biết, bỏ nước chạy đi, nương nhở uy trời, xử trí thế nào xin theo mệnh lệnh.

Triều đình nhận được thư, mới sai quan thành Gia Định đem quân thuyền hơn một vạn ước hội với người Xiêm đưa Chân về nước, để quân đắp lại thành Nam Vang và thành Lư Yêm, dựng đài An Biên, trên đài dựng nhà Nhu Viễn, để làm chỗ vua Phiên bái vọng. Nhưng Chân thường sợ nước Xiêm, nhân xin quan quân đến bảo hộ. Bèn sai Nguyễn Văn Thoại bảo hộ.

Chân nhờ sức triều đình, lại lấy được nước, nhưng lại là người nhu nhược, em khác mẹ là Nguyên, Yểm, Dun lại lấy nước Xiêm làm chỗ trốn tránh, bề tôi cũ ở trong nước, phần nhiều có kẻ lần đến, vì như cỏ xấu còn gốc lại, đợi dịp mà phát ra. Thế Tổ Cao Hoàng đế hiểu biết tính người Man, lúc theo về, lúc làm phản, nên vỗ yên người Man rất thành thực, chế ngự người Xiêm rất nghiêm ngặt. Chân về lúc tuổi già, phần nhiều hay nhu nhơ, chính sự về tay quan người Phiên, không thích bảo hộ. Triều đình biết ý, triệu Văn Thoại về. Canh Thìn năm Minh Mạng thứ I (1820) người Man có tên sư tăng là Kế đem phù chú làm mê hoặc dân Phiên, họp bè lũ làm loạn, tiến đến sát thành Nam

Vang, Chân muốn bỏ thành chạy, quan thành Gia Định đánh dẹp yên được, chém sư tăng Kế, việc liền yên ngay. Chân dâng biểu trình bày tạ ơn, xin để quan ở lại bảo hộ như trước.

Năm Minh Mạng thứ 2 (1821), sai Nguyễn Văn Thoại đóng giữ Châu Đốc, lại lĩnh việc bảo hộ. Thoại lại trở lại, Chân cám ơn xin cắt đất phủ Lợi Kha Bát, Chân Sâm, Mật Luật để báo ơn Thoại, như việc cũ báo ơn Mạc Thiên Tứ. Thoại đem việc ấy tâu lên, vua chỉ cho nhận 2 phủ Chân Sâm, Mật Luật thôi. Từ đấy Chân thuần phục nước ta càng cẩn thận, quan người Phiên có tội báo cáo trước rồi sau mới hành hình; gặp tang mẹ cũng tất dâng biểu xin mệnh lệnh mới dám để tang phục. Năm Minh Mạng thú 14 (1833), mùa hạ, võ biền phạm tội là Lê Văn Khôi làm phản giữ thành Phiên An, quan quân tiến đánh. Mùa đông năm ấy, Chân sai bề tôi là Ốc Nha Tức mang tờ tư nhờ An Giang đạt đến nơi quân thứ ở Gia Định xin phái quân Phiên theo đi đánh, nhưng các tướng quân tham tán không cho, yên ủi vỗ về người đem tờ tư đến mà cho về. Chân lại phái quân đóng giữ ở địa đầu, bắt được giặc trốn người nước Thanh hơn 200 người, chuyển đưa đến quân thứ ở Gia Định. Rồi sau người nước Xiêm đem đại binh về cướp. Trước kia, giặc Khôi nổi loạn, đưa thư cho nước Xiêm, xin phái quân đánh nước Chân Lạp, đến thẳng Gia Định, hẹn đến sau khi đã thành, xin nộp đất xưng thần. Người nước Xiêm bèn đem cả quân thuỷ, quân bộ, binh thuyền, chia làm ba đạo đều tiến lên: Một đạo quân do đường bộ Bắc Tâm Bôn mà lại, lấy Phi Nhã Chất Tri làm điều bát, đem 2 em của Chân là Nặc Yêm, Nặc Dun cùng đi, 1 đạo quân do đường sông Hồ Hải mà lại, lấy Phi Nhã Phì Mục Thiệp Man làm điều bát; một

đạo quân do đường biển Chân Bôn mà lại, lấy Phi Mã Phạt Lăng làm điều bát; đường bộ do phủ Bông Suy nước Chân Lạp tiến quân đến vụng Sà Năng (cách thành Nam Vang 1 ngày đường). Chân nghe tin, bỏ thành chạy đến Vĩnh Long. Đường thuỷ do đạo Chàm tiến đến xâm phạm Hà Tiên, Tuần phủ là Trịnh Đường, Án sát là Đặng Văn Nguyên chạy đến An Giang. Quân nước Xiêm hai đường xâm phạm vào bảo Châu Đốc; lại có một chi quân giặc từ Nam Vang lại. Tỉnh An Giang không giữ được, Bố chính là Đặng Văn Bằng, Án sát là Bùi Văn Lý chạy đến Tân Thành. Việc đến tai vua tức thì sai Thảo Nghịch Tả tướng quân là Tống Phước Lương, Tham tán là Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân từ Gia Định chia quân tiến đánh. Vừa gặp giặc, quân ta hơi lui lại, Tống Phước Lương lui về Vĩnh Long; Tham tán Trương Minh Giảng, Đốc đồng Nguyễn Xuân với Vệ uý là Phạm Hữu Tâm chống cự ở cửa Thuận, cùng giặc đánh nhau to, đánh phá được quân giặc, rồi sai Bình Khấu Tướng quân là Trần Văn Năng tiếp tục đến, quân nước Xiêm tối trốn đi, ta đuổi đến Châu Đốc liền phá được quân giặc. Quan Phiên là bọn Trà Tri hợp với quân nghĩa dũng đạo Quan Hoá đánh quân bộ của nước Xiêm, đuổi đến phủ Lô Biên, chém được tên đầu mục, quân nước Xiêm thua chạy, quân ta lần lượt lấy lại An Giang, đuổi theo đến Phủ Lật rồi trở về. Nước Chân Lạp mới yên định.

Năm Minh Mạng thứ 15, mùa xuân, sai quan quân đưa Chân về nước, miễn cho lệ cống năm ấy, cho tiền thóc để giúp của dùng trong nước.

Vua cho là đã bình được giặc Xiêm, việc biên cương nên để ý xếp đặt trước, bèn chọn đất ở thành Nam Vang, đặt một đồn bảo lớn gọi là bảo Nam Vang. Trên đường tứ Bắc Tầm Bôn, cũng sai chọn đất đặt một đồn bảo lớn, gọi là bảo Đông Biên, đều để trọng binh ở đấy để canh giữ. Xứ Lô An (đường đi bộ có thể thông đến Quang Hoá) đối ngạn với thành Nam Vang, vụng Sà Năng ở phía trên thành Nam Vang và tử Bắc Tâm Bôn đến xứ Ba Nôn (chỗ nước Xiêm nước Lạp giáp với nhau) liệu lượng đặt đồn cửa biển thông quan báo.

Mùa đông năm ấy, Chân chết, không có con thờ tự, có bốn con gái là Ngọc Biện, Ngọc Vân, Ngọc Thu, Ngọ Nguyên. Sai Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương đốc suất các quan người Man quyền coi việc nước.

Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), sai sứ mang lụa màu sang dụ tế vua đã chết là Chân; phong cho con gái thứ là Ngọc Vân làm Cao Miên Quận chúa. Con gái cả là Ngọc Biện, con gái giữa là Ngọc Thu, con gái út là Ngọc Nguyên đều phong cho làm Huyện quân, để giữ nghiệp trước; bãi lệ quốc cống; đổi bảo Nam Vang làm thành Trấn Tây.

Trương Minh Giảng dâng biểu xin chia đất ấy làm từng quận từng huyện. Bèn chia nước ra, đặt 33 phủ, 2 man (1. Nam Vang; 2. Thì Thu sau đổi là Kỳ Tô, 3. Tầm Đơn, 4. Tuy Lạp, 5 . Ba Nam, 6. Ba Lai, 7. Bình Siêm, 8. Kha Bát, 9. Lô Viên, 10. Hải Đông, 11 . Kim Trường, 12. Thâu Trung, 13. Ca Âu, 14. Vọng Vân, 15.Hà Bình, 16. Trưng Lỗi, 17. Sơn Phú, 18. Sơn Bốc, 19. Tầm Vu

20. Khai Biên, 21. Hải Tây, 22. Kha Sâm, 23.Thê Lạp, 24. Cẩm Bài, 25. Lô Việt, 26.Long Tôn, 27. Quảng Biên, 28.Hoá Dĩ, 29. Chân Tài, 30. Y Rĩ, 31.Chân Thành, 32.Mật Luật, 33. Ô Môn. Hai Man: 1. Cẩn Chế, 2.Cẩn Đô). Đặt quan để cai trị (đặt 1 Tướng quân, 1 Tham tán đại thần, 1 Đề đốc, 1 Hiệp tán, 2 Lãnh binh, 2 Phó lãnh binh, 1 Viên binh bị đạo, 1 Viên lương trữ đạo, 2 Viên ngoại lang, 3 Chủ sự, 4 Tư vụ, 8 Bát phẩm thư lại, 60 Vị nhập lưu thư lại, 12 Giáo thụ, Huấn đạo). Lấy Trương Minh Giảng làm Đông các đại học sĩ, phong là Bình Thành bá, lĩnh ấn Trấn Tây Tướng quân, Lê Đại Cương làm Tham tán, rồi lấy Dương Văn Phong thay. Lại đặt riêng Tuyên phủ sứ ở ba phủ Hải Tây, Hải Đông, Sơn Tĩnh, dồn lính Man làm 25 cơ; 1 cơ tượng mục, phát hơn 1 nghìn tù bị tội quản lưu ở Nam Kỳ đến làm

Năm Minh Mạng thứ 19 (1838), mùa đông, Nặc Yểm từ Bắc Tầm Bôn đem thổ dân hơn 9 nghìn người, thuyền hơn 70 chiếc về quy phục ta. Yểm là em Chân, nghe Chân chết không có con nối đến quy thuận trước, mong để làm người nối ngôi của Chân, Minh Giảng mật sớ xin đón giết đi, vua không nghe. Bèn xin đem các dân của Yểm đem về ở các đảo ngoài biển và các chỗ đất bỏ không, đưa Yếm đến Gia Định, giữ lại hỏi, rồi giải về Kinh nghị tội. Năm Minh Mạng thứ 21, đổi đặt phủ huyện ở Trấn Tây, 10 phủ 23 huyện, những phủ huyện ở gần trấn Tây thì do Tướng quân, Tham tán quản nhiếp; 3 xứ Hải Tây, Hải Đông, Sơn Tĩnh do Tuyên phủ sứ quản hạt, mà Tướng quân, Tham tán kiêm thống trị cả (phủ Trấn Tây có 2 huyện là Thái An, Lư An. Phủ Nghi Hoà có 2 huyện là Thượng Phong, Phong Nhương. Phủ Nam Ninh có 3 huyện là Nam Thịnh, Nam Thái, Phù Nam. Phủ

Vũ Công có 3 huyện là Bình Trưng, Kỳ Tô, Trưng Huy, bốn phủ này do Tướng quân tham tán quản nhiếp Phủ Hải Tây có 2 huyện là Hải Bình và Thâu Trung. Phủ Ninh Thái có 3 huyện là Ngọc Bài, Giang Hữu, Thái Thịnh, hai phủ này do Tuyên phủ sứ Hải Tây quản hạt. Phủ Hải Đông có hai huyện là Hải Ninh và Tập Ninh. Phủ Hà Binh có hai huyện là Trung Hà và Phục Lai, hai phủ này do Tuyên phủ sứ Hải Đông quản hạt. Phủ Sơn Tịnh có hai huyện là Quế Lâm, Sơn Đông. Phủ Mỹ Lâm có hai huyện là Mỹ Thôn, Đào Lâm, 2 phủ này do Tuyên phủ sứ Sơn Tĩnh quản hạt. Đổi định lại ngạch lính ở Trấn Tây (nguyên có 25 cơ lính, 1 cơ voi thì vẫn để như cũ. Còn 25 cơ chia làm 5 doanh Trung, Tiền, Tả, Hữu, Hậu, Trung doanh 5 cơ, biền binh 2695 người. Tiền doanh 5 cơ, biền binh 2116 người. Tả doanh 5 cơ, biền binh 2530 người. Hữu doanh 5 cơ, biền binh 2200 người. Hậu doanh 5 cơ, biền binh 2255 người, cộng 11796 người), lấy Chánh Phó lãnh binh nguyên đặt trước cai quản. Thế dân ở Lò Gò Vật rủ nhau về quy phục đến hơn 1200 người, sai đi an sáp ở các hạt Trấn Tây, Nam Ninh, gọi là dân mới. Mùa hạ năm ấy, sai quan đi kinh lược Trấn Tây, cho Lê Văn Đức sung chức Khâm sai đại thần, Doãn Uẩn làm phó, hội đồng với bọn Tướng quân, Tham tán chiểu các số sông ngòi đầm ao trong cơ hạt lượng đặt cửa quan bến đò, định rõ ngạch thuế; ruộng đất đã giới hạn, thì đều đo đạc xem bao nhiêu tượng mẫu sào; nghề nghiệp vốn sản xuất thứ gì, thì nộp thứ ấy; số người chỗ nhiều chỗ ít, sức theo số người mà sửa chữa lại. Đổi phong Ngọc Vân làm Mỹ Lâm Quận chúa; Ngọc Biện làm Lư An Quận quân; Ngọc Thu làm Thâu Trung Quận quân; Ngọc Nguyên làm Tập Ninh Huyện quân. Rồi sau Ngọc Biện vì mưu việc trốn bị phát giác ra, phải

tội, mới phong Ngọc Vân, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên 3 người, rồi đi đến ở Gia Định chi lương bổng cho. (Xưa cậu mẹ Ngọc Biện tên là Mao ở nước Xiêm, lòng muốn quy thuận, gửi thư khẩn thiết dặn thủ hạ của Trương Minh Giảng là Dương Quan Thảo, đem việc bẩm với Giảng, Thảo bèn lừa dối bảo Ngọc Biện mật thư gọi Mao về hạt gần đấy. Ngọc Biện tin lời. Thảo bèn mật bảo với Dương Văn Phong, Trương Minh Giảng là Ngọc Biện thông tin tức cho nước Xiêm, dân bắt tên Mao và phong thư đưa về nộp, cùng với Ngọc Biện giam để tra xét; Thảo lại dịch lời ta, thêu dệt bức thư thành án nặng, Ngọc Biện và tên Mao đều bị tội xử tử).

Trà Long, Nhâm Vu, La Kiên 3 người đều là đầu mục Man có danh tiếng ở nước Chân Lạp, thường sai đem binh đi đánh giặc, thoái thác không đi. Kịp khi đến Kinh chúc hỗ, Hộ bộ hỏi về số hộ khẩu, lại không trả lời thực, bèn giáng Chưởng vệ Trà Long làm Cai dội, phát đi Hà Nội. Chưởng vệ Nhâm Vu làm Chánh đội trưởng, phát đi Bắc Ninh, Vệ uý La Kiên làm Đội trưởng, phát đi Hưng Yên.

Mùa đông năm ấy, thổ phỉ ở Trấn Tây làm náo động, các viên phủ huyện phần nhiều bị thổ phỉ quấy nhiễu, thổ tù thổ dân, chỗ này chỗ khác, nổi dậy như ong, đánh chết dân Kinh (trước đây, tên Dun tên Yểm, đến ở đất giặc, thấy thế ta ngày càng mạnh, thế nước Xiêm ngày càng kém đi, cùng nhau ngầm mưu về quy phục ta. Nhưng tên Yểm rất là giảo quyệt, đã cùng tên Dun mưu về quy phục ta, lại sợ việc phát giác ra, đem việc Dun mưu quy phục ta mật cáo với nước Xiêm, người Xiêm bèn tin

Yểm mà ngờ Dun, bắt Dun giam lại. Đến đây đầu mục người Man nhân thấy Trấn Tây bắt tên Yểm giải để giam cầm, bọn Ngọc Biện trị tội, bọn Ngọc Vân cũng di đi chỗ khác, bèn cùng rủ nhau nổi loạn cầu viện ở nước Xiêm, xin cho tên Dun làm vua nước ấy. Quốc trưởng nước Xiêm sai Chất Tri dẫn quân tiến đến Bắc Tầm Bôn và giao tên Dun cho, để tùy ý xử trí. Chất Tri tiến sát đồn Hải Tây, mưu lập tên Dun làm Man trưởng, thổ dân đều ứng cả. Việc đến tai vua, sai phát quân 6 tỉnh Nam Kỳ đề phòng điều khiển. Lại cho là bọn Trà Long, Nhâm Vu, hoặc có cùng với bọn thổ dân ngầm thông tin tức, giao xuống bộ Hình xét hỏi. Bọn Trà Long xin làm thư gửi về dỗ bảo con em, khiến cho quay đầu về Vua y cho. Rồi sau cho Dương Văn Phong làm Thự An Hà Tổng đốc, Lê Văn Đức làm Sung biện Trấn Tây Tham tán, Doãn Uẩn quyền sung Trấn Tây Bang biện, hội đồng với Tướng quân đi bắt giặc.

Vua cho là biến loạn ở Trấn Tây, đều là tội của biên thần Trương Minh Giảng vỗ về chống chế không phải phương pháp, bèn giáng Trương Minh Giảng làm Binh bộ Thị lang, vẫn kiêm công việc Tướng quân, Dương Văn Phong làm Binh bộ Lang trung, vẫn quyền Thự tổng đốc. Ra lệnh đòi binh dõng 6 tỉnh tiến đến Trấn Tây để đánh bắt giặc. Lại lấy Tả quân là Phạm Văn Điển sung Kinh lược đại thần, Thống chế là Nguyễn Tiến Lâm sung Tham tán đại thần, lĩnh 5 vệ kinh binh, 2 cơ Nam Ngãi, tiến đi đốc đánh. Thự tả phó đô ngự sử là Nguyễn Công Trứ dâng sớ xin đi, cho sung chức Tham tán lập tức đi hội đánh.

Khi ấy, giặc Man cầu cứu viện, nước Xiêm, nước Lào đem quân giúp kẻ làm bậy, kể đến năm ba vạn người. Một toán đến Hải Đông đánh vây các bảo Sa Ôn, Chi Trinh; một toán đến Hải Tây, binh thế rất thịnh. Trương Minh Giảng, Lê Văn Đức nghe thấy Sa Tôn bị vây, nên đến trước để cứu viện, nhưng quân giặc ngăn chặn đường thuỷ, đánh nhau không lợi phải dừng lại đóng ở Liên Cảng. Theo kế của Đoàn Văn Sách ngầm tìm tranh con đường khác, đánh úp phía sau, giết giặc rất nhiều, thu được khí giới không biết đâu mà kể, giải được vây ở Sa Tôn, quân Xiêm mất khí hăng hái, quân ta nhân thế thẳng đánh phá đồn của giặc hơn 30 sở, quân giặc chạy trốn tan đi cả. Bèn đem quân chuyển đến Hải Tây. Tiến đến bến Bông Long, đường sông chật hẹp, lên bộ tiến đi. Khi đi đường thấy bọn thổ phỉ ước hơn một nghìn người, trong có một người sấn lại kêu to lên rằng: Quan quân Hải Tây đã cùng đầu mục nước Xiêm giảng hoà, xin chớ tiến đánh; Trương Minh Giảng không nghe, đốc quân tiến về phía trước, các thổ phỉ tan chạy cả. Vừa gặp bọn Đề đốc là Vũ Đúc Trung, từ Hải Tây đến, thuật lại đồn ấy đã bị quân giặc vây sát, tiếp được thư nước Xiêm đem lại cầu giảng hoà, bọn ấy ở vào tình thế nguy cấp, bất đắc dĩ cùng đến giảng hòa. Tướng nước Xiêm là Chất Tri nói rất khiêm tốn, tới khi đi, đệ giao một phong thư giảng hoà và chia đưa cho bọn người ấy mỗi người một hạt vàng tốt, phái lính đưa về. Bọn Giảng nghe nói thế, tiến hay dừng đều khó cả, bèn dừng quân ở bến Bông Long, đem việc ấy tâu vua biết. Vua sai Trương Minh Giảng viết thư trả lời cho Chất Tri, nếu muốn giảng hoà, nên rút quân về đều giữ giới cõi. Rồi sau Chất Tri lui quân, cũng không thư đáp lại. Trương

Minh Giảng nhân thể kéo quân về Trấn Tây sửa đắp đồn luỹ để tự vệ.

Năm Thiệu Tri thứ 1 (1841), tháng giêng, đầu mục của giặc là bọn nghịch Cổ, nghịch Đật đóng dồn tụ họp ở cầu Nhâm Lạch, Kinh lược là Phạm Văn Điển chia đường tiến đánh; đến đầu cầu, bọn giặc hơn 1 nghìn tên xông ra khiêu chiến. Điển cứ đốc suất lính và voi qua cầu, đến thẳng luỹ giặc, giặc ngăn chặn ngang đường đi, dựa chỗ hiểm bắn ra, quân của Điển đánh không lợi, bèn dẫn quân về. Lại có toán thổ phỉ họp ba vạn người, vây nhiễu thành hạt, Tổng đốc Long Tường là Bùi Công Huyên cùng Bang biện là Doãn Uẩn, Hiệp tán là Cao Hữu Dực chia đường đánh rất dữ, giặc phải lùi. Huân bèn di quân tiến đánh bọn còn lại ở Mỹ Lâm, quản cơ 2 cơ An Nam Nhất, Nhị là Hu Khiêm, Tôn Ly đều đến quân thứ xin ra sức làm việc. Hu Khiêm làm hướng đạo tiến đánh, gặp thổ phỉ hơn 1 nghìn tên đánh phá được. Chốc lại có thổ phỉ 8 nghìn người xông đến, Phó quản cơ là Nguyễn Viết Đi đánh nhau bị chết. Thự Lãnh binh ở Vĩnh Long là Lê Khoan Mãnh đến tiếp viện, thổ phỉ mới lùi; rồi Tôn Ly cũng trốn đi. Huyên bèn lui về Trấn Tây.

Tháng 3, Chất Tri lại đến, mang theo tên Dun tiến đến Hải Tây, thiết lập đồn trại, mưu lập Dun làm Man trưởng; lại ngầm chia bè lũ ở các xứ Hải Đông, Hải Tây, Sà Năng, Sơn Tĩnh dỗ dành thổ dân sinh sự; lại tụ họp dân Man chia ra quấy nhiễu các đạo Vĩnh Tế, Tiền Giang, Hậu Giang. Thổ Mục là bọn Trần Lâm nổi loạn ở Ba Xuyên, đánh cướp Vĩnh Tế. Bọn Dương Văn Phong, Nguyễn Duy Tráng cùng đánh nhau không lợi, thế giặc ngày

càng hung hăng. Bọn Trương Minh Giảng ở Trấn Tây thường uỷ cho Bùi Công Huyên đem quân trở về viện trợ để dẹp. Lại phụng mệnh chọn phái Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Lương Nhàn, tiến đến hội đánh. Bọn Tri Phương tiến đến Ba Xuyên đánh phá Sóc Trăng, đốt rất nhiều, rồi chia quân làm 3 đạo, hướng về phía trước đánh giáp lại, chợt nghe thấy đạo Hậu quân bị thua, Tri Phương đốc quân để tiếp ứng, binh đạo ấy mới yên, hợp sức cùng đánh đốt phá súc của giặc, bắt được quân giặc khá nhiều,

vụt nghe thấy bọn giặc ở sông Vĩnh Tế điều lấp xứ Trà Mục, quan báo không thông, bèn thương uỷ Nguyễn Lương Nhàn ở lại giữ đồn cửa biển Ba Xuyên, tức thì di quân đến Vĩnh Tế, hợp với Hộ phủ là Đinh Văn Huy tiến đánh phá đồn giặc, mở thông đường sông, rồi cắm rào sách ngăn chặn, lại trở về Ba Xuyên. Vừa gặp bọn thổ phỉ đến quấy nhiễu, tức thì đốc quân đón giết, quân giặc lại bỏ chạy tan vỡ. Gặp nghịch phỉ ở Lạc Hoá là Sư Sâm và nguỵ xưng Phò mã là Đôi họp quân tổng cộng đến bảy tám nghìn người đóng đồn giữ Lạc Hoá, Trà Vinh, Vĩnh Long vì thế sôi động.

Vua dụ sai Bùi Công Huyên đem quân đi đánh. Bố chính là Trần Tuyên, Tri huyện là Hoàng Hữu Quang tiếp đến Lò Cẩn, bị giặc đánh úp, đều chết ở trận. Công Huyên vì không đem quân đến viện trợ đánh giết, phải cách chức lưu nhiệm rồi vì nhút nhát, giả mạo làm có công, phải giải chức, giao bộ nghị tội. Rồi phái cho Nguyễn Tri Phương tiến đến đánh bắt. Tri Phương tiến đến Cần Chông, đánh úp Hậu Giang, cùng với Nguyễn Tiến Lâm chia

đường tiến phá đồn giặc, bắt giết bọn giặc rất nhiều. Kịp khi đến tiến đánh Soài Triêm không lợi, bọn thổ phỉ lại đóng đồn ở các xã Trà Cú, Bãi Đồn, Cổ Luỹ, Hàm Dương để chống cự. Rồi sau Tri Phương đem quân tiến đánh; tuy thường đánh phá được bọn giặc nhưng chỗ kia tan, chỗ này họp, đánh đằng Đông thì giữ đằng Tây, chưa thể yên hết được. Bọn Tướng quân, Tham tán ở Trấn Tây, trước kia đã từng đánh phá đồn của thổ phỉ 12 chỗ, nhưng không thể lần lượt dẹp yên được, lại giữ lời giảng hoà, lui quân sửa đắp đồn bảo để tự giữ, dâng sớ xin giao Ngọc Vân về để chiêu dụ. Ngọc Vân đến nơi, ra sức dụ, nhưng không được việc gì, bọn thổ phỉ ấy vẫn chia nhau đi quấy nhiễu ở các đạo Tĩnh Biên, Ba Xuyên, Lạc Hoá, quan quân đến đánh có khi bị thua.

Vua xuống dụ chuẩn cho Trương Minh Giảng vẫn ở lại giữ Trấn Tây, trích phái bọn Phan Văn Điển nhân đêm chuyển về An Giang, đi tắt đến Tĩnh Biên bắt giặc, mở thông đường bị nghẽn ở các xứ; lại về Lạc Hoá, Ba Xuyên lần lượt đánh dẹp rồi lại về Trấn Tây. Nguyễn Tiến Lâm cũng đem quân tiến đến Ba Xuyên, Lạc Hóa, họp đánh để dẹp yên nẻo sau. Nguyễn Công Trứ dâng sớ xin tha cho tên Yểm đưa về Trấn Tây để chiêu dụ vỗ yên. Vua y cho. Kịp khi Yểm về đến nơi chiêu dụ, bọn thổ phỉ không nghe. Bọn thổ phỉ lại thường lén lút ra vào ở miền rừng Trấn Tây để sinh sự. Thổ mục ở hạt ấy làm nội ứng mưu cướp lấy Ngọc Vân đem đi. Bọn Nguyễn Công Nhàn dò biết, bắt được chém đi. Trương Minh Giảng xin nhận tội, tự mình trình bày về tình trạng Trấn Tây không thể giữ được, xin đem toàn quân chuyển về An Giang. Việc giao xuống đình thần bàn, đều xin rút quân nuôi

dân, vua theo lời, rút quan quân ở Trấn Tây về, rồi giao xuống bộ Hình nghị xử. Trương Minh Giảng về đến An Giang thốt nhiên chết ngay. Ngọc Vân, tên Yểm cùng bọn thổ mục cũng đều giải v An Giang, phái theo quan quân đi phủ dụ. Vẫn chuẩn cho Nguyễn Công Trứ ở An Giang cùng với Phạm Văn Điểm hợp nhau bàn bạc làm việc. Nguyễn Công Nhàn thì đem quân tiến đến Lạc Hoá hội đồng với bọn Nguyễn Tiến Lâm góp sức đánh dẹp. Tham tán Đô đốc hợp vào để đánh, phá đốt trại giặc, giết và bắt được rất nhiều, bè lũ giặc vừa trai vừa gái phải đầu hàng 7600 người, Lạc Hoá mới yên. Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Tri Phương di quân chuyển đến Ba Xuyên, tiến đánh các xứ Bố Thao, Trà Tâm, bọn giặc chạy đến Súc Sâm, đắp đồn để chống cự. Quan quân chia đường tiến đánh; phía trước sau đánh giáp lại, bọn tì tướng là Nguyễn Văn Hoàng, Nguyễn Văn Ý đương trường đánh nhau, chém giết số nhiều, thế giặc ngày thêm cùng quẫn, sợ hãi chạy tán đi các ngả, hoặc nhảy vào lửa chết, hoặc chạy vào rừng chết, lại rủ nhau hơn một nghìn người đến thú. Ba Xuyên dẹp yên hết cả.

Trước đây, tên Dun trú ở Long Úc, nghe tin quan quân Trấn Tây rút về An Giang, báo cho đầu mục Xiêm là Chất Tri cùng nhau chuyển đến trú ở Trấn Tây, rồi chia quân đi các xứ cướp bóc, phần nhiều bị quan quân đánh phá, gởi thư về cho Quốc trưởng của giặc xin thêm quân viện trợ. Năm thứ 2 mùa xuân, bọn Man phỉ liên kết với giặc Xiêm, phái thêm rất nhiều viện binh, quân thuỷ bộ cả nước chia đường vào cướp, tướng của giặc ở đường thuỷ tên là Ô Thiệt, quản suất binh thuyền hướng vào cửa biển Hà Tiên mà bắn. Giặc ở đường bộ liên kết với bọn thổ phỉ, từ

Chu Nham đến núi Lộc Giác, thiết lập đồn sách, ba mặt súng lớn giao nhau bắn ra, ngoài đài luỹ, tên đạn rơi xuống như mưa...Tỉnh Hà Tiên báo tin nguy cấp. Vua lập tức sai bọn Đoàn Văn Sách mang quân ngăn chống, đốc thúc binh thuyền đi tắt ngoài biển thuộc địa phận Hà Tiên để viện trợ đánh giết. Lại sai Phạm Văn Điển, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Nhàn chia đường tiến đánh. Cho Lê Văn Đức làm Tổng thống tiễu bộ quân vụ, Lê Văn Phú làm Tham tán đại thần, quản lĩnh binh thuyền đi mau đến đánh giết. Đại binh chưa đến, Đoàn Văn Sách đóng giữ đài Kim Dữ. Tuần phủ Hà Tiên là Lương Văn Liễu giữ luỹ đều thân đốc biền binh ngày đêm luôn luôn phát súng lớn chống đánh. Thuyền giặc lui trước, bọn Chất Tri chưa biết, cùng nhau đem quân Xiêm, quân giặc liên kết với nhau, lập đồn luỹ ở sông Vĩnh Tế để chống cự, lại đến đồn bảo quân ta đi lại quấy nhiễu. Bọn Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Nhàn chia đường tiến đánh, giết hại rất nhiều, đốt phá hết trại sách của giặc.

Trận đánh này, quân ta không quá vài ngàn người mà giết lui được hơn 2 vạn bè lũ của giặc; không đến ba khắc, lấy được 7 đồn, chém giết không biết đâu mà kể, bên tả bên hữu sông Vĩnh Tế dẹp hết một loạt. Lại di quân chuyển đến núi Thất Sơn cùng Lê Văn Đức hội quân lần lượt tiến đánh các đồn thổ phỉ ở núi Cẩm Sơn, Tượng Sơn, quân giặc nghe thấy bóng gió chạy trốn cả, lại vào núi Trà Biệt giữ chỗ hiểm để chống cự quan quân tiến đánh, chém và bắt được nhiều. Kịp đến 2 xứ Sà Tốn, Tô Sơn, rất nhiều hiểm trở, bọn giặc ấy chia từng đoạn thiết lập đồn sách ước hơn 10 chỗ. Quan quân chia làm 5 đạo, lấy thuyền nhỏ nhân đêm lẻn tiến đi, đến mờ sáng đến bờ cả một

loạt. Đốc quân lên luỹ, bọn giặc cùng quẫn, cùng đem nhau đến thú, kể có hàng ngàn. Thất Sơn đều dẹp yên hết cả, bèn ra lệnh kéo quân về. Triệu Lê Văn Đức về Kinh, những viên biền các tỉnh chia phái đi hợp đánh, đều về nhận chức cũ.

Người nước Xiêm bị thua đau lần này, thường muốn phái thêm binh thuyền lại đến lần nữa, để giúp giặc Man sinh sự. Vừa gặp nước ấy có việc, vội dừng lại. Chất Tri và tên Dun trở về Trấn Tây. Quốc trưởng của giặc cũng lấy cớ là Chất Tri bị thua, triệu về, đem Sĩ Phì để thay, tên Dun đưa thư xin lưu ở lại để bảo hộ, Quốc trưởng của giặc y cho. Chất Tri nghe tin quan quân nhân thế thắng tiến đánh Trấn Tây, đưa thư xin Quốc trưởng phái thêm 1 vạn quân, đến đóng đồn Hải Tây, nghe mãi, thấy không có việc gì, rồi cũng rút quân về. Vua cho là thổ phỉ người Man nay đã dẹp yên, mà Trấn Tây còn chưa lấy lại cả đự đặc phái Lê Văn Đức sung chức Kinh lược, Tôn Thất Bật sung chức Tham tán, Lâm Duy Nghĩa sung chức Tán lý tiến đến Nam Kỳ, chỉnh lý việc biên cương. Lê Văn Đức đi đường bị bệnh ở lại điều dưỡng; bọn Bật tiến đi để làm. Năm thứ 3, mùa xuân, các viên Tham tán, Tán lý đệ tập tâu nói: Nay đương lúc khô cạn, chưa tiện tiến lấy. Vâng chỉ chuẩn cho rút về Kinh cung chức. Nhưng cho phủ Tây Ninh là chỗ địa đầu quan yếu, muốn chống giữ bọn Lạp, Man, trước hết phải kinh lược đường ấy. Đặc phái cho Ngô Văn Giai, Cao Hữu Dực đến dựng đồn bảo, mở đồn điền, chiêu mộ dân lập ấp, mở trường giao dịch, cho người Man người thổ thông thương, để tỏ ý vỗ về yên ủi. Lại chuẩn cho đem bọn Trà Long theo đến, chọn đất cho ở yên đấy. Tỉnh An Giang cũng ở

nơi địa đầu quan yếu thiết lập đồn bảo, mở trường giao dịch, chiêu tập thổ dân, đi lại mua bán.

Năm thứ 4, trường giao dịch ở các xứ Tây Ninh, An Giang, nhân dân đến ngày càng nhiều thêm. Bọn thổ mục, thổ dân cũng đều khổ về sự hà ngược của nước Xiêm, cùng rủ nhau chạy đến quy phục rất nhiều. Chất Tri và tên Dun nghe thấy bọn Trà Long đi dụ các súc, mới gọi các đầu mục về trú ở Trấn Tây, rồi phái người khác đi cai quản thổ dân, không cho đến thú, lại sức đắp thêm đồn bảo để phòng ngự, lại chiêu thêm các hạng hàng hoá của thổ dân đến buôn bán thu lấy 2 phần mười. Đến nỗi thổ dân khổ về thuế má đóng góp mà của cải phần nhiều bị người nước Xiêm cướp bóc, dân đều oán giận. Thổ mục mang lòng lìa phản, có kẻ xin đem Sa An dâng nộp; có kẻ xin lấy thổ dân Nam Ninh để mưu tính phủ Trấn Tây; có kẻ xin đem thổ dân ở Kỳ Tô, Mỹ Lâm theo quan quân cố sức làm việc. Bấy giờ mới sức Trà Long thay thư của Ngọc Vân và mẹ tên Dun để đưa cho tên Dun, khiến cho hẳn về với triều đình và cho thổ dân thông thương. Nhưng vì có đầu mục nước Xiêm là Chất Tri áp chế, tên Dun cũng không được tự do.

Mùa thu năm ấy, biên thần là bọn Nguyễn Tri Phương dò thám được tình hình người Mó nhiều người hết lòng qui thuận, cơ hội có thể nhận được. Dâng sớ xin cất quân tiến lấy Trấn Tây và tâu bày cơ nghi đánh dẹp và vỗ yên. Giao xuống đình thần bàn, mọi người nói trù tính thế là phải. Vua theo lời, nhưng chuẩn cho hãy từ từ chiêu dụ đầu mục người Man, nhiều người về quy thuận, sau mới cất quân tiến đánh. Rồi sau Chất Tri và tên Dun

sai Đại đầu mục của Xiêm, Man thân đến xứ Ba Lộ nói với Bố chính sứ là Nguyễn Bá Nghi xin cầu hoà và xin trả về quyến thuộc tên Dun. Tỉnh thần là bọn Nguyễn Tri Phương thấy là lời xin tự lòng thành thực, cứ thực đề đạt lên. Triều đình đương để ý đến việc yêu nuôi quân dân, chiêu dụ vỗ yên người Man, tạm chuẩn y lời xin ấy.

Chất Tri là người giảo quyệt, dò được dân Man có nhiều người oán mình, tên Dun thường bị khuất nhục, cũng chán ghét rồi. Tên Dun và đầu mục người Man không thuận, mới mưu cùng ta giảng hoà để dỗ dành an ủi người Man, mà lại xin quan tỉnh gửi thư cho để làm tin, và đưa trả quyến thuộc người Man về, sau mới giảng hoà. Nhưng mà về khoản kẻ giặc kia đem lòng thành thực xin hoà cùng tên Dun xin nhận tội thì đùng dằng không chịu làm thư, chỉ mượn cuộc hoà này để làm kế hoãn binh mà thôi.

Năm thứ 5, mùa xuân, Chất Tri sai đầu mục người Xiêm là tên Na mắc mẹo lừa bắt người trông coi trường giao dịch là bọn Nguyễn Bá Hữu giữ lại, muốn để đánh đổi Ngọc Vân, Ngọc Thu đem về. Biên thần là bọn Nguyễn Tri Phương, thấy việc hoà không thành, dâng sớ xin cất quân tiến đánh. Giao xuống đình thần, đều xin thôi việc binh cho dân yên nghỉ, đợi khi nước Xiêm nước Man tự chém giết lẫn nhau, rồi sau hãy thừa cơ đem quân viện trợ đánh dẹp.

Kính vâng vua chuẩn y lời bàn. Mùa đông năm ấy, bọn tên Sô, tên Mẫn mang gia quyến chạy sang ta xin viện trợ. Liêm Đạt

thân đến An Giang xin quân. Bèn sai Doãn Uẩn, Nguyễn Hoàng, Nguyễn Công Nhàn chia đường tiến sang viện trợ đánh dẹp. Lại phái đại thần là Vũ Văn Giải, Tôn Thất Bạch đến Gia Định tuỳ cơ điều khiển. Nguyễn ương, Doãn Uẩn, Nguyễn Hoàng tiến đánh Sách Sô, phá luỹ Bình Thiết, Chất Tri bị thua mới bỏ Trấn Tây đem tên Dun chạy về Ô Đông ẩn nấp, đắp luỹ cố giữ. Tức thì sai bọn Vũ Văn Giải đi mau đến An Giang, nhân cơ hội đánh dẹp và vỗ yên, quan quân nhân thế thắng tiến đến dẹp yên được Trấn Tây, chia đặt thổ quan chiêu dụ và coi quán dân thổ; rồi tức thì tiến quân đến Vĩnh Long, vây chặn Ô Đông, đắp núi đất, vận đại bác lên để bắn, Chất Tri thế đến cùng quẫn. Rồi sau trận đánh ở Liên Kiên, Hồ Đúc Tú khinh suất tiến lên, gặp quân phục bị thua. Chất Tri bèn nhân cai đội bị bắt được là Lê Văn Ân yên ủi cho về, mang thư hoà, Vũ Văn Giải cứ tình thực đề đạt lên. Triều đình nghĩ đến quân dân, chuẩn y lời xin.

Rồi thì Chất Tri quá hạn không có làm thư, lại mượn đấy để hoãn binh, mà việc hoà không có nhắc đến. Đắp luỹ ở Ô Đông, mưu tình cố giữ, lại muốn xô đẩy bọn thổ dân nổi lên, như việc cũ Trấn Tây năm trước. Nhưng thổ dân thấy ta đã cho hoà đều không cho việc Chất Tri làm là phải, không chịu hưởng ứng theo Chất Tri. Mùa đông năm ấy, Chất Tri biết thể khuất, lại xin cầu hoà, và dẫn tên Dun cùng lại hội xá thú tội. Nguyễn Tri Phương thấy có lòng chân thành, tuân y chỉ dụ trước, nghe cho đầu hàng, rồi đem việc ấy tâu lên.

Vua theo lời xin, nhưng bắt tên Dun dâng biểu thuần phục; tù trưởng nước Xiêm làm thư sai sư dâng lên, và giao trả dân binh lui về, lui quân về cõi giặc, mới nghe cho giảng hoà.

Năm thứ 6, Chất Tri và tên Dun phái uỷ đầu mục nước Xiêm nước Man đến tại quân thứ xin đưa trả mẹ tên Dun về, để được bằng cứ vào đó mà làm thư thú tội. Đại thần ở quân thứ nghe cho. Rồi lại yêu cầu trả lại vợ lẽ con gái mà lại bắt người ở Bắc để làm náo động ở bảo Phương Thao, họ lại gây việc ra. Đại thần ở quân thứ đã tiết thứ trách hỏi, thì giả làm không nghe thấy, chỉ nói về việc đưa trả vợ lẽ và con gái, mà về khoản nộp dân, xưng thần xin gia hạn đến tháng 10 sẽ làm xong. Chậm trễ quanh co kéo dài ngày định muốn phá bỏ việc hoà, đợi thời sinh sự. Đến khi thấy quân ta không có chỗ kẽ hở nào có thể thừa cơ được, mà dân Man lại không chịu để cho xua đuổi sai khiến, bấy giờ mới vẫy đuôi xin thương, tìm lại hoà hiếu cũ. Mùa đông năm ấy, tù trưởng Man đến Kinh đô xưng thần dâng lễ cống.

Năm thứ 7, mùa xuân, sai sứ phong tên Dun làm Cao Man Quốc vương, lại phong Ngọc Vân làm Cao Man Quận chúa, khiến cho hiệp cùng nhau cai quản dân thổ, kính sửa lễ cống hàng năm. Tên Bướm và quan phiên đem lòng thành thực quy thuận đều tuỳ tiện xử trí, được vừa lòng muốn cả. Mùa hạ năm ấy, việc tuyên phong nước Cao Man xong, nước ấy ủy 2 tên đầu mục Phiên, thay mặt mang biểu văn đến Kinh lạy tạ. Xuống chiếu kéo quân thắng trận trở về.

Tục nước ấy sùng phụng Phật, vốn là tôn giáo của nước Phù Nam để lại. Có một chùa cổ, có một tượng Phật rất cổ nằm ngang tựa vào cửa động núi, tương truyền là tượng Bắc Đế Lại có 1 ngọn tháp cao không biết chừng nào, dáng như thợ trời làm ra, là vật cổ nghìn năm vậy.

Năm Minh Mạng thú 21 (1840) đưa đến vài hòm kinh bằng lá cây, sách ấy châm thủng lá cây thành chữ, như con rắn con giun quấn quýt lấy nhau, dịch ra, lời rất quê mùa, bèn thôi không dịch nữa. Chỗ vua ở thì dựng cột sách bằng gỗ, bọc đất bên ngoài để làm thành, nhà lợp bằng lá cây, đồ đạc phần nhiều dùng vàng bạc, cho nên ngạn ngữ có câu rằng: Giàu sang như nước Chân Lạp. Phẩm trật của quan tước thì trật thứ 10 là trên hết, trật thứ 1 là thấp. Quan Phiên vào ra mắt vua, thì đi bằng đầu gối; nhân dân nhà ở rất thấp hẹp, lấy vải sặc sỡ quấn ngang lưng, không mặc áo quần. Thổ sản thì có ngọc đá, gỗ có vân và đậu khấu. Ở Bể Hồ thì cá giải ăn không thể siết được.

Nước này lúc trước mạnh lớn, đất cát giàu tốt; lại có ruộng hội không trồng cây mà được gặt lúa. Nước Tiêm La thì nhỏ yếu, đất xấu,ường nhờ nước này cấp đỡ cho. Về sau suy yếu đi, nước Tiêm La cường thịnh lên, mới bị nước Tiêm La chế ngự.

QUYỂN 32

TRUYỆN CÁC NƯỚC NGOÀI II

Nước Xiêm La

Khi xưa Xiêm La là nước Xích Thổ, sau chia làm 2 nước, một nước gọi là Xiêm, một nước là La Hộc. Nước Xiêm đất xấu không thích hợp với việc cấy lúa. Nước La Hộc bằng phẳng, tốt màu cấy lúa, thu hoạch nhiều, nước Xiêm phải trông vào nước La Hộc cung cấp cho thóc gạo. Sứ nhà Tùy đến nước ấy, biết quốc vương là họ Cồ Đàm. Đầu đời Nguyên thường vào cống. Về sau nước La Hộc mạnh thôn tính cả nước Xiêm, gọi là nước Xiêm La Hộc. Đến đầu đời Minh lại vào cống, ban cho ấn "Xiêm La Quốc vương" tên gọi là Xiêm La bắt đầu từ đó. Trong năm Long Khánh (106) có nước láng giềng là Đông Man Ngưu muốn cầu hôn nhưng không được, nên giận, bèn đem đại binh đánh phá, Quốc vương tự thắt cổ chết, bắt Thế tử đem về. Từ đó nước Xiêm bị nước Đông Man Ngưu áp chế, người con thứ nối ngôi quyết chí phục thù.

Khoảng năm Vạn Lịch (107), nước ấy mạnh lớn lên, đánh phá được Đông Man u, hàng được nước Chân Lạp, bèn làm bá chủ các Man. Năm Bính Tuất thuộc bản triều Duệ Tông năm đầu (1766), nước Miến Điện đem quân đánh phá nước ấy bắt Xiêm Phong vương (vua Xiêm bị bệnh hủi, người trong nước gọi là

Phong vương) và người con trưởng là Chiêu Đốc. Con thứ là Chiêu Sỉ Xoang chạy sang Chân Lạp và Chiêu Thúy chạy sang Hà Tiên.

Người đứng trưởng đất Man Tát là Trịnh Quốc Anh, người ở Triều Châu nước Thanh, bố tên là Yển, phiên lưu sang ngụ nước Xiêm làm trưởng ở Man Tát, Yển chết, Quốc Anh nối hiệu là Phi Nhã (tên quan nước Xiêm), nhân nước Xiêm đương lúc không ai cai quản, đem binh đánh úp lấy đất cát tự xưng là Quốc vương nước Xiêm, bắt nước Chân Lạp phải cống. Nặc Tôn cho Quốc Anh không phải dòng nước Xiêm không chịu cống.

Năm Kỷ Sửu thứ 4 (1769), vua Xiêm là Trịnh Quốc Anh sai Bôn Ma (tên người) đem binh đưa ngụy vương nước Chân Lạp là Nặc Bôn về phục quốc; đến Lò Gò cùng với Nặc Tôn đánh nhau không được, bèn cướp bóc dân chúng đem về. Năm Tân Mão thứ 6, Trịnh Quốc Anh cho là Chiêu Thúy ở Hà Tiên, sợ làm mối lo về sau, bèn đem binh đánh phá Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ chạy ra Trấn Giang, Chiêu Khoa (tên quan) nước Xiêm là Trần Liên đuổi theo, gặp tên Lưu thủ doanh Long Hồ là Tống Phước Hiệp đem viện binh.tới, quân Xiêm rút lui, đi lần vào sông Cùng, quân Hiệp đuổi tới gần, chém được hơn 300 thủ cấp. Trần Liêm bỏ thuyền đem quân về Hà Tiên, tự đem quân thẳng tới Chân Lạp. Nặc Tôn bỏ chạy, Quốc Anh lập Nặc Nộn làm vua Chân Lạp. Từ đó quân Xiêm giữ thành Nam Vang, có ý muốn dòm dỏ nơi phiên trấn.

Nhâm Thìn thứ 7 (1772), Thống suất là Nguyễn Cửu Đàm và Tham tán là Trần Phước Thành đem quân do Tiền Giang tiến đến, Tống Phước Hiệp do Hậu Giang tiến đến, Đàm cho Nhâm Lịch (tên quan Chân Lạp) là Tốt (tên người) làm tiên phong đánh phá quân Xiêm ở Nam Vang, Quốc Anh chạy về Hà Tiên, đưa thư cầu hòa với Mạc Thiên Tứ, Mạc Thiên Tứ khước từ, Quốc Anh bèn ủy cho Trần Liên giữ Hà Tiên, mà tự đem binh đi bắt con trai con gái của Thiên Tứ và Chiêu Thúy đem về, rồi giết Chiêu Thú

Năm Quý Tỵ thứ 8, vua mật sai Thiên Tứ cho người sang Xiêm mượn tiếng là giảng hòa để dò xem động tĩnh. Thiên Tứ sai xá nhân là Trịnh Tứ mang thư và lễ vật sang Xiêm. Quốc Anh mừng lắm, đưa trả con trai con gái của Thiên Tứ, rồi triệu Trần Liên về. Năm Đinh Dậu thứ 12, có loạn Tây Sơn, Tôn Thất Sơn và Mạc Thiên Tứ chạy sang Xiêm cầu viện, người Xiêm khoản đãi hậu và lưu lại.

Thế Tổ Cao Hoàng đế, Mậu Tuất năm đầu, lấy lại Gia Định, tháng 6 sai Cai cơ là Lưu Phước Trưng sang Xiêm sửa việc hòa hiếu và thăm hỏi tin tức bọn Tôn Thất Xuân, Mạc Thiên Tứ. Năm Canh Tý, lại là năm đầu Cao Hoàng đế lên ngôi vương (1780), tháng 6, lại sai Cai cơ là Tham và Tĩnh sang Xiêm sửa hòa hiếu. Gặp thuyền buôn nước Xiêm từ Quảng Đông về đến ngoài khơi Hà Tiên, bị Lưu thủ là Thăng (chép thiếu họ) giết chết và lấy hết cả hóa vật, người Xiêm giận, bèn đem Tham và Tĩnh bỏ ngục. Lại có người Lạp là Bộ Ông Giao gièm pha với Xiêm rằng: "Gia Định đưa mật thư sai Tôn Thất Xuân và Mạc Thiên Tứ làm nội

ứng, mưu lấy thành Vọng Các", người Xiêm cả nghi, lại bắt tra hỏi. Thiên Tứ tự tử; Tôn Thất Xuân cùng gia quyến của Tham, Tĩnh và Thiên Tứ gồm 53 người cộng lại đều bị giết hại; nhân dân nước ta ở đất Xiêm hết thẩy phải dời ra nơi ngoài ven xa. Năm Tân Sửu thứ 2 (1781), tháng 10 Xiêm sai tướng là Chất Tri, Sô Sy (hai anh em) xâm lấn Cao Man. Nặc Ấn đem việc tâu lên. Năm Nhân Dần thứ 3, tháng giêng, vua sai Chưởng cơ là Nguyễn Hữu Thụy cùng với Hồ Văn Lân đem binh thuyền sang cứu viện nước Cao Man. Quân đóng ở La Bích, gặp Xiêm chúa là Trịnh Quốc Anh bị bệnh đau tim bắt giam vợ con của Chất Tri và Sô Sy, bọn Chất Tri lấy làm oán, quân ta đến, bọn họ bèn hội họp mọi người lại bàn. Sô Sy nói: Chủ ta vô cớ bắt giam vợ con ta, bọn ta dẫu có cố sức liều chết để đánh thời ai biết, chi bằng cùng người Kinh xin hòa, kết làm ngoại viện. Chất Tri nói: Lời nói ấy chính hợp lòng ta, bèn sai người đến quân thứ của Nguyễn Hữu Thụy cầu hòa và đón đến trại để hội ước. Hữu Thụy nhận lời, ngày hôm sau, Thụy mang theo vài chục người đi vào tận tr của Xiêm. Quân của Xiêm nhìn nhau ngơ ngác sợ hãi. Chất Sy, Sô Sy mời vào thết đãi rất hậu và đem hết sự tình kể với Thụy. Khi rượu say bẻ tên để thề. Hữu Thụy nhân lấy cờ, dao, gươm là ba thứ bảo vật đưa tặng rồi về. Gặp khi ấy bọn giặc ở thành Cổ Lạc nước Xiêm nổi dậy, Trịnh Quốc Anh sai Phi Nhã là Oan Sản ra đánh. Tên đúng đầu bọn giặc là em Oan Sản, Oan Sản bèn phối hợp quân trở giáo đánh lại vào thành Vọng Các. Người trong thành mở cửa đón vào. Trịnh Quốc Anh nghe tin có biến trốn vào chùa thờ Phật, Oan Sản bắt giam lại, báo ngay cho Chất Tri về nước. Chất Tri được tin báo, cho là đã cùng với Hữu Thụy nghị hòa, không còn lo về sau nữa, bèn đi luôn

mấy đêm, đem binh về thành Vọng Các. Khi sắp đến, mật sai người giết Trịnh Quốc Anh mà đổ họa cho Oan Sản, kể rõ tội ác, trách về tội làm loạn, xích giam nhà riêng, rồi giết chết. Bèn hiếp ức mọi người, tự lập làm vua nước Xiêm La, gọi là Phật vương (tục nước Xiêm trọng đạo Phật, cho Đại vương là Phật vương), phong cho em là Sô Sy làm Nhị vương, cháu họ là Ma Lạc làm Tam vương, nạn dân nước ta trước đây bị Trịnh Quốc Anh bắt dời đi nơi khác, đều cho về thành Vọng Các , cấp bạc và gạo để nuôi đầy đủ. Mùa thu năm ấy, vua sai Cai cơ là Lê Phước Diễn và Tham mưu là Lê Phước Bình đến thông hiếu.

Giáp Thìn Năm thứ 5 (1784), tháng 2, vua sang Xiêm trú chân ở thành Vọng Các, người Xiêm đón mừng ủy lạo hết lễ, nhân hỏi năm xưa cùng với Nguyễn Hữu Thụy giảng hòa, lại có ước thề hoạn nạn cùng cứu nhau. Ngày nay xin ra sức giúp, hẹn ngày ra quân. Tháng 6, vua nước Xiêm sai cháu là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 20.000 thủy binh và 300 chiếc thuyền chiến để giúp. Quân Xiêm đến đâu cướp bóc đến đấy, lại không rõ địa thế chỗ hiểm chỗ dễ, bị phục binh của Tây Sơn đánh úp bị tan vỡ; chạy cả. Vua lại sang Xiêm. Năm Đinh Mùi thứ 8, tháng 7, vua từ nước Xiêm trở về, người Xiêm từ sau năm Giáp Thìn bị thua đau, miệng dẫu còn nói khoác, mà trong bụng vẫn sợ Tây Sơn như cọp. Vua suy xét trong lòng biết họ không thể giúp được, mà nếu có giúp cũng vô ích. Bấy giờ quyết kế trở về. Nhân ban đêm để lại tờ thư cảm tạ ở nơi hành tại, rồi xuống thuyền chở ra cưea biển Bắc Nòm. Đến sáng người Xiêm mới biết, đi thuyền nhẹ đuổi theo nhưng không kịp, rồi về.

Năm Mậu Thân thứ 9 (1788), lấy lại Gia Định, vua cùng nghĩ đến tình lân hiếu. Từ đó thường sai người đưa, cho quà cáp và đem tin thắng trận báo cho biết. Người Xiêm mỗi khi thấy sứ ta đến cũng đem phương vật đưa dâng. Năm Kỷ Dậu thứ 10, người Xiêm bị đói kém, xin đong gạo của ta. Vua sai bán gạo ra hơn 8800 phương. Năm Mậu Ngọ thứ 19, nước Xiêm bị nước Miến Điện đánh, sai sứ xin quân cứu viện của ta. Vua sai Hữu quân là Nguyễn Hoàng Đức và Chưởng cơ là Nguyễn Văn Trương đem binh thuyền đến cứu viện. Khi đến biển Côn Lôn, người Xiêm đã phá vỡ quân Miến, sang báo tin thắng trận, bèn rút quân về. Năm Gia Long thứ 5 (1806), Xiêm sai sứ theo đường Ai Lao Cam Lộ sang dâng phương vật. Năm thứ 6, tháng 2, nước Xiêm lập người con là Chiêu Lục Thư làm Nhị vương, sai sứ dâng phương vật và báo tang của Tam vương nước ấy.

Vua dụ quần thần rằng: Nước Xiêm đem tang của Tam vương báo cáo với ta rất là vô vị. Nhưng ta cùng nước Xiêm giao hiếu, nghĩa không nên đoạn tuyệt, bèn sai sứ sang phúng. Kịp khi về người Xiêm đưa thư tỏ bày tạ ơn.

Tháng 7, Xiêm Phật vương là Chất Tri chết (ở ngôi 28 năm), con là Nhị vương Chiêu Lục Thư nối ngôi, phong cho em là Chiêu Oan Na làm Nhị vương. Người em khác mẹ là Chiêu Mân vì có không được lập mưu làm loạn, bắt được giết đi. Tháng 12, sai sứ sang báo tang. Khi đến thành Gia Định, thành thần thấy lời nói trong thư phần nhiều khoe khoang, cho là nhận thư thì làm thêm sự kiêu ngạo của họ mà khước đi thì lại hư hại đến việc hòa hiếu. Bèn dâng mật sớ tâu lên, vua nói: "Người Xiêm không

có văn tự, đó là lỗi của người Trung Quốc sinh sút, không đáng trách" . Sai đưa sứ vào kinh hậu đãi rồi cho về. Bèn sai sứ sang phúng.

Năm thứ 9, tháng 11 , người Xiêm nghe tin Ốc Nha ở Cao Man là Cao La Hâm Mang, và Trà Tri Biện (hai người này nguyên chịu nước Xiêm phong làm phụ thần nước Cao Man), bị Nặc Ông Chân giết chết, Xiêm bèn sai Phi Nhã là bọn Long Man tiến quân đóng ở Bắc Tầm Bôn, Nặc Ông Chân sợ, xin quân bảo hộ của ta. Vua bèn sai thành thần Gia Định đi kinh lược nước Cao Man để cứu viện. Đưa thư cho nước Xiêm trách rằng: Cao La Hâm Mang và Trà Tri Biện. dẫu là nước Xiêm phong cho chúng nhưng bọn chúng có lòng làm bậy, Nặc Ông Chân giết đi không phải là quá, người Xiêm lấy cớ ấy mà động binh là danh nghĩa gì? Nước ta sở dĩ sai tướng sang bảo hộ, bản tâm không phải lợi về đất cát, vì là cứu giúp tai nạn, nghĩa phải như thế. Nên phải nghĩ kỹ đấy. Người Xiêm tiếp được thư rồi ngầm lui binh về.

Năm thứ 10, tháng 2, Xiêm sai bọn Phi Nhã là Phì Phạt sang dâng phương vật và trong thư có nói: Tội trạng của Năc Ông Chân tự tiện giết bọn Cao La Hâm Mang và Trà Tri Biện, vua sai Nguyễn Văn Thành hỏi lại rằng: Cao La Hâm Mang và Trà Tri Biện ngầm mưu bội nghịch; Nặc Ông Chân là quốc quân đem giết đi, cũng như bề tôi ở nơi phong cương giết kẻ lại làm trái phép, sao lại có tội. Huống hồ nước Xiêm phong cho ai không có giấy tờ rõ rệt để gây nên mối họa, há nên chuyên trách về Nặc Ông Chân ư? Sứ giả lại xin sai Chân thân sang nước Xiêm để hội họp chôn cất Phật vương trước. Vua lại sai dụ rằng: Nước Cao

Man từ khi có nước tới giờ, chưa có lễ nào phải thân đến mừng hay viếng. Nếu có lỗi lệch thì đưa thư răn bảo là phải, hay sai sứ đến trách là phải, há có thể bảo phải khinh suất bỏ nước mà đi ư? Kể ra, lấy nước lớn mà vỗ nuôi nước nhỏ, là thuận đạo trời, nếu nước người trái đạo trời mà làm, thì việc của Chân làm không thể biết được. Sứ giả không có lời lẽ gì mà đối đáp lại được nữa.

Năm thứ 11, tháng 9, Xiêm sai sứ đưa thư lại nói: Trước đây anh em Nặc Ông Chân không hòa thuận, đem binh đánh nhau, phụ ơn nghĩa của hai nước lớn có công vỗ nuôi. Nên người Xiêm sai thân tín trọng thần dụ bảo rằng nên hòa thuận với nhau, không ngờ Nặc Ông Chân trong lòng ngờ sợ, đem gia quyến đi. Quân Xiêm phải niêm phong kho tàng, sửa lại thành bảo để đợi Chề, không dám có bụng gì khác. Nay Chân đến ở Gia Định nhờ tựa uy linh, thì công việc xử trí như thế nào, bởi tự triều đình xếp đặt, người Xiêm không dám không theo mệnh. Vua sai Phước thư đáp lại, ước hẹn nước Xiêm phải đưa Chân về nước; lại đưa cả bức thư của nước Xiêm cho Chân xem, và dụ Chân rằng "Việc vương về nước không phải là ý người Xiêm, nhưng sở dĩ yêu cầu người Xiêm phải hội họp, là tấm lòng của trẫm chịu khó vì vương mà thu xếp muốn cho vương cùng với người Xiêm không mất hòa khí. Nếu người Xiêm thất tín gây ra hấn khích, thì phải chịu lấy lỗi, trẫm đã tính san rồi, vương không nên nghi hoặc".

Năm thứ 12, tháng 4, xuống chiếu cho thành thần Gia Định là Lê Văn Duyệt và Ngô Nhân Tĩnh đem nhiều thuyền quân đưa

Nặc Ông Chân về nước; nước Xiêm sai Phi nhã Ma A Kha Nặc đem sứ bộ của Xiêm đi theo. Quân đến Long Úc, bọn tướng Xiêm tới cửa quân chào lạy chiếu thư. Bọn Lê Văn Duyệt định rõ hiệu lệnh, cấm sự cướp bóc, ban bố uy tín, vỗ yên dân Man. Người Xiêm nghe tin rụt rè sợ hãi, dân Phiên nhờ đó được yên ổn. Khi Nặc Ông Chân về với ta, người Xiêm căm giận bàn nhau rằng: "Xiêm La là một nước lớn, không mệnh lệnh được cho người mà phải chịu mệnh lệnh ở người, thì đối với quốc thể ra sao? Bàn nhau muốn lấy Bắc Tầm Bôn để phong cho Nặc Ông Nguyên lại sợ triều đình ta hỏi tội, không dám đệ xin. Nay nghe Chân về nước, cho là quân ta trèo lội từ xa lại binh tất chẳng được nhiều. Nên bề ngoài sai sứ tới hội họp để tỏ hòa hiếu, mà bề trong thì sửa sang việc đánh nhau, muốn nhân khi sơ hở là đánh úp. Tới khi quân của Văn Duyệt đến đóng quân ở Long Úc lâu không về, mà ước hẹn đưa Nặc Ông Nguyên về cũng không làm được.

Vua bèn sai đưa thư ngay cho Xiêm để trách. Người Xiêm nhận được thư tức thì lui binh về Bắc Tầm Bôn mà sai Nguyên làm thư nói về tình anh em để tạ Chân.

Năm thứ 13, tháng 6, nước Xiêm sai sứ đem quốc thư và phẩm vật sang dâng, ý trong tờ thư có phần không đựhòa nhã. Vua dụ rằng: Về trong câu nói, sao bõ để ý. Ta cùng Phật vương trước có hòa hiếu với nhau, có nghĩa với người bố mà đánh người con, thì nước lân cận cho ta ra sao? Bèn bỏ đấy không nói đến.

Minh Mạng năm thứ 1 tháng 8, nước Xiêm sai sứ sang dâng 2 lễ tiến hương và chúc mừng. Sứ đến Hà Tiên, trấn thần là Trịnh Công Du đòi bản thảo quốc thư, không chịu đưa ra, công văn lại phần nhiều không hợp cách, đưa báo về Gia Định, Lê Văn Duyệt dâng sớ nói: "Người Xiêm, muốn chiếm trịch thượng, mình nhận thì chịu kém, mà khước đi thì hại đến hòa hiếu". Thánh Tổ Nhân Hoàng đế đưa hỏi quần thần, Nguyễn Đức Xuyên tâu rằng: Quân di địch không có lễ chi bằng khước từ đi, nếu bất hòa thì chỉ có đánh thôi, không nên để người ta khinh mình. Lê Bá Phẩm tâu rằng: Kẻ kia nếu khinh ta, thì khước đi là phải; nếu họ vô tâm há chẳng hại đến việc hòa hiếu? Vua nói: "Bá Phẩm có thể cho là người lo xa, tính rộng, nhưng ta cùng nước Xiêm là địch quốc há nên để cho họ khinh? Trẫm liệu Văn Duyệt là bậc lão thành, tất có cách để biện luận được. Bèn sai trung sứ dụ cho Duyệt tùy nghi mà làm, không để mất quốc thể. Rồi sau sứ đến Gia Định, đưa trình quốc thư không khác gì là thưởng. Duyệt có hỏi: Trước kia không đưa bản sao lục là cớ gì? Đáp: Chưa hiểu lệ, chớ không phải là cố chấp. Duyệt nhân lấy việc công văn không hợp cách có trách hỏi lại. Sứ giả nói: Phật vương trưởng giả là do ở lời của Phật Lăng xưng hô ra, còn đồ dùng nạm vàng đều là của Phật vương lấy làm quý báu, nên đem tặng; đến như việc đưa bạc để cầu Phước, là theo phong tục trong nước. Duyệt nói: Đưa bạc cầu Phước không phải là lễ viếng tang, sứ giả nên nhận lấy, để vào túi riêng; còn tặng vật cũng không nên để lại, đợi sẽ hoàn lại và đưa thư cho Phật Lăng trách là phi lễ". Sứ giả nhất nhất nghe theo, không dám trái ý.

Năm thứ 2, thuyền bị nạn của nước Xiêm giạt vào phận biển Quảng Ngãi, vua sai trấn thành cấp tiền gạo cho về. Năm thứ 3, tháng 9, nước Xiêm sai sứ đem quốc thư và phẩm vật đến báo tang của Tam vương nước ấy. Đình thần bàn rằng: "Tam vương nước Xiêm lập lên, chưa từng thấy báo. Nay đến cáo phó, rất là vô vị. Duy nước ta cùng nước Xiêm hậu tình lân hiếu đã lâu, xin theo việc cũ sai sứ sang cho đồ phúng". Vua sai nhân có sứ đến đưa cho đồ phúng bảo về.

Năm thứ 4, tháng 12, nước Miến Điện sai sứ sang thông hiếu và xin tuyệt giao hiếu với Xiêm. Vua khước từ. Sai bộ Lễ đem việc ấy báo với nước Xiêm, người Xiêm lại đưa thư trần tạ.

Năm thứ 5, tháng 6, Phật vương nước Xiêm là Chiêu Lục Thư chết (ở ngôi 16 năm) con là Sa Đa Bô Đinh nối ngôi, phong cho em là Miễn Múm La Thiệp làm Nhị vương. Tháng 7 nhuận, Xiêm sai sứ sang báo tang. Vua bảo rằng: Nước Xiêm cùng ta như môi với răng, nay trong nước có vua chết đáng thương. Bèn nghỉ chầu 3 hôm. Sai sứ sang phúng.

Năm thứ 7, tháng 7, Xiêm lại sai sứ sang tạ ơn và báo tang tổ mẫu nước ấy. Vua dụ rằng: " Sứ nước người đến chuyến này, có một việc không hợp lễ; tạ ơn là hợp lễ mà báo tang là không hợp lễ. Trẫm lấy tình lân hiếu không muốn cự lại ra mặt, về nói với quốc vương ngươi biết". Nhân cho đồ tặng và đưa phẩm vật để phúng rồi đưa về. Lại sai bộ Lễ biên thư Phước lại báo tang là không phải lễ.

Năm thứ 8, tháng 3, nước Vạn Tượng cùng với nước Xiêm đánh nhau, quân của A Nỗ bị thua, chạy sang Tam Động. Trấn thần Nghệ An đem việc tâu lên, triều đình sai quan đi kinh lược ngoài biên, đưa A Nỗ về trú ở Nghệ An (việc nói rõ ở chuyện nước Vạn Tượng). Thuộc Man của Xiêm là Hân Ma Lạt, trước đây bị nước Vạn Tượng đánh, đem bộ lạc hơn 200 người đến nơi biên giới của ta, dâng voi và xin phụ thuộc nước ta. Vua sai viên Quản đạo Cam Lộ là Tống Văn Uyển chọn chỗ đất rộng cho ở, mà trả lại voi đem dâng. Đến lúc Vạn Tượng bị thua, Ma Lạt xin về đất cũ, sai cho về. Lại dân thuộc Man của Xiêm bị đói đến vài ngàn người, phiên lưu sang ước Chân Lạp, hái lá nấu bèo để ăn. Thành thần Gia Định đem việc tâu lên. Dụ rằng: Dân Xiêm phiêu lưu dời sang nhiều như thế, kho chứa của nước Chân Lạp không có mấy lấy gì mà cưu mang được. Trẫm coi dân nào cũng thế, sao nó điềm nhiên ngồi nhìn mà không cứu ư? Bèn sai phát ra 4000 phương gạo và 200 phương muối để chẩn cấp, vừa gặp sứ Cao Man từ nước Xiêm về, người Xiêm đem quốc thư gửi nhờ đưa đến triều đình. Việc đến tai vua, vua nói: Ta cùng nước Xiêm là nước lân hiếu, nay tiếc một người sứ thần, nhân tiện gửi thư, sao có thể nhận bừa được. Bèn sai thành thần tư cho Cao Man trả lại bức thư ấy.

Năm thứ 9, tháng 4, sai Kinh lược đại thần là Phạm Văn Thúy, Nguyễn Khoa Hào tới Trấn Ninh đóng đồn, liệu lượng phái biền binh đưa A Nỗ về nước. Vua nói: Nước Vạn Tượng cùng với nước Xiêm gây hiềm khích, người Xiêm không truy đến cùng, là vì A Nỗ nương tựa ở nước ta. Nay cho về nước, nên đưa một tờ giấy cho Xiêm, để giảng giải bỏ hấn khích cũ cho nước Vạn Tượng.

Bèn sai Công bộ Lang trung là bọn Lê Nguyên Huy mang quốc thư phẩm vật sang Xiêm. Tháng 5, A Nỗ tại thành Viên Chăn, cùng với người Xiêm tranh nhau kho thóc, giết tướng Xiêm quân Xiêm chết và bị thương rất nhiều. Việc đến tai vua, bèn xuống sắc dụ sai bọn Cai đội là Phan Văn Thống, Hiệp thủ là Lê Đinh Duật đưa thư đến nghiêm ngặt quở trách, sai tạ lỗi nước Xiêm. Lại sai bộ Lễ đưa thư cho Xiêm Phi nhã là Phật Lăng, nói việc tranh kho thóc ở Vạn Tượng là do tướng Xiêm gây hấn trước, đã sai A Nỗ gửi thư để tạ, nên khoan thứ cho tội ấy. Khi Văn Thống tới bờ phía nam sông Khung, bị tỳ tướng Xiêm đánh úp, Thống và quân đi theo 50 người đều bị chết cả, duy có Đình Duật được chuyển đưa về Xiêm. Tướng Xiêm là Vi Siết Sâm Kiềm đem binh xâm lấn châu Cam Lộ và Tầm Bôn, đòi thuế cống của 9 châu, vua bèn sai Tướng quân thống chế là Phạm Văn Điển đem binh đi kinh lý việc ngoài biên ở Cam Lộ, quân Xiêm liền dẫn đi.

Tháng 11, bọn Nguyên Hy từ nước Xiêm trở về nói: Người Xiêm đãi ngộ rất hậu, đã vào ra mắt, vua Xiêm mời ngồi, yên ủi hỏi han, nhân nói: Vài năm nay trong nước có việc chưa sai sứ sang sửa lễ hòa hiếu được. Nay sứ giả từ xa lại rất là mừng rỡ. Lại nói: Tội nước Vạn Tượng rất lớn, sẽ sai người thuật rõ lại để sứ thần biết. Bọn Hy lui ra, người Xiêm sai Phi nhã là bọn Phi Phạt tới công quán nói: Vua Xiêm ngày thường đối đãi với nước Vạn Tượng rất hậu, năm trước A Nỗ sai con là Hạt Xà Bông xua đẩy những dân man ở khổ lạc, lại đem binh đánh cướp nơi biên giới của Xiêm. Khi tiến tới Xa Phước Bô Đa, vua Xiêm sai Nhị vương đem đại binh đón đánh, Vạn Tượng thua chạy, quân Xiêm thẳng tới Viên Chăn, A Nỗ đem gia quyến chạy. Kịp khi về nước vì

nhân có quân nước ta hộ tống lại nghe thấy A Nỗ tự nói ra là theo lời dụ phải ủy ngay người sang Xiêm tạ lỗi, tướng Xiêm lấy làm tin không phòng bị, A Nỗ nhân sơ hở đánh úp giết tướng sĩ Xiêm hơn hai trăm người. Xin sứ thần đem việc ấy về tâu. Hy nói: Chuyến đi này chỉ vì sửa hòa hiếu mà tới đây, đi sứ về phục mệnh, há nên nói phiếm việc khác. Được vài ngày, vua Xiêm lại triệu bọn Hy vào bảo rằng: Trước đây A Nỗ tự khởi hấn trước, lại nói là Xiêm bức bách, Hoàng đế nói là nói dối, thực là sáng suốt. Nghe đâu có sắc dụ cho A Nỗ sai người đến Xiêm tạ lỗi, về nghĩa yêu nuôi nước nhỏ, hòa mục với nước láng giềng có thể bảo là được vẹn tình cả hai. Thế mà A Nỗ về nước, lại dùng kế đánh úp, không những gây oán với Xiêm, mà còn phụ đức ý của triều đình rất nhiều. Sứ thần về triều, nên tâu để hoàng đế biết, chớ tin lời nói của A Nỗ.

Bọn Hy nói rằng: Việc nước Vạn Tượng, không có chỉ hỏi đến thì không có tâu nhàm làm rườm tai Hoàng đế. Vua Xiêm thăm hỏi: Năm ngoái sứ Cao Man đến nước Xiêm, có sai Phi nhã là Phật Lăng đem việc Vạn Tượng gửi thư cho Gia Định, nhờ sứ thần Cao Man chuyển giao cho quan bảo hộ đề đạt lên hộ nhưng quan bảo hộ lại khước từ không nhận, có phải là lễ không? Hy đáp: Hai nước vẫn đôn đốc việc lân hiếu, nếu có việc phải đưa thư, sai người mang đến mới phải, lại gửi sứ Cao Man, đối với l không nên đơn giản sơ suất như thế . Huống hồ nhân thần theo nghĩa không nên giao thiệp riêng với nhau, biên thần khước từ là phải lễ. Lại hỏi năm ngoái thuyền nước Xiêm đến Hà Tiên, nghe nói viên trấn thần bức bách phải kê báo, một cái thuyền mà phí tổn đến vài trăm quan là thế nào? Đáp rằng: Không bao

giờ có việc như thế, chẳng qua người kiếm chuyện bịa đặt mà nói ra đó thôi. Vua Xiêm lại nói: Vốn muốn sai sứ thông hiếu, chỉ vì quan bảo hộ không muốn nhận tờ thư, mà Hà Tiên lại bắt giữ người buôn, sợ sứ giả có tới, hoặc bị bắt giam lại thì có hại đến tình lân nghị, nên sau không dám sai đi. Từ nay về sau, hai nước đi lại, nếu có việc gì không hợp lẽ, cũng nên châm chước cho, chớ nên câu nệ, thời đạo lân hiếu mới được toàn vẹn. Lại hỏi: A Nỗ khởi hấn như thế là thuận hay nghịch, nên đánh hay nên tha. Đáp: Lấy nước nhỏ thờ nước lớn là thuận, làm kẻ dưới bội nghịch người trên là nghịch, thuận thì vỗ về yên lấy đức, nghịch thời ra oai cho sợ. Nước Vạn Tượng đối với nước tôi chỉ thấy kính thuận, mà đối với nước Xiêm thì nghe thấy khởi hấn, bảo là thuận hay nghịch nên đánh hay nên tha, thì Phật vương tự nghĩ lấy, sứ thần không thể biết được. Vua Xiêm lại nói: Tội của A Nỗ nên cho là nghịch, nước Xiêm bất đắc dĩ mới phải đánh mà thôi. Bèn làm quốc thư và sửa phẩm vật đáp tạ nhờ bọn Hy đem về. Bọn Hy thấy trong thư kể lể tội trạng của A Nỗ và trách quan bảo hộ không nhận tờ thư, lời nói không được nhã, mà tạ vật gởi sứ thần mang hộ thì lệ cũng không phải, nên khước từ không chịu nhận.

Vua Xiêm bèn sai Phật Lăng Phước thư cho bộ Lễ chuyên nói một việc thông hiếu thôi. Sau bọn Hy mới nhận. Bọn Hy về, vua hỏi việc nước Xiêm, thưa rằng: Người Xiêm rất tôn trọng đạo Phật, bố thí không có chừng mực, nhưng đánh thuế rất nặng, đánh thuế cả đến chim muông, cây cối, thậm chí đến người đàn bà vú dài, cũng có đánh thuế, dân không yên bề sinh sống, dẫn

đến quan túc vệ (túc trực hộ vệ) hoặc có người nói chuyện với sứ thần cũng thốt ra lời nói oán

Vua nói: Quả như lời sứ thần nói thì trị quốc thế nào được? Trẫm lúc nhỏ thường nghe hoàng khảo là Thế Tổ Cao Hoàng đế từng nói: Nước họ có Phật vương, Nhị vương, Tam vương, mỗi khi ra triều nghe xử đoán, như việc quan hệ đến hình phạt phải giết, thời Phật vương bảo là tha, Nhị vương bảo là giết, Tam vương thì theo cả hai thuyết, đứng ra hòa giải, giống như bọn trẻ đùa bỡn cho nên quyền hành trong nước dần suy kém mà mối loạn ngấm ngầm phục sẵn. Trước đây Chiêu Oan Na muốn gây nạn, vì thấy Phật vương trước có mưu lược nên không dám sinh chuyện. Nay Nhị vương là hàng tôn trọng lại ở vị thấp mà không biết lấy làm gương. Lại nói theo vết cũ trong nước sợ khó giữ được không có loạn.

Năm thứ 10, tháng 2, sai Hộ bộ Lang trung là bọn Bạch Xuân Nguyên đưa thư cho nước Xiêm, tờ thư đại lược rằng: Nước ta cùng với nước Xiêm đời đời vẫn giữ tình lân nghị, đã hơn 40 năm nay, vui lo cùng quan hệ với nhau hòa hiếu không có điều gì chê trách, không những các thuộc quốc quy phụ vẫn hâm mộ, hai nước ta là lớn, tưởng các nước ở xa cũng kính trọng cả. Đến như Cao Man, Vạn Tượng cũng tỏ lòng thành thực, tôn thờ nước lớn cống hiếu rất cẩn thận. Năm Minh Mạng thứ 8, tháng 3, chợt tiếp Nghệ An thông báo là: Quốc trưởng nước Vạn Tượng là A Nỗ đem gia quyến đầu ngụ và nói là bị nước Xiêm xua đuổi, xin làm dân ở ngoài biên. Ta nhân nghĩ: Hai nước từ trước tới nay có việc gì cũng báo cáo cho nhau, lần này không thấy ủy

thác người báo cáo, hoặc không thực chăng, mà nước Vạn Tượng là nước triều cống, nhân nạn tới nương nhờ há nỡ coi thờ ơ. Bèn chuẩn cho ở yên ở Nghệ An. Mùa hạ năm ấy, A Nỗ xin về sửa sang việc nước, chiếu theo lời xin, phái quan binh đi hộ tống, và sắc bảo cho biết: Sau khi về nước, nên ủy người thân tín đưa thư sang tạ nước Xiêm, để cùng làm phiên phục lâu dài; đã sai sứ

thần là Lê Nguyên Huy mang quốc thư đến tỏ bề hòa hiếu, và đem hết nguyên ủy bày tỏ choết rồi. Sau tiếp được biên giới báo cáo là: A Nỗ về đến thành cũ, cùng tướng Xiêm tranh chiếm kho tàng, gây nên mối họa, cũng đã xuống ngay nghiêm dụ bảo A Nỗ phải thu nhặt khí giới của quân Xiêm còn bỏ lại, rồi chọn ủy viên bồi thần đi ngay tới nước Xiêm tạ lỗi để trọn lễ thờ nước lớn. Lại sắc cho Lễ thần làm công văn do thành Gia Định phái người giao cho Phật Lăng để chuyển đạt đến vua Xiêm. Mùa thu năm ngoái, chợt thấy trấn Nghệ An chạy ngựa báo là: Có phái Cai đội là Phan Văn Thống và Hiệp thủ là Lê Đình Duật cùng thông ngôn lính thổ lĩnh Man 50 người mang tờ dụ đi Vạn Tượng, mới đến bảo Bộ Khâm bị tướng Xiêm là Thung Vi Sai giả làm đến đón rồi đánh úp giết chết, chỉ để lại Lê Đình Duật cùng 2 người Man thuộc và tờ sắc dụ để đưa cho nước Xiêm.

Mùa đông năm ngoái, lại tiếp tờ tấu của đạo Cam Lộ nói là kỳ tướng nước Xiêm là bọn: Vi Tiết Sâm Kiềm và Lũng Na La đem binh chia nhau đóng ở châu Tầm Bôn tự tiện bắt lại mục đòi hỏi tài vật, mượn tiếng là truy hỏi thuế cống của 9 thổ ty và đòi lại dân lưu tán, đã sắc cho quan ở biên giới, lấy lễ hiểu dụ mà

không chịu lui, đợi đến khi quân ta tiến đến rồi sau mới chịu rút đi, và nói là số trâu ngựa đã cướp lấy đợi sau sẽ giao trả. Những việc ấy có đủ tờ bảo kết của bọn: Chiêu Bông Cẩn Ma Lạt và Chiêu Xà Niết thuộc bộ lạc Lạc Hoàn làm bằng cứ. Xem những việc ấy, không phải là đôn đốc về tín hiếu để trọng hậu đạo. Và ta đối với nước Xiêm, vẫn noi theo điển cũ, đời đời giữ tình giao hiếu với nước láng giềng, như thuyền bị nạn của Xiêm giạt vào phần biển của ta, đều chẩn phát cứu giúp cho; những dân Man người Xiêm lưu tán sang biên giới ta, cũng chẩn cấp cho. Nước Miến Điện là địch quốc của Xiêm, khi xưa từng sai sứ sang thông hiếu để mưu tính nước Xiêm, ta cũng cự tuyệt không nhận. Về việc giữ điều tín thực, sửa việc hòa mục, có thể đối chất với thần minh và vang khắp xa gần vậy.

Đến như việc khu xửượng, chính là thương kẻ có nạn, vỗ về kẻ cô đơn, nghĩa phải như thế, không phải là lợi về đất cát nhân dân của nước ấy vậy. Bèn làm văn thư qua lại dặn bảo cặn kẽ, mà nước Xiêm chưa từng sai một người sứ thần đến để thông báo cho nhau. Vả lại nước Vạn Tượng làm tôi thờ hai nước lớn, nếu A Nỗ quả có lỗi với Xiêm, cũng nên thông báo cho ta biết, để chọn người hiền khác lập lên, cho có người kế tự. Nay im lặng không cho biết, tự tiện bắt dân, bỏ không đất cát, là nghĩa gì?

Còn như phái người mang tờ dụ bảo nước Vạn Tượng đến tạ lỗi nước Xiêm vốn là vì việc tốt mà đến, tên Thung Vi Sai có thù hằn gì mà vội dùng cơ mưu gian ác, bọn hành nhân có tội gì mà gặp phải tay thâm độc như thế, việc ấy rất là trái lẽ. Huống hồ

bờ cõi nước nọ nước kia, giới hạn đã định, 9 thổ ty nguyên vẫn lệ thuộc bản đồ của triều đình ta, đối với Xiêm từ trước không có quan hệ giao thiệp gì. Năm trước, nạn dân là Hân Ma Lạt đến trú ngụ nhờ, ta thương là cùng khổ tạm dung cho, rồi lại cho về. Bọn Vi Liệt tự dưng mượn cớ sấn sang bờ cõi của ta, nhiễu hại dân ngoài biển của ta, đâu có nước lễ nghĩa đối đãi với nhau mà dung túng cho tướng ngoài biên vượt cõi làm càn như thế ư? Về lễ thuận nghịch đã tỏ rõ rồi, không đợi phải biện luận mà tự sáng tỏ rồi. Nhưng ta nghĩ đến tình thân mục, đặc cách sai sứ thần mang thư đưa đến thì phải nên tự xét mà lo tính lấy? Nước Vạn Tượng nếu nên đặt quân trưởng khác, thì sự thể xếp đặt nên sớm trả lời lại Lê Đình Duật với một đạo sắc thư, rồi tức khắc giao trả về nước, lại giao cả tên thủ ác là Thung Vi Sai để hỏi cái tội tự tiện giết sứ giả; còn tù trưởng là bọn Vi Liệt phải nên nghiêm răn để biết răn sợ. Như thế thời sau này còn có thể sửa chữa được, còn đủ không hại đến việc hòa hiếu, không thể vì việc gây hấn là tự nước Xiêm trước. Đến lúc bấy giờ cong thẳng phải trái trên có trời soi xét, dưới có miệng tiếng các quốc và các phiên bàn xét. Chớ bảo là nước ta phụ nước Xiêm

Tháng 3, nước Xiêm sai sứ lại tạ và hòa hiếu. Sứ đến Gia Định, thành thần trước hết lấy bản thảo quốc thư đệ tâu lên ngay. Vua nói trước đây ta sai sứ sang Xiêm, chính vì việc khu xử nước Vạn Tượng và hỏi rõ các việc dong túng các tướng biên vượt cõi làm bậy. Nay sứ mang thư lại, trong thư đã nói đều để che lỗi, chỉ nhũn lời chịu khuất để đẹp lòng ta. Nhưng họ đã nhờ đó để thông hiếu, nếu cự tuyệt đi thì tỏ ra là không được rộng lượng.

Bèn dụ cho thành thần đưa sứ giả tới kinh. Khi sứ đến sai bộ Lễ đem việc nước vặn hỏi, sứ giả chỉ lấy lời nói khéo để đáp lại.

Năm Minh Mạng thứ 11, tháng 6, Xiêm sai sứ mang quốc thư và phương vật đến ta. Sứ đến Gia Định, thành thần dịch tờ thư tâu lên. Tờ thư nói đại lược rằng: Nước họ tự nay về sau không dám quấy nhiễu thổ ty nước ta nữa, còn việc chọn lập Quốc trưởng nước Vạn Tượng tạm đợi chọn được người sẽ đưa thư trình báo sau. Đến như việc Sủng Sam giết bọn hành nhân đối với họ là có công, xin tha cho. Thành thần đã đem mọi lẽ vặn hỏi hai ba lần, nhưng sứ giả ứng đáp không khác gì lời nói ban đầu. Việc giao xuống đình thần bàn, đều nói: Nước ta cùng với nước Xiêm đời đời làm làm nước láng giềng giao hiếu, gần đây việc nước Vạn Tượng, tự họ khởi hấn ra trước, thời ta lẽ thẳng họ lẽ trái cố nhiên chẳng cần phải đợi biện luận mà đã tự rõ vậy. Duy nước họ tự xưa đến nay quen theo tập tục, đã không danh nghĩa gì, mà giấy tờ cũng không có văn nhã khả quan. Mà tờ thư đưa đến chuyến này, một là nói xin tội một lần, hai là nói tình lân nghị không bao giờ khác, mà có kể đến nước ta, thì biên rõ húy xưng của hoàng đế; có dùng làm chữ húy, một khi đã hiểu báo thị tức thì sửa chữa ngay. Lấy thể diện một nước đối địch, mà cúi đầu im tai như thế, há dám còn giữ ngạnh bướng gì đâu. Nếu cự tuyệt đi sợ không phải là ý của triều đình là giữ điều tin, dốc hòa mục, không có khinh suất cự tuyệt ngự ta. Nhưng tội của tên Sủng Sam thực không thể tha thứ được, mà họ lại cho là công, xin tha cho, chỉ có việc đó, không thể bỏ mặc được. Xin lại sai thành thần vặn hỏi để họ biết khuất phục, mới chính

danh nghĩa, rõ được trái phải, rồi sau sẽ lấy lễ tiếp đãi cũng chưa muộn gì.

Vua cho là phải, sai Viên ngoại lang bộ Lễ là bọn Nguyễn Hữu Thức mang tờ dụ tới hội với thành thần mà làm cho thỏa đáng. Khi trở về tâu nói: Sứ Xiêm lời lẽ kính thuận, không có ý chống cự chút nào. Vua nói: Họ đã tâm phục, trẫm còn cần gì. Nhân bảo quần thần rằng: Nước Xiêm Nam giáp nước Xích Mao, Tây giáp nước Diến Điện, đồng thời cùng ta tiếp giáp bờ cõi, ngày thường sở dĩ khoe khoang hùng cường với các nước Tây Nam, là vì có ta làm viện trợ mà thôi. Nay nếu gây hấn với ta, thì việc binh đã gây ra, tất các nước Tây Nam nhân đó mà đánh úp ở mặt sau chẳng là nguy ư? Trẫm vẫn biết nước Xiêm không dám bội bạc với dân ta đâu. Bèn dụ cho Gia Định phải đưa sứ Xiêm tới kinh. Khi đến, cho triệu lên điện hỏi rằng: Nước Xiêm cùng với ta tình hiếu đã tuyệt, nay lại sai sứ sang đây có việc gì? Sứ giả thưa rằng : Phật vương cho nước Xiêm cùng với thiên triều đời đời không bỏ tình lân hiếu, nên sai bồi thần đến tạ. Vua nói: Trước đây, nước Vạn Tượng cùng với nước Xiêm gây hiềm khích, trẫm sai quan binh đến dụ nước Vạn Tượng bảo quy thuận với nước Xiêm cùng là ý tốt, thế mà tướng Xiêm là Sủng Sam càn dỡ giết chết đến hơn 50 người. Trẫm thường sai sứ truy hỏi việc ấy, Phật vương sao không bắt tên Sủng Sam sớm chính pháp, để giữ hòa hiếu của hai nước ư? Sứ giả thưa rằng: Trước đây Sủng Sam ngờ là nước Vạn Tượng giả dạng làm quan binh, để hống hách người Xiêm, nên lầm mà giết đi. Nay vua Xiêm vì thế mới sai sứ sang xin tội mà thôi. Vua nói: Nước Vạn Tượng có tội với nước Xiêm, vua Xiêm giết đi, trẫm chưa hề giúp hộ họ; đến

như việc Sủng Sam là một tên kỳ tướng mà thôi, dám làm càn gây mối hiềm khích của hai nước, tội không gì lớn bằng, mà vua Xiêm vì hắn xin tha tội cho, thế thời những thần tử của Phật vương có tội với Phật vương, mà ta vì nó xin tha tội cho, thì vua Xiêm cũng tha ư? Sứ giả không trả lời được. Vua lại bảo rằng: Việc giao hiếu với nước láng giềng phải có đạo lý, không phải chỉ có lễ ở ngoài mặt mà thôi. Nếu ngoài mặt thì hợp với nhau mà trong lòng thời lìa nhau, thì tình nghĩa đã sơ, dẫu có ngọc lụa đưa cho nhau làm tin, chỉ là hư văn thôi, há phải là đạo giao lân ư? Lần này các phẩm vật tặng cho nhất nhất trả về hết, trẫm không nhận đâu. Về nói với Phật vương chớ lấy cớ một tên tỳ tướng mà gây càn hấn khích ở cõi ven, nên sớm phải mưu tính đấy. Sứ giả lạy tạ lui ra. Khi về vua sai làm thư trả lời giao cho.

Năm thứ 12, tháng 3, thành Gia Định tâu nói: Do thám được tin nước Xiêm, nói phao lên là đem binh để dự bị chống lại với con vua nước Vạn Tượng là Hạt Xà Bông, nhưng thực ra muốn nhân khi sơ hở đến xâm lấn nước ta.

Dụ rằng: Lời nói của thám tử, hư thực chưa rõ, nhưng đề phòng ở ngoài biên là cốt yếu, cũng nên chuẩn bị trước. Nếu được tin thực, một mặt làm tờ tâu lên ngay; một mặt liệu cợ dự bị chống giữ. Lại sai bộ binh truyền chỉ cho trấn thành Nghệ An phái người tới do thám quốc thành nước Vạn Tượng, có quân nước Xiêm đóng đồn không? Và tin tức của Hạt Xà Bông cùng tình trạng động tĩnh của nước Xiêm thế nào? Rồi trấn thần tâu là người thám về tâu rằng: Đến quốc thành Vạn Tượng thấy thành

bỏ hoang, không có ai ở, cũng không có quân Xiêm đóng đồn. Duy ở bản Nùng Khai có vài chục người lính thổ ở đấy giữ để chiêu tập di dân của Vạn Tượng mà thôi. Hỏi ra đều nói: Tự sau khi A Nỗ bị thua, thì Hạt Xà Bông trốn chạy trong rừng, không biết còn sống hay chết, bụng ngờ vực của vua Xiêm nay đã hơi đỡ đi, không đề cập tới việc Hạt Xà Bông nữa.

Năm thứ 13, Xiêm Nhị vương là Miễn Phồn La Thiệp chết, sai sứ sang báo tang, sứ đến Hà Tiên, thành thần Gia Định đem việc tâu lên đợi chỉ cho đến kinh hay không, vua dụ rằng: Năm trước nước họ hành động, đối ới tình lân nghị phần nhiều thiếu sự hòa hiếu, ta đã đưa thư trách hỏi, rất là phải lẽ, mà lâu nay không thấy đưa thư trả lời. Nay chỉ sai sứ giả sang báo tang, thì ý hướng ở trong thế nào há bỏ đó không hỏi. Ngày sứ giả tới thành Gia Định, lập tức cho tào thần là Đặng Chương và Bạch Xuân Nguyên đến vặn hỏi về việc Quốc trưởng nước Vạn Tượng sao tới nay vẫn chưa thấy thông báo cho nước ta, để hội nghị sách lập, và tên võ biền phạm tội là Sủng Sam đã trị tội chưa, hai việc đó sao không nói đến, mà chỉ nói riêng một việc báo tang là làm sao? Bọn Chương đem hỏi sứ giả, sứ giả nói: Nước Vạn Tượng kho tàng chứa để chưa sung túc, dân chưa được yên ở, chưa tiện chọn người lập lên; đến như tên Sủng Sam đã phải tội cách chức rồi. Vả lại Nhị vương nước ấy mới chết, Xiêm vương rất là đau xót, nên sai sứ báo tang trước, vì thế hai việc ấy chưa kịp đề cập tới.

Vua bảo bộ Lễ rằng: Ta biết họ chẳng qua nhún lời để làm cho ta hài lòng mà thôi. Duy ta nghĩ nước họ đang có tang, mà tai

nạn xảy ra luôn, tình cũng đáng thương, về việc trước chưa nên vội vã trách hỏi. Bèn cho sứ tới kinh triều yết, ban đồ thưởng cấp hậu rồi cho về. Lại sai Lang trung bộ Lễ là bọn Nguyễn Hữu Phước sung đi sứ sang viếng. Kịp khi bọn Thức vào cáo từ để đi, vua bảo rằng: Sứ thần có trách nhiệm tự mình trả lời lấy, lũ ngươi đi chuyến này, nên hỏi họ về tội Sủng Sam, trong khi biện luận cũng nên lấy nghĩa mà trách hỏi, nếu họ biết sự trái mà nhận lỗi, thì sứ mệnh đã không nhục đến mệnh lệnh của vua rồi, bất tất phải trách mỗi khắt khe quá để còn quốc thể.

Năm thứ 14, tháng 11, trấn Nghệ An gặp có biến loạn, tên đầu giặc là Lê Văn Khôi ủy người đưa thư cho Xiêm xin phái binh đánh nước Cao Man, thẳng tới Gia Định, ước hẹn là sau khi việc thành nộp đất xưng thần. Tù trưởng nước Xiêm bèn đem nhiều thủy bộ binh thuyền ba đường đều tiến: Một đạo quân do con đường bộ ở Bắc Tầm Bôn tới, cho Phi nhã Chất Tri điều bát, đem theo hai em Quốc trưởng Cao Man là tên Yểm, tên Dun đều đi; một đạo quân do đường sông tới, cho Phi nhã Phi Mục Thiệp Mang làm điều bát; một đạo quân do con đường biển ở Châu Bôn tới, cho Phi nhã Phật Lăng làm điều bát. Binh bộ Viên ngoại lang làm thừa biện công việc ngoài biên ở Nam Vang là Hồ Công chỉ căn cứ vào lời thám báo của quan phiên, chuyển đạt An Giang biết, tỉnh thần An Giang là Đặng Văn Bằng cho là tin báo phần nhiều do ở truyền văn, chưa rõ đích xác bèn liệu lượng phái 50 người lính tỉnh tới cùng với lính nguyên thủ ở Nam Vang nghiêm cẩn phòng giữ, và mật tư cho quân thứ ở Gia Định tùy nghi xếp đặt. Quân Xiêm đến địa giới Súc Đồ Sứ thuộc phủ luật nước Cao Man, tỉnh thần An Giang được tin báo, lập tức

phái 100 lính tiếp tục tới Nam Vang, lại tư gọi biền binh ở trấn Vĩnh Long 300 người để phòng hộ tỉnh lỵ, và tư ngay cho quân thứ ở Gia Định để điều độ. Tờ sớ dâng lên, vua mật dụ cho bọn tướng quân tham tán ở quấn thứ Gia Định rằng: Nay cứ lời tỉnh An Giang báo tiếp về tình hình ngoài biên, nếu quả có việc ấy thì Trần Văn Năng, Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân lập tức đới lĩnh quan binh và lính hương dũng của Thái Công Triều mỗi nơi đều 1500 người chia ngồi vào các thuyền kíp tới An Giang. Trần Văn Năng thì ở đó thủ hộ, còn Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân mỗi người đều lĩnh một nửa đại binh thẳng tới Nam Vang đóng giữ. Lại sắc riêng cho bộ nghĩ soạn tờ tư, hôm nào tờ tư ấy phát đệ đến, nên phái người đem đến Bắc Tâm Bôn chỗ quân Xiêm đóng, để giao để làm nhụt bớt lòng họ khiến cho họ phải khuất phục lui về thì cố nhiên là hay, nếu họ động binh trước xâm !ấn đến địa hạt Cao Man thì chuẩn cho lập tức tùy cơ mà đánh dẹp, cốt cho mọi việc hợp với cơ nghi.

Tháng 12, giặc Xiêm lấn cướp phủ Bông Xuy của Cao Man rồi tiến đến vọng Xà Năng. Vua Phiên là Nặc Ông Chân nghe thấy sợ hãi đi chiếc thuyền một mình chạy đến An Giang, tỉnh thần đem tình hình trình tâu lên; vua dụ cho quân thú là bọn Trần Văn Năng, Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân phải lập tức theo lời dụ trước, quản lĩnh binh thuyền tới ngay Nam Vang, nếu quân Xiêm hiện đã tới đó thì nên chuẩn bị trước, và hỏi ý kiến họ đến làm gì? Xem họ cử động thế nào, liệu cơ mà làm, bất tất vội đánh nhau trước, để mang tiếng tự mình gây hấn; nếu họ mượn tiếng là hòa hiếu, cũng nên đặt đồn phòng bị. Đến như Phiên vương nước Cao Man, do tỉnh An Giang phái người hộ

tống tới tỉnh thành Vĩnh Long, chọn đất để đóng tạm. Giặc Xiêm lấn giữ các xứ: Nam Vang, Hà Tiên, Châu Đốc, các tướng quân, tham tán chia quân chống cự cản phá quân Xiêm, giết được 6, 7 tên tướng Xiêm, bắt chém bọn giặc vài nghìn người, thu lại đất cát Giặc Xiêm lại chia quân làm hai đường, một đạo do phủ Trấn Ninh, Trấn Tĩnh ở Nghệ An; một đạo do châu Ba Lan ở Cam Lộ nhiều lần đến lấn. Bèn chia sai quan binh tới dẹp đánh được luôn mấy trận. Từ đó giặc Xiêm sợ không dám động nữa, cõi ven được êm lặng.

Năm thứ 21, phát ra cái án là con gái Nặc Ông Chân tên là Ngọc Biện tư thông đưa thư cho cậu là nghịch Mao mưu trốn sang Xiêm, tù trưởng nước Xiêm nhân đó ở trong xui giục mượn tiếng là lập tên Dun để làm cớ, tên Dun thì dựa Xiêm làm viện trợ cùng với Chất Tri đều đến Hải Tây. Đô đốc là Vũ Đức Trung, Tuyên phủ là Nguyễn Song Thanh bị giặc vây giữ. Lúc đầu không rõ là viện binh của Xiêm mục Chất Tri, đến khi biết ra, bèn khuất ý tự tiện giảng hòa, bỏ Hải Tây về. Bọn Phạm Văn Điển, Nguyễn Tiến Lâm đến ngay hội quân để đánh dẹp. Các biền binh họp đông như mây, một trận đánh nhau ở Hải Đông, quân Xiêm mất vía mà Xiêm mục là Chất Tri giúp kẻ làm bậy ở Hải Tây, đưa thư đến xin giảng hòa, nói là đã sai người về tâu với Tù trưởng Xiêm rồi, nay hắn về Bắc Tâm Bôn đợi tiếp được tờ của Tù trưởng Xiêm đưa đến thì lập tức sai người đến Trấn Tây thông báo. Tướng quân ở Trấn Tây là Trương Minh Giảng đem việc tâu lên, sớ ấy giao xuống đình thần bàn, đình thần đều nói rằng, xin cho tướng quân, tham tán biên thư đưa giao cho Chất Tri, đại ước nói nước ta cùng với nước Xiêm từ trước vẫn thông

hiếu, nguyên không có hiềm khích gì, nay Xiêm tù nhẹ dạ nghe lời tên Dun vượt cõi tới đây. Nay đã biết rõ phải trái, tự cầu hòa trước rút quân lui về. Quan binh của bản quốc vẫn đóng giữ bờ cõi, không được làm càn sinh ra hiềm khích ở ngoài biên. Đến như việc hòa hiếu sự thể rất trọng đại, phải do Chất Tri báo cho Xiêm tù biết, đợi có thư của Xiêm tù tới, bản quân môn sẽ chuyển tâu lên, cũng có thể nên hòa cục, đại ý như thế. Bèn sai bọn Trương Minh Giảng viết thư phái người đưa giao cho Chất Tri, Chất Tri không có thư đáp lại.

Năm Thiệu Trị thứ 2, tháng 2, giặc Xiêm lại chia đường vào ăn cướp, một đạo do đường Hà Tiên; một do sông Vĩnh Tế. Bên ta Đoàn Văn Sách do đường thủy tiến, bọn Phạm Văn Điển do đường bộ tiến, hai đường đánh giết, lui được giặc Xiêm, nơi biên cảnh lại im lặng, bèn đem quân về.

Năm thứ 5, Man mục lại xin quân cứu viện đánh dẹp. Vua sai bọn Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn chia quân bốn đường cùng tiến đến đánh, phá vỡ Thiết Thăng thẳng tới Trấn Tây. Giặc Man đã tản chạy trước, thừa thắng thẳng tới thành Long Úc, Chất Tri cùng tên Dun lui giữ Ô Đông, quan quân bốn mặt tiến đánh, Chất Tri tự biết thế cùng lực kém, sai người đưa thư xin hòa, tướng quân, tham tán bắt phải đem tên Dun đến quân môn thú tội thì đều giải binh. Tên Dun ngờ sợ, không dám thò đầu ra, quanh co kéo dài ngày, quân ta đuổi sát đến lũy giặc, bọn giặc ở trên lũy kêu gọi xin đừng bắn súng, dung cho để lại xin giảng hòa. Rồi ủy người đến xin tới hội quán, cho Chất Tri được cùng văn quan võ chức ta ra mắt, để đạo đạt tình do. Bấy giờ bọn

Nguyễn Tri Phương cùng Doãn Uẩn nghiêm chỉnh binh vệ đến hội quán ấy, Chất Tri đem tên Dun đến thú tội và xin hai nước hòa hiếu như trước, nhưng miễn tội cho tên Dun. Bọn tướng quân, tham tán cứ tình đề đạt lên. Vua xuống dụ y cho. Từ đó nghỉ việc binh đao.

Về phong tục nước ấy thì người mạnh bạo hung dữ, hay xảo trá, quen thủy chiến, sùng phụng đạo Phật, chữ đều viết ngang, trai gái phần nhiều làm sư nam sư nữ, ăn chay giữ giới. Người giàu sang càng kính Phật, của có trăm nén vànghì đem bố thí một nửa. Khí hậu không được chính, hoặc khí núi bốc nóng, hoặc khí trời nóng bức, đất thì thấp ướt, người đều làm sàn để ở, không có giường ghế, đàn ông cắt tóc để lại tóc chỏm, đàn bà búi tóc như cái dùi, mọi việc quyết đoán ở người đàn bà, lấy vỏ ốc ở biển thay tiền, cấm ngặt không ai có bạc riêng.

Về thổ sản: Có đá quý, kim cương, hồ tiêu, đậu khấu, đinh hương và sắt hà sung.

Nước Thủy Xá, Hỏa Xá

Hai nước này ở phía trên nước Nam Bàn, thời Lê Thánh Tôn đánh được nước Chiêm Thành, dựng dòng dõi nước Nam Bàn, cắt đất từ núi Thạch trở về phía Tây ban cho, có độ hơn năm mươi thôn lạc, trong nước có núi Bà Nam rất cao, Thủy vương ở phía Đông núi, Hỏa vương ở phía Tây núi. Bản triều ta buổi đầu cho là địa giới giáp Phú Yên, nên 5 năm một lần sai người tới nước đó cho các phẩm vật (áo mũ gấm, nồi đồng, sanh đồng, và đồ sứ như chén dĩa v.v...), hai nước được ban cho tức thì đem các phương vật kỳ nam, sáp vàng, lộc nhung, mật gấu và voi đực) sang dâng.

Năm Tân Mùi, Thế Tông Hoàng đế năm thứ 13 (1751) hai nước đến cống, vua ban cho hậu rồi cho về. Sau cứ theo lệ thường đến cống. Tới khi có loạn Tây Sơn, không đến cống nữa. Gia Long năm đầu, sứ hai nước đến Phú Yên nộp lễ vật, vua hậu thết đãi sứ giả rồi cho về

Minh Mạng năm đầu, Quốc trưởng Thủy Xá là Ma Ất sai sứ cầm các vật đã ban cho đồng thau sáp vàng làm tin, tới bảo Phước Sơn, trấn Phú Yên, nộp lễ vật xin cống. Năm Nhâm Ngọ, Minh Mạng thứ 3, Ma Ất chết, việc sang cống không làm xong. Năm Quý Mùi, Minh Mạng thứ 4, người trong nước suy tôn người em là Ma Mú lên làm vua, Mú cố từ, chỉ tạm thay làm việc nước. Lại sai sứ xin cống nhưng chưa đi thì Ma Mú chết, em là Ma Lam nối dựng, thường muốn cầu thông hiếu mà không có ai sai đi được.

Năm Kỷ Sửu, Minh Mạng thứ 10, tháng 3, Thánh Tổ Nhân Hoàng đế cho là nước ấy lễ cống không đưa đến, sai Suất đội ở thuộc

trấn là Nguyễn Văn Quyền đến thăm dò tình trạng. Khi đến, Ma Lam rất mừng, tỏ bày hết tình hình, rồi sai bọn thuộc hạ là bọn Ma Diên, Ma Xuân đem một chiếc ngà voi theo Quyền xin thông hiếu giữ lễ cống. Trấn thần tâu lên, vua sai thưởng cho Quốc trưởng: Nhiễu màu đỏ, màu lam mỗi thứ một tấm, sa nam 20 tấm, và bọn Ma Diên áo quần bằng sa, chừu cùng bạc lạng. Lại hỏi Thủy Xá Hỏa Xá là một nước hay là hai nước? Sứ giả nói: Nước ấy là Hỏa Xá, quốc trưởng gọi là Hoả vương, chưa từng nghe ai nói có nước Thủy Xá gọi là Thủy Xá bởi sứ trước thông dịch lầm. Từ đó nước ấy đến cống, mới gọi là Hỏa Xá.

Năm thứ 12, nước Hỏa Xá sang cống, sứ đến Phú Yên, vua cho vào kinh chào lạy và triệu vào ra mắt hỏi rằng: Nay đến triều cống là tự bởi lòng thành của Quốc trưởng, hay người trong nước cùng muốn cả? Thưa rằng: Quốc trưởng tôi đã lâu vẫn mến đức hóa của thiên triều, lại nghe các người già ở trong nước nói, nếu đem lòng thành thần phục thượng quốc thì nhân dân yên vui, thóc lúa được mùa, nên từ Quốc trưởng cho đến thần dân đều muốn thần thuộc để nhờ Phước thừa.Rồi sai ban thưởng cho về; lại định cho kỳ cống hiếu, lấy những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu làm mức, 3 năm một lần sai sứ sang cống. Phẩm vật tiến cống là 2 chiếc ngà voi, 2 chiếc sừng tê. Năm thứ 15, sai sứ sang cống, vua cho sứ thần bộ đại triều thất phẩm, bắt phải diễn tập và quỳ lạy ở sân rồng, đều hợp lễ tiết cả, vua khen ngợi dụ bộ Lễ rằng: Nước họ ở mãi phương xa hẻo lánh, thắt nút dây làm việc chính trị, tự cày cấy lấy mà ăn, phong tục còn giữ thói cổ chất phác. Nhưng người đã có tóc có răng, tính trời sinh ra cũng có hiểu biết, man di thành trung hạ, cũng nên

lấy lễ nghĩa bảo ban cho họ thời dẫu đến loài có vảy có mai cũng có thể đổi thay mà mặc áo xiêm được; huống hồ nước ấy gần đây dốc lòng sửa chức cống, biết rõ nghĩa vua tôi, tỏ là nước có đạo. Vậy Quốc trưởng nước ấy tên là Lam, chuẩn cho họ là Vĩnh tên là Bảo. Các chiếu sắc viết thẳng là Hỏa Xá Quốc vương, để biết có đầu mối danh phận. Còn sứ thần tên Duyên thì cho họ là Lĩnh, tên Tài thì cho họ là họ Kiệu; lại thưởng thêm cho sa lụa có thứ bậc khác nhau.

Năm thứ 18, tháng 11, gặp ngày thất tuần đại khánh tiết của Thuận Thiên Cao Hoàng hậu, nước ấy sai sứ mang phương vật tới kính chúc thọ, hậu cho ăn yến và ban thưởng rồi cho về. Tháng 12, Quốc vương là Vĩnh Bảo chết, người trong nước theo phong tục lập cháu gọi bằng cậu là Liệt nối làm Quốc trưởng, sai sứ sang cống, ban cho vị vương mới nối theo họ Vĩnh, nhưng vẫn theo tên cũ là Liệt, cho rõ dòng họ, lại ban cho sắc thư và thưởng rất hậu.

Năm thứ 21 tháng tư, gặp ngũ tuần vạn thọ đại khánh tiết của Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, nước ấy sai sứ mang 2 lễ là hạ phẩm và cống phẩm dâng lên. Vua nhận rồi bảo về. Gặp lúc Trấn Tây tướng quân là bọn Trương Minh Giảng tâu nói: Phủ Sơn Tĩnh báo tin có Man trưởng nước Thủy Xá đem theo 2 người và 2 thớt voi tới Man phủ nộp tiến gần huyện hạt Sơn Bốc, sai người nói với viên Huyện úy tên là Liệt rằng muốn lại thăm. Vặn hỏi thời tên Liệt nói: "Từ trước Man trưởng ấy vốn cùng Phiên vương quen biết, cứ 3 năm một lần đến, Phiên vương tặng cho tài vật. Bởi họ có quỷ thuật, nên đến đâu phần nhiều đều cho tặng vật, họ

đến chuyến này chẳng qua muốn cầu tài vật, nguyên không có ý gì khác cả, tró đã sai tên Liệt mượn cớ khước từ bảo họ đi rồi. Vua dụ rằng: Trẫm lúc nhỏ từng nghe có 2 nước: Hỏa Xá, Thủy Xá, từ trước tới nay, duy có nước Hỏa Xá đến đem lòng thành dâng cống, mà nước Thủy Xá bẵng không có tin tức gì. Nay lại bỗng nhiên từ cõi khác tới nơi, tùy nghi mà úy lạo vỗ về, để tỏ lòng yêu mến vỗ yên người ta cũng không hại gì. Hôm tờ dụ đưa tới, nếu tên Man trưởng kia hãy còn ở địa đầu huyện Sơn Bốc thì chuẩn cho đón về hạt lỵ tiếp, khoản đãi, hỏi xem nguyên thủy bọn Man ấy từ trước tới nay tụ cư ở xứ sở nào? Tiếp giáp địa phương nào? Chỗ ở có hình thể núi sông cận tiện, thành quách binh dân, đáng gọi là một nước không? Hay hoặc nương nhờ hang núi cũng cùng một kiểu như Man Lào? Lại còn phong tục của nhân dân có biết danh phận vua tôi trên dưới không? Nhất nhất hỏi hết cho rõ ràng đích thực, rồi sau hãy để đi. Nếu họ đã về, thì chuyển sức cho tên Liệt, theo như thế, và tra hỏi cho rõ, và hỏi cả nghề luyện quỷ thuật, là thuật là thế nào? Cốt được tỏ rõ tâu lên. Tờ dụ phát tới thì người Quốc trưởng kia đã đi rồi. Bọn Giảng làm bản tâu lên.

Lại xuống dụ chuẩn cho Trấn Tây phái ra nhân viên được việc trong thuộc hạt đi cùng với bọn tên Mạt là người am hiểu lối đi và một người thông ngôn, nhưng phải kiếm tìm vật gì mà họ thích đem đi làm phẩm vật của Tướng quân đưa tặng. Trong khi nói chuyện nên nói với quốc trưởng ấy rằng: Quốc triều ta uy lực tới cả phương xa, các phương đều chầu phục, tức như nước Hỏa Xá hiện đã đem lòng thành nộp cống, được nhờ ơn gây dựng rất nhiều, nước họ cùng với Hỏa Xá đất gần liên nhau, từ

trước tới nay còn vì đường sá ngăn trở nên việc cống hiến dâng lễ vật, triều đình tất cũng khen ngợi thu nhận. Nếu không muốn cũng không ép. Nhân tiện hỏi cả núi sông bờ cõi cho đến nhân dân ăn ở phong tục như thế nào ghi chép tất cả tình trạng đem về làm bản đệ tâu lên để rõ tình trạng. Rồi sau Trấn Tây lại dâng sớ nói là bọn tên Kế tên Mạt nói: Bọn họ nghe nói, hai nước ấy dẫu nhỏ, mà việc quỷ thần thiêng hơn ở Lạp Man. Năm trướ vâng mệnh Phiên vương phái bọn họ mang vật hạng đi tìm quỷ thần hai nướ;c phù hộ, chuyến đi ấy do phía Đông huyện Sơn Bốc tìm đường tiến đi, trải 15 hôm mới tới chỗ Quốc trưởng nước Thủy Xá ở. Đất ấy Đông giáp nước Hỏa Xá, Tây giáp huyện Sơn Bốc, Nam giáp man Đen Đen, Bắc giáp man Lai. Chỗ ở ba mặt có núi ngăn trở, một mặt là cánh đồng rộng, trong có nhà dân ước 100 nóc. Quốc trưởng có 7 gian nhà lợp tranh, ở phía Đông chỗ dân cư, chẳng đặt thành quách gì, trong nhà đóng giá thờ thần, gia quyến và nô bộc độ 14,15 người thôi. Còn Quốc trưởng nước Hỏa Xá thì ở cách Thủy Xá ước độ 3 ngày đường, về nhà lá và quyến thuộc nô bộc dân cư cùng với Thủy Xá na ná giống. Duy có dựng riêng một cái đền để làm chỗ thờ thần. Đất của nước ấy đều cánh đồng rộng, không có núi sông hiểm trở. Bọn họ khi đến hai nước ấy nộp phẩm vật, thì Quốc trưởng hai nước ấy đều họp dân Man vài chục người, mổ một con trâu, thần thay Phiên vương cúng thần, cầu khẩn, không cho bọn họ dự thấy. Cúng xong, đem thịt trâu cho bọn họ mỗi người đều 1 bát, nói rằng: Không ăn thì có sự đau ốm. Rượu thì đổ lẫn với nước lã cho vào cái chum. Lấy ống trúc hút vào uống. Trong nước không đặt quan chức, cũng không bắt lính đặt hình pháp. Dân không biết chữ, có vay mượn thì lấy dây thắt nút làm ghi;

cách sinh nhai thì chặt cây đào đất trồng cấy, không có cày bừa. Hàng năm không có nộp tô nộp thuế, Quốc trưởng cũng không trách thu.

Khi Quốc trưởng muốn đi chơi, chỗ gần thì người đi theo độ 3, 4 người, chỗ xa cũng chẳng qua hơn 10 người, cưỡi 3 thớt voi, lấy nón lá che đầu, không có dù lọng, về phong tục hai nước ấy, trai gái bằng lòng nhau, thì bên trai đưa đủ trâu rượu đến nhà gái, mời dân sở tại đến họp, thế là thành hôn. Đại ước ra ở riêng thì ít, đi gửi rể thì nhiều. Khi chết không quan quách, chỉ đặt lên trên giường, họ hàng đến thăm khóc, mỗi người lấy một nắm cơm nhỏ nhét vào mồm. Cơm nhét vào mồm đã đầy rồi, người sau đến lấy tay móc cơm cũ ra, cho cơm mới vào. Đủ ba hôm đem thây và giường đào huyệt chôn, đắp thành nấm làm ễ cúng rồi về. Con cháu áo mặc vẫn như thường, duy có trong 3 tháng phải xõa tóc, gặp ngày giỗ cũng đem phẩm vật ra cúng ở mộ. Về âm nhạc thì dùng chiêng đồng lớn nhỏ 5 chiếc, thanh la đồng 1 chiếc, trống 1 chiếc, việc hiếu hỷ đều dùng cả. Bọn họ nghe nói: Thủy Xá có 2 khối đá và 1 đoạn roi mây. Hỏa Xá có 1 chiếc dao ngắn, cho là vật rất thiêng đời đời truyền lại cho nhau, không rõ hiệu nghiệm thế nào mà không cho người khác đến gần để xem. Dân có ốm đau đem lễ vật nhỏ mọn đến cầu khấn thời khỏi, người đều cho là thần. Di phàm các súc trưởng trong nước thời hoặc thân hành đến đền cũng cúi lạy không dám trông thẳng, vì cớ là tục dân trọng việc quỷ thần. Lại nghe từ trước đến nay 2 Quốc trưởng hai nước ấy không từng ra mắt nhau bao giờ, vì ra mắt nhau thì có một người chết. Quốc trưởng tuổi già thì truyền cho cháu gọi bằng chú bác, chứ

không truyền cho con, vì truyền cho con thì không lợi; khi bọn họ về, 2 Quốc trưởng gửi biếu Phiên vương gạo nếp và vừng mỗi thứ đều 2 bầu và sáp ong đều 1 phiến. Trước hết lấy phiến sáp ấy hơ lửa rồi in bàn tay lên trên, dặn rằng nếu gặp gió to mưa dữ, nắng to, hoặc binh đao, tật bệnh, thì lấy miếng sáp ấy đốt làm 2 cây đèn, kêu cầu Thủy vương, Hỏa vương cùng phù hộ, rồi lấy gạo, vừng ấy đều 1 nhúm ném tản mát các nơi, thì đều được thỏa nguyện. Lại đều gửi riêng tặng Phiên vương 1 tên giặc bắt được để làm nô bộc và 1 chiếc ngà voi, 1 chiếc sừng tê, để làm vật qua lại tặng đáp.

Tên Liệt nói: Năm trước đi buôn, từng đến nước Thủy Xá, đường đi từ huyện Sơn Bốc đến chỗ ở của Quốc trưởng, ước 6 ngày đường, cách chỗ ở của Quốc trưởng Hỏa Xá ước 2 ngày đường. Đất của nước ấy phía Đông giáp Hỏa Xá, phía Tây giáp Man Phủ Nôn và tiếp giáp các huyện: Sơn Phủ, Sơn Bốc, Quế Lâm, phía Nam và Bắc tiếp giáp các Lạc man không rõ đến tận đâu. Nơi ấy dẫu nhiều núi khe nhưng cũng thấp nhỏ, không rõ hình thể to tát. Dân ở súc chỗ Quốc trưởng ở ước hơn trăm nhà, nhà của quốc trưởng ở không dựng đồn lũy để ngăn giữ, nô bộ dưới 20 người; đào đất trồng lúa để ăn, cũng giống như dân trong súc, mà dân suy tôn là Quốc trưởng, là vì tương truyền đời trước có để lại một cái roi mây, thờ làm vật thiêng, Quốc trưởng làm đền ở chỗ gần nhà để thờ cái roi ấy, có việc gì đến cầu khẩn là ứng hiệu, chưa nghe thấy có thuật gì lạ khác. Dẫu có ốm đau mới sắm lễ phẩm đến Quốc trưởng để cầu khẩn cho, không thì suốt năm không từng qua lại. Quốc trưởng thỉnh thoảng hoặc đến các ấp yêu cầu tài lợi thì dân chỉ cấp cho tý chút, nguyên không

có lệ phải thường cung cấp. Ngày thường cùng ở với nhau cũng như Man Lào, chưa biết có danh phận vua tôi trên dưới.

Vua lại dụ cho thành Trấn Tây phái thuộc hạ đi cùng với bọn tên Mạt đến nước Thủy Xá hỏi lại lần nữa, nhưng vì thổ biền và thổ dân ở Trấn Tây khởi lên làm phản, việc bèn thôi. Tháng 7 năm ấy, lại sắc cho bộ Lễ tư sức cho tỉnh Phú Yên phái người đến Hỏa Xá xét hỏi sự tình, rồi tìm đường đến Thủy Xá tìm hỏi tình hình. Tháng 12, tỉnh Phú Yên dâng sớ nói: Vâng mệnh phái cho Bá hộ ở đồn Phước Sơn và bọn Lê Văn Quyến mang đủ nhiễu sa áo xiêm, đồng thau, muối trắng mọi thứ đến hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá đưa tặng và mượn tiếng buôn bán để dò hỏi tình hình. Khi bọn Quyền trở về nói: Đất nước Thủy Xá (trước kia vẫn gọi là Hỏa Xá), phía Tây tiếp nước Hỏa Xá, phía Đông tiếp giáp đồn Phước Sơn thuộc tỉnh hạt và giáp thuế Man (108) ở Thạch Thành, phía Bắc giáp hoang Man ở Bình Định; còn đất Hỏa Xá (tức thực là Hỏa Xá), phía Nam và Bắc đều giáp Lạc man, hai nước ấy dẫu có quân trưởng, nhưng không có quân lính, thành quách, tự cày lấy mà ăn, tự dệt lấy mà mặc, cùng với các sách trưởng không khác gì. Duy có nêu tiếng thần thánh để nương nhờ, được mọi người tôn lên, dân Man phụng thờ như bậc thần linh mà thôi. Còn quyền sinh sát. việc tranh đấu đều do ở sách trưởng tự chuyên, Quốc trưởng không dự đến. Tương truyền là khi mưa dầm mà cầu đảo thì mưa, nên gọi là Thủy vương. Bọn Quyền mới đến Thủy Xá, mượn người dẫn đường, đưa đến nước Hỏa Xá, ở đường thấy một nơi có 2 quả núi đứng cao, địa thế như nóc nhà, nước chia làm hai bên chảy xuống, đó là nơi giao giới của Thủy Xá, Hỏa Xá. Rồi đi ước độ 2 ngày đường đến chỗ ở

của Quốc trưởng Hỏa Xá, thấy 3 mặt đều núi, một mặt cánh đồng rộng, dân cư ước độ hơn trăm nóc nhà, gian giữa đặt cái giường tre hai bên cắm dù lọng, chiêng trống treo ở giá, bên tả để 1 cái đồng hồ lớn, 1 cái bình đất, 2 cái bành voi bành bò, 1 cái hộp sơn khảm xà cừ, 2 cái mâm bồng sơn, gia đình trai gái hơn mười người ra vào, không thấy Quốc trưởng; phút chốc thấy hai người sách trưởng dẫn hơn hai mươi người Man đinh đều cầm dao ngắn cùng đến và bảo rằng: Từ trước tới nay, người Kinh chưa từng đến đây, phải có 1 con lợn, 1 chum rượu và 3 giành muối trắng, mới bảo cho Quốc trưởng ra mắt. Bọn Quyền bèn cậy người mua đủ số bọn sách trướng, Man đinh tức thì giết lợn thái thịt, và chum rượu thì chia đặt ở trên dưới giường tre. Một lát thì Quốc trưởng nước ấy bước ra, trạc người hơn 70 tuổi, đầu bịt khăn vải trắng, mình mặc áo vải trắng, dưới mặc quần vải hở cả đùi và đầu gối, hai tay hơi lốm đốm, đứng ở trước giường mật khấn, rồi lên giường ngồi ăn 3 miếng thịt, cho ống trúc vào một chum rượu uống đầy, hai bên đánh chiêng đánh trống, gia đình 4 người múa kiểu Man, người trong sách quỳ rạp xuống vỗ đùi, ăn uống xong, Quốc trưởng nước ấy mới gọi bọn Quyền đến ngồi gần bảo rằng: Họ là nước Hỏa Xá, đời trước thường cùng với nước Thủy Xá góp chung sang cống thiên triều, rồi tay cho vào cái nồi đồng và cái bình đất ở gian bên tả nói rằng: Đó là vật của thiên triều ban thưởng, đời đời giữ làm bảo vật. Vả lại dân Man nước ấy kiến thức hẹp hòi không dám đi xa, không có người sai khiến, nên cùng với nước Thủy Xá hợp nhau dâng lễ; vài đời nay từng dự bị cống phẩm để đợi, nhưng không thấy nước Thủy Xá đến báo. Vì thế, lòng ngưỡng mộ thiên triều không bởi đâu mà đề bạt lên được. Nếu nay lại được

như trước cùng hợp cống, để noi giữ, thật là được thỏa nguyện vọng xưa. Bọn Quyền nhận lời, trở về Thủy Xá, đem lời nói của Hỏa Xá để vặn hỏi Quốc trưởng là Vĩnh Liệt để cho biết là sự thể đời trước thế nào, hắn sinh sau không biết. Lại hỏi: Nước hắn là Thủy Xá, sao năm trước gọi là Hỏa Xá? Vĩnh Liệt nói: Nước hắn thực là Thủy Xá, mà xưng là Hỏa Xá là do sứ nhân đáp lầm, hắn cũng không biết. Bọn Quyền lại vặn hỏi: Thời người nguyên sứ nhân là Ma Xanh, thì nói rằng nước họ không biết chữ, họ chỉ nghe nước họ là Y Di Y Ông, Di nghĩa là thủy; và nước ở phía Tây là Y Vui Y Ông, Vui nghĩa là hỏa. Ngày trước bộ có hỏi hai chữ Thủy, Hỏa, họ không biết thế nào là thủy hỏa, chỉ thuận mồm trả lời nói ấy, thì trước đến nay, sang cống là nước Thủy Xá, mà chưa đến cống được mới thực là nước Hỏa Xá. Ở Trấn Tây trình bày lời nói của bọn tên Kế tên Mạt và tên Liệt là Thủy Xá ở Tây, Hỏa Xá ở Đông, cũng là nhân theo cái lầm thành đến chỗ lẫn mà thôi.

Thiệu Trị năm đầu, ngày tháng 2, chuẩn cho bộ Lễ bàn định cải chính lại quốc hiệu nước Thủy Xá (nguyên nước xưng lẫn Hỏa Xá, nay đổi lại là Thủy Xá); rồi lại chuẩn cho Quốc trưởng nước Hỏa Xá thực là Ma Thát họ là họ Cửu tên là Lại, cho cùng với Thủy Xá hợp cống; kỳ tiến cống vẫn theo lệ năm Minh Mạng thứ 12, lấy các năm, Tý, Mão, Ngọ, Dậu định 3 năm 1 lần đến cống, chuyển cho nước Thủy Xá sai sứ kính đệ cống phẩm, (Thủy Xá 2 chiếc ngà voi, 2 cái sừng tê, Hỏa Xá 1 chiếc ngà voi, 1 cái sừng tê) đến tại hành cung Phú Yên bái vọng dâng cống lễ, đợi lĩnh sắc thư và nhận lễ vật về nước chia cho Hỏa Xá. Lại cho là hai nước trong lòng hâm mộ phẩm phục của triều đình, đặc cách

chuẩn cho. Ngày tháng 6 năm ấy sai sứ đến kinh dâng lễ hành hương và lễ khánh hạ đăng quang hai lễ. Khi làm lễ xong, ban cấp triều phục cho Quốc trưởng hai nước ấy cùng sắc thư vóc lụa rồi cho về.

Năm thứ 3, tháng 6 sang cống, sứ đến Phú Yên nói: Hai nước ấy bị đói kém tật dịch tình hình rất quẫn bách. Vua lấy làm ương, cho vọng bái ở hành cung Phú Yên, ban thưởng cho về. Năm thứ 4, tháng 12, ban cấp tháng 1 ngày mồng 1 cho hai nước (Quốc trưởng thì quan lịch đều 1 quyển, dân lịch đều 50 quyển). Năm thứ 6, tháng 5, gặp tứ tuần vạn thọ đại khánh tiết của Hiến Tổ Chương Hoàng đế, hai nước sang sứ cung tiến 2 lễ: Lễ vật chúc mừng và cống phẩm vật tiến cống. Vua thưởng cho bồi thần là bọn Sơn Thí, Kiệu Mộc triều phục ngũ lục phẩm hàng võ mỗi người đều 1 bộ và ban yến, thưởng cho rồi cho về. Từ đó hai nước cứ theo lệ thường, 3 năm 1 lần sang cống. Về phong tục thì nói là đêm không nói là ngày, cứ thóc chín là 1 năm, không nói đến năm. Quan gọi là Lung, sứ giả không dám xưng là Lung, nên gọi là Ma. Tục các nước ấy không dám mặc thứ có cái hoa, nên khi đến cống có ban cho sa, lụa đều dùng hàng trơn cả.

QUYỂN 33

TRUYỆN CÁC NƯỚC NGOÀI III

Diến Điện

Thuở trước gọi là nước Chu Ba, đời Tống, Nguyên, Minh, Thanh gọi là Diến; lại có tên là Pha Ma, có tên nữa là Đai Man. Đời thường vào cống Trung Quốc. Đầu đời Minh, nội thuộc Trung Quốc, đặt ty Tuyên úy sứ, khoảng năm Chính Thống (109), Tuyên úy là Mãng Thứ Tráp bắt được bọn người di ở Lộc Xuyên làm phản, là Tư Nhâm, Tư Cơ đem dâng cho . nhà Minh. Trong năm Gia Tĩnh (110), Mạnh Dưỡng Tư Luân và Mạnh Dưỡng Tư Chân cùng nhau đem binh xâm lấn nước Miến, giết Tuyên úy là Mãng Kỷ Tuế. Con là Thụy Thể khởi binh ở đất Đồng Ngô, khôi phục lại đất. Phía Đông phá nước Nam Chưởng, phía Tây lấy đất Thổ Á (tên đất của nước Xiêm), đánh Cảnh Mại, hàng phục được Xa Lý, giam Tồn Quy Cá, vây nước Mãn Bạt (đều là tên nước Man), hiệu triệu cả Tam Tuyên (Lũng Xuyên, Thiên Nhạc, Nam Điện) làm một nước hùng cường ở Nam Tây Nam. Thụy Thể chết, con là Ưng Lý nối thay, giữa năm Vạn Lịch (111) người em là

Mãn Chước quy thuận nhà Minh, Ưng Lý đem binh đánh, Chước chạy sang phủ Đằng Việt, đất Điền Nam rối loạn. Đầu đời nhà Thanh, giúp quân diệt trừ bọn Thi Nghiệt nhà Minh, đầu tiên về

quy thuận. Giữa thời Càn Long (112) đến xâm phạm ngoài biên, rồi lại thần phục. Lại thường gây binh với nước Xiêm, bắt Phong vương nước Xiêm. Từ đó cùng với nước Xiêm đời đời thù hằn. Khi Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ tiếm xưng là Quang Trung, người Điện sai sứ do con đường Biện Châu ở Hưng Hóa đến thông hiếu. Đầu đời Gia Long, hai lần sai sứ, nhưng vì đường xa không đến được. Năm Minh Mạng thứ 4, Tổng trấn Gia Định là Lê Văn Duyệt sai thuộc hạ là Nguyễn Văn Độ đi thuyền của người buôn là Phan Đạt đến các nước bên ngoài nước Xích Mao kiếm mua đồ dùng về việc binh, nhân bị bão dạt đến trấn Đào Oai ở nước Miến Điện, Trấn mục nghi là người do thám nước Xiêm, bắt đưa đến thành An Hòa, vua nước ấy nghiêm ngặt vặn hỏi, khi biết là người nước ta, bèn hậu đãi cho về, nhân đó sai bọn bồi thần là Hợp Thời Thăng Thụ, Nễ Miên Ty Chí, Tu Gia Nô Tha mang quốc thư phẩm vật đến dâng (ấn vàng 1 chiếc, nhẫn vàng đeo tay 40 chiếc, hộp trầu sơn 1 chiếc, chuỗi hạt xâu 1 xâu, chiên tơ đỏ 1 bức, chừu tơ đại hừu tơ trơn màu hồng đều 2 bức). Trong khi đi đường thuyền của sứ thần bị cháy, lại thuê thuyền khác chở đến Gia Định. Thành thần dịch tờ thư tâu lên, đại lược nói: Từ trước tới nay, nước ấy vẫn muốn đem lòng thành thông hiếu, khoảng năm Gia Long, từng hai lần sai sứ, vẫn không đến được. Nay nghe nhà vua mới nối ngôi, cả nước khôn xiết vui mừng dâng thư tâu lên, mong xin tuyệt hòa hiếu với nước Xiêm. Vua triệu đại thần thương lượng, bọn Nguyễn Đức Huyên, Trần Văn Tính cho là nước Miến Điện cùng với nước Xiêm vẫn đời đời thù hằn, nay đến nộp lễ vật, đủ rõ ý kiến. Vả ta với nước Xiêm đã trót cùng giao hiếu, mà lại cùng với Miến Điện thông hiếu nữa, người Xiêm vị tất không nghi, chi bằng hậu ban cho rồi bảo cho

về. Bọn Nguyễn Hữu Thận, Nguyễn Văn Hưng cho là: Chiêu nạp người cõi xa, đời xưa vẫn có lời răn, nhưng họ mến nghĩa mà đến cũng không nên cự tuyệt, huống hồ Miến Điện thù hằn với Xiêm, đối với ta có can thiệp gì, khước đi thì chưa chắc người Xiêm đã ơn ta, nhân đó cứ nhận.

Vua dụ rằng: Người Xiêm cùng với ta vốn dốc tình lân hiếu, há nên riêng nghe lời của nước ngoài mà bỏ tình giao hiếu mang lấy thù hằn ư? Lời xin của Miến Điện không chuẩn cho thi hành. Bèn trả lại cống phẩm mà thưởng cho Quốc vương và sứ thần các phẩm vật (thưởng cho Quốc vương 23 cân quế, sa lụa mỏng và trừu 100 tấm, đường cát 1000 cân). Thưởng cho sứ thần: Viên chánh sứ bạc 100 lạng, viên phó sứ bạc 80 lạng, áo mỗ bụng bằng đoạn thêu con mãng xà đều mỗi người 1 chiếc, quần đều 1 chiếc, viên bồi sứ có 5 người đều mỗi người 60 lạng bạc, áo mỗ bụng bằng thung thúc mỗi người 1 chiếc, quần đều 1 chiếc; quân theo hầu 40 người, mỗi người đều có 4 lạng bạc, áo mỗ bụng bằng đoạn lông màu hồng, mỗi người đều 1 chiếc, quần đều 1 chiếc. Sai đình thần viết thư trả lời, và sai Quản cơ là Nguyễn Văn Uẩn, Chánh tuần hải đô doanh là Hoàng Trung Đổng quản xuất đem binh thuyền cấp cho tiền lương 6 tháng, tiễn sứ giả đến đầu địa giới Miến Điện trở về.<

Năm Minh Mạng thứ 5, nước Anh-cát-lợi xâm lấn nước Miến, vua nước Miến đem binh đón đánh, quân Anh thua to. Rồi sau người Anh lại đem binh thuyền vào Nộ cảng (tức cửa sông Nộ). Người Miến cố sức đánh chống lại, vì bị pháo đạn oanh tạc, quân bị tan vỡ. Quân Anh sắp tới gần đô thành, vua Miến bất đắc dĩ

phải nghi hòa, cắt nhượng chỗ đất rộng ở bãi biển làm nơi đỗ thuyền buôn bán của người Anh, người Miến thựpừng để lòng báo phục nhưng chưa thể làm được.

Năm Minh Mạng thứ 11, sai trấn thần Hưng Hóa phái người đến do thám nước ấy, gặp người Miến cùng với nước Nam Chưởng đánh nhau, phái viên mới qua núi Cứu Hạn (thuộc địa giới tỉnh Hưng Hóa) đến Bản Khấu (thuộc địa giới Miến Điện) có quân Miến ngăn đường không đến được phải quay về (từ tỉnh thành Hưng Hóa đến núi Cứu Hạn đi hết 1 tháng 8 ngày, lại đến Bản Khấu hết 3 ngày, phái viên nói lính ngăn đường bảo rằng: đến Miến thành lại 1 tháng nữa).

Năm Thiệu Trị thứ 4, mùa xuân, viên Thủ đốc Sơn Hưng Tuyên là Nguyễn Đăng Giai nghe nói tên giặc của ngụy Tây mới nảy ra là Phan Hữu Phú (là con ngụy Tây Đô đốc Phan Văn Trương, Quản phủ huyện Phù Cát, trấn Bình Định, ngụ ở châu Mai Sơn trấn Hưng Hóa), trốn ở địa hạt tỉnh Điện Biên. Giai bèn phái bọn thổ hào ở Hưng Hóa là Sầm Nhân Tráng, Siêu Chính Dinh đến do thám. Khi đến xứ Bắc Tần thuộc Lai Châu, giáp châu Quảng Lăng nước Thanh thì bắt được bọn Hữu Phú 8 tên, còn bọn sót lại ẩn cả. Vừa gặp có Chánh sứ nước Miến Điện là Mông Lỗi Chính Man Xà và Phó sứ là Lỗi Miệt, Hành quân là Ma La Vi La Xá, cùng người đi theo 24 người, cùng đi với bọn Hữu Phú cùng đến và đưa một phong thư yêu cầu xin vào cống. Bọn Tráng đều giải về tỉnh Hưng Hóa. Nguyễn Đăng Giai đem việc tâu lên.

Vua nói: Đó là một việc lạ, nước Miến Điện mến uy đức của triều ta đã lâu nay khẩn cầu thông hiếu, cũng là có, nhưng tại sao lại theo tên ngụy phạm là Phan Hữu Phú cùng đến, khiến cho người không thể hiểu được. Bèn sai Nguyễn Đăng Giai mời về tỉnh Sơn, chọn nơi khoản đãi; Phan Hữu Phú cũng giải giao tra xét. Phái cho Viên ngoại lang là Nguyễn Nhược Sơn đi trạm đến hội xét. Hữu Phú cùng xưng là mới tới thành An Hòa, người Miến cho là không có quốc thư bảo về, Phú trở về làm mạo ra tờ thư giả đổi xưng là vâng mệnh sai đến để thông hiếu. Tù trưởng người Di ấy, bèn sai người hành giới (người đi giới thiệu) nhờ bọn Phú để đưa thư vấn an, nhờ quan địa phương đề đạt thay, nếu được nhận lời, lại trở về viết quốc thư để vào cống phương vật. Giai nhân tâu nói: Người Miến đến chuỷ1;n này, bởi tự lòng thành, xin gia ban cho nhiều, và phải đưa về nước. Còn tên ngụy phạm tên là Phú không thể tha giết được, nên chính tội danh để tỏ phép nước. Vua giao xuống đình thần bàn, các đại thần cho là: Vương giả đối với nước man di, ở xa vẫn là không cố ý chiêu dụ họ đến, nhưng cũng không nỡ cự tuyệt hẳn, ý của người Miến đến đây, bởi tự lòng thành, xin do tỉnh Sơn Tây khoản đãi rồi phái người đưa về nước, nhân đó xem xét tình hình của họ và núi sông hiểm trở hay bằng phẳng, phong tục tốt xấu thế nào? Và đem tên giặc ngụy là Phú hết phép trừng trị, để người Miến biết là triều đình không từng sai đến thông hiếu, chỉ là tù trưởng người Di bị bọn gian lừa dối mà thôi. Duy có bọn Lê Đăng Doanh, Tôn Thất Bạch, Hà Thúc Lương, Phan Thanh Giản và Lê Bá Tú thì bàn khác cho là: Làm việc cốt ở lúc đầu, phòng tiêm tất phải từ lúc còn nhỏ, việc bé còn như thế huống hồ việc lớn ư? Người Miến cùng với nước Xích Mao, giặc

Xiêm đời đời cừu địch, nay lại theo tên ngụy lừa dỗ mà đến, tiếng là mộ nghĩa, thực là mượn uy thế để cho người Xiêm phải vong. Huống hồ họ đến chuyến này, lời lẽ không rõ, sự tình ngoắt ngoéo, so với lý phần nhiều không hợp, xin hậu cho thưởng cấp đưa ra ngoài cõi; bất tất phải đi xa tới nước họ làm gì?

Vua nói: Lời bàn của bọn Đăng Doanh không phải không có ý kiến, nhưng ười Diến trèo non lội suối từ phương xa tới lòng thành đáng nên ái ngại. Đình thần bàn do tỉnh ấy Phước thư lại tưởng đã trùng khớp, huống hồ, phái người làm bạn tiễn đưa, một là vỗ yên, thuyết phục người xa, một là để ngăn phòng kẻ gian manh tâm; nhân đó lại xét hỏi núi sông hình thế, để rõ tình ngoài biên, nguyên không phải là làm ra thế để qua lại cầu cạnh cố kết, như lời bàn của bọn Lê Đăng Doanh. Bèn sai trấn Sơn Tây lập tức đem bọn Phan Hữu Phú lăng trì xử tử, lại sai bộ Lễ viết làm hộ công văn cho bọn Sơn Hưng Tuyên Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai, để chiếu hội (tức là làm tờ tư) với quan đương sự ở thành An Hòa. Còn phái nhân là bọn Mông Lỗi Chích thì thiết đãi yến tiệc ưu hậu và tặng cấp quần áo ngân tiền có thứ bậc khác nhau rồi phái Tư vụ là Đào Duy Thanh, Thị vệ là Nguyễn Hữu Văn, Suất đội là Đinh Công Tĩnh cộng 15 người đưa họ về nước. Bọn Thanh chưa đưa đến thành An Hòa, vì khí núi độc không thể đi được, phải trở về. Người Diến về sau cũng không đến nữa. Sứ nhân của Diến Điện nói rằng: Từ thành An Hòa đến địa giới Lai Châu, núi khe hiểm trở, đi nhanh phải 2 tháng, đi thong thả phải 4 tháng. Nước ấy dựa núi, quay lưng ra biển, bờ cõi rộng xa, Bắc giáp Dã Di, Đông Bắc giáp Vân Nam,

Nam Chưởng, Đông giáp Xiêm La, Tây Nam đến Tây Ấn Độ, Tây Bắc liền với Đông Ấn Độ. Núi thì có núi Tiểu Báo, sông thì có sông Nộ Giang, phát nguyên từ đất Tiền Tạng (thuộc Tây Tạng) trải qua Vân Nam vào giới Diến, rộng 5 dặm, người Diến cậy sông ấy là hiểm trở. Nước có 5 thành làm bằng gỗ là: Giang Đầu, Đại Công, Mã Lai, An Chính Quốc và Bồ Cầm Miến Vương thành, nhà vua ở đó. Vua gọi là Đạt Lạt Ngoã Để Hướng. Phong tục thích hung tợn, tính hay dối dá, cày ruộng dùng voi ngựa, vận chuyển bằng thuyền bè, dân vật giàu thịnh, về văn tự, dâng lên người trên thì dùng vàng lá, người thứ thì dùng giấy, người thứ nữa thì dùng lá bối đa, gọi là thư của người Miến, con trai tài lội nước, búi tóc ở trước đỉnh đầu, dùng vải xanh trắng buộc lại. Đàn bà búi tóc ở sau đỉnh đầu, thờ Phật kính tăng, có việc lớn thì ôm Phật thề bồi và chất vấn ở sư rồi sau mới quyết. Về thổ sản: vàng, sơn đen, chiên tơ đỏ, vải trắng, trừu tơ đỏ, giấy diến, cau tươi, voi, ngựa, rượu thụ đầu (113), gấm dệt bằng bông, cây đâu la và dầu mỏ.

Nam Chưởng

Có tên là nước Lao Long, tục gọi là Lão ọuà-gia. Năm Vĩnh Lạc (114) thứ 3 nhà Minh mới vào cống, mới đặt ra ty Lão Qua nhân dân Tuyên úy sứ. Nước An Nam, năm Kỷ Hợi, Lê Thánh Tôn thứ 10 (Minh Thành Hóa năm thứ 15 , 1479) sai bọn Lê Thọ Vực đem 90.000 quân chia 3 đường tiến phá nước Ai Lao, rồi vào cõi Lão Qua, giết Tuyên úy là Đao Ban và hai người con, người con út là Phạ Nhã Trại chạy sang nước Bát Bách, người Minh cho nối chức Tuyên úy. Năm Ung Chính (115) nhà Thanh thứ 8, sai sứ sang cống, sau thường sang cống nhà Lê, tương truyền đến đời Chiêu Ấn, Chiêu Ấn sinh 4 con, trưởng là Nụ Xạ, thứ là Chiêu Xú, thứ nữa là Chiêu Phong, thú nữa là Chiêu Chiêm. Chiêu An chết, Chiêu Phong nối lập. Chiêu Phong chết, con là Ôn Mãnh mới 3 tuổi, Nụ Xạ bèn giữ lấy nước. Quân Vạn Tượng đến đánh, bắt Nụ Xạ và mẹ Ôn Mãnh đưa về Vạn Tượng rồi sau tha Nụ Xạ về mà giữ lại mẹ con Ôn Mãnh.

Năm Tân Hợi, Tây Sơn đến đánh nước Vạn Tượng, mẹ con Ôn Mãnh thừa cơ trốn về, lại cùng Nụ Xạ tố cáo với nước Thanh, vua Thanh ban cho sắc ấn. Ôn Mãnh bèn chiêu dụ lính man đánh Nụ Xạ, khi tới Mường Nhi, Nụ Xạ đánh lại, Ôn Mãnh thua chạy trốn, thường qua lại ở quãng Mang M, Mang Lựu, không có chỗ ở nhất định. Sau mang sắc ấn đến ngụ ở châu Chiêu Tấn trấn Hưng Hóa.

Bản triều Gia Long năm đầu mùa thu, Ôn Mãnh nghe đại binh đã định dược Bắc Hà, bèn nói với Trấn mục Hưng Hóa đến hành tại Thăng Long lạy mừng, vua cho là trong nước mới định, chưa rỗi xử trí, lại sai về ngụ ở châu Chiêu Tấn. Năm thứ 8, Bắc

Thành thần đưa Ôn Mãnh vào kinh, vua cho Ôn Mãnh từng chịu sắc ấn của nước Thanh đưa cho về Trung Quốc, để tự xử trí lấy, bèn đưa Ôn Mãnh đến cửa Lạng Sơn ở đó đợi chỉ. Người Thanh cho là ôn Mãnh không biết tự lập từ chối không nhận, mà thu lại sắc ấn. Vua lại sai cho ở yên châu Chiêu Tấn, rồi chết.

Trước đây, Nụ Xạ đã đuổi Ôn Mãnh, tự giữ lấy nước. Đến khi chết, con là Lư Mang kế lập, sai bề tôi là Xà Mộc sang nhà Thanh cầu phong, vua nhà Thanh sai người mang sắc ấn phong cho. Năm Gia Long thứ 2, cầu nội phụ với nước ta, sai bề tôi là Nai Khai mang thư xin đi đường châu Ninh Biên vào cống. Vua xuống chiếu cho Bắc Thành thần hậu đãi sứ giả và báo thư bằng lòng cho; rồi nửa chừng lại thôi. Năm Minh Mạng thứ 1, lại sai bề tôi là bọn Phụ đào là Cẩm Xúc mang phương vật sang cống, đường đi qua châu Sơn La, trấn Hưng Hóa, trấn thần bảo rằng: Đem cống mà đi đường châu Sơn La thời không có lệ, bảo về. Năm thứ 4, Quốc trưởng là Phì La Xà Át Nua sai sứ là Phụ đào tên là Tự và Đạo hiệu là Xà tới nộp lễ vật, đi qua châu Ninh Biên, trấn Hưng Hóa đến huyện Thụy Nguyên, trấn Thanh Hóa, nhờ viên trông coi sách Ngọc Lạc là Phạm Thúc Nho đề đạt đến trấn thần, trong thư nói: nước ấy 20 năm nay vẫn được nghe uy đức của triều đình đã lâu, từng mấy lần cầu đi thông đồng đến cống mà chưa được, nay lại sai sứ dâng thư xin làm thân thuộc, trấn thần đem việc tâu lên... Dụ rằng: "Nước Nam: Chưởng, địa giới ở về Tây Nam, bờ cõi xa cách, tứ trước chưa thông chức cống, nay lại đem lòng thành hướng theo đức hóa, tấm lòng thành thực đáng khen, cho vào kinh chầu lạy nhưng sai bộ Lễ bàn định kỳ sang tiến cống (lấy các năm Sửu, Th Mùi, Tuất làm

lệ định) và phẩm vật tiến cống (voi đực 2 thớt, ngà voi 2 chiếc, sừng tê 4 chiếc). Thưởng cho Quốc trưởng và sứ thần rồi bảo về. Nhân sai người cùng đi mới biết là dối dá, sau đến kỳ cống không thấy đến. Năm thứ 9, Bắc Thành phái người Sơn Tây là Đinh Công Tính tới thăm đường sá Trấn Ninh, Vạn Tượng, Nam Chưởng. Tính đến địa giới nước Nam Chưởng bị họ cản trở bèn giả tạo tờ văn bằng hỏi lễ cống, nước Nam Chưởng lấy làm tin, đem kiệu lọng đón tiếp, và nói nước họ năm trước vẫn thường thông chức cống; Từ khi con đường Sơn La bị ngăn trở, trải mươi năm nay bỏ thiếu điển lễ tiến cống, vua tôi nước họ rất là sợ hãi. Nay cho được xưng thần dâng cống thì không xiết mừng mong. Bèn sai người mang phương vật theo Tính đều tới châu Ninh Biên trấn Hưng Hóa, để đợi thành thần tâu lên. Vua cho là sứ thần ở xa mãi đến chưa nỡ vội tuyệt, nên cho tạm yên nghỉ ở Bắc Thành, hỏi xem ý đến chuyến này có thực không, liệu mà tiếp đãi. Bèn sai thành thần tiếp đãi bọn sứ giả là Phì Nhụ, Mang Ngoại, đến thành hiểu bảo rằng: Nước Nam Chưởng năm xưa dâng nộp lễ vật, rồi nửa chừng lại thôi, rất là không có lễ ý thờ nước lớn. Nếu đưa một toán quân nhỏ cũng có thể hỏi được tội. Nhưng nghĩ đường đường một nước lớn, có sá gì với một nước nhỏ, nên rộng lượng dong thứ, bỏ đấy không hỏi đến. Nay lại sai sứ xa lại, không kể đến sự dối dá của Đinh Công Tính, triều đình sẽ có trừng trị, còn như việc này, quả là bụng thực kính thuận sẵn có của vua tôi nước ấy, ngày còn ở nước đã bàn định rồi, hay là bị Tính lừa bịp, không phải do ở lòng thành, thì cho về không ép. Sứ giả đáp rằng: "Năm xưa xin nộp cống, chỉ vì trong nước nhiều việc, nên mới chậm trễ. Gần đây nghe Trấn Ninh đã quy tụ triều đình, nên vua tôi trong nước một dạ kính thành, đã

dự bị phẩm vật, bàn định sắp xếp lên đường sang cống, vừa gặp Đinh Công Tính tới, mừng là có thể đến nơi được Bèn sai sứ đi theo xin được vào kinh triều yết, để hả lòng đã đến xa". Thành thần dịch lời nói tâu lên, vua cho vào kinh, khi đã đ vào chầu lạy ở điện đình và tuyên triệu đến gần để yên ủi. Sai bộ Lễ bàn định kỳ sang cống (những năm: Thìn, Tuất, Sửu, Mùi cứ 3 năm một lần cống) và phẩm vật tiến cống (ngà voi 4 đôi, sừng tê 3 chiếc, trống đồng 2 chiếc) cùng là con đường sứ đi (do thành Trấn Ninh đến Nghệ An thẳng tới kinh sư), thưởng cho hậu rồi bảo về. Ban cho Quốc trưởng là Lư Mang các phẩm vật là: gấm 4 tấm, đoạn lông 8 tấm, lụa 10 tấm và lụa mỏng 40 tấm, vải 30 tấm, còn từ Chánh sứ đến người đi theo, thưởng cho quần áo bằng nhiễu sa, và bạc lạng có thứ bậc khác nhau.

Năm thứ 11, vạn thọ tứ tuần đại khánh tiết của Thánh Tổ Nhân Hoàng đế, nước ấy sai sứ tới kinh chúc thọ, vua cho đứng vào hàng ban ở trên sứ giả nước Chân Lạp. Năm thứ 14, sai sứ đến cống. Sứ đến châu Trấn Ninh, tỉnh thần Nghệ An tâu lên, sai bộ Lễ đổi định lệ sứ bộ tới kinh đưa giao cho (lệ trước, sứ bộ 26 người, cho tiến kinh thời một chánh sứ, 1 phó sứ, 3 đầu mục, 1 thông ngôn, và 4 người quân đi theo, cộng 10 người; này đổi định là 1 chánh sứ, 1 phó sứ, 2 đầu mục, 1 thông ngôn, 3 người quân đi theo, cộng 8 người. Còn đều ở lại ngoài biên lấy thưởng). Khi sứ tới kinh, đem quốc thư và phương vật dâng lên. Trong thư nói: Trong nước có việc, lệ cống lỗi hẹn và nói lưu dân ở Mang Cai thuộc Trấn Ninh xiêu tán đến nước ấy cũng đã lâu năm đều yên nghiệp làm ăn cả rồi, về việc ở yên một chỗ ngại di chuyển, cũng là thói thường của lòng người, xin để cho ở

nước ấy cho được yên nghiệp. Vua y cho, nhưng truyền dụ cho bọn phòng ngự đồng tri ở Trấn Ninh được biết. Lại cho là trống đồng không phải nước ấy sản xuất ra, sắc cho từ nay tới kỳ cống hiến cho lấy vật thổ nơi khác sung làm lễ cống chứ không câu nệ theo lệ trước. Khi sứ về, hậu ban cho rồi bảo về. Về sau đến n59;m có lệ cống không đến cống nữa.

Năm thứ 19, bèn sai người trong nước là bọn Tạo Khâm Phấn đem thư viết bằng lá cầu khẩn xin cống. Quan ở biên giới tâu lên, sai Lang trung bộ là bọn Nguyễn Khắc Trạch hội đồng với tỉnh thần là bọn Nguyễn Đình Tân vặn hỏi, thời Tạo Khâm Phấn toàn trả lời quanh co lúng túng, bèn không chuẩn cho tiến cống nữa và đuổi ra khỏi cõi. Sau không đến cống nữa.

Quốc thành nước ấy đóng ở Mang Long, bên tả tới sông Khung để làm hiểm trở, phía Đông giáp Trấn Ninh, phía Tây đến Xiêm La, Diến Điện, phía Nam giáp Vạn Tượng, phía Bắc giáp Vân Nam, dân số không kém 2 vạn người, tính người dữ tợn, lấy vẽ mình làm đẹp. Chợ và cửa hàng giao dịch bằng bạc, không có bạc lấy tiền ốc để thay (tiền ốc 100 đồng là 1 tiền, 1000 đồng là 1 quan) không có thợ chế đúc đồ binh, phàm gươm dao súng lớn súng nhỏ đều mua ở nước khác, thổ sản thì có vàng, đồng đỏ, sắt sống, vải trắng, cánh kiến, sáp vàng, mật ong, lưu hoàng, diêm tiêu, sa nhân, muối trắng, giống tê, giống voi, trâu, ngựa v.v...

Chiêm Thành

Khi xưa là nước Hồ Tôn, thuộc bộ Việt Thường thị; đời Tần là huyện Lâm Ấp, thuộc Tượng quận; đời Hán là huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam. (Sử đời Lương nói: Huyện Tượng Lâm dài rộng độ 600 dặm, khi xưa thuộc địa giới Việt Thường thị, cách Nhật Nam 400 dặm). Đời Hậu Hán, Thuận đế năm Vĩnh Hòa thứ 2 (137) người ở quận làm Công tạo tên là Khu Liên, giết viên Huyện lệnh, chiếm cớ lấy đất mới xưng là Lâm Ấp vương, truyền được vài đời, không có con, cháu ngoại là Phạm Dật lên làm vua. Dật chết, người tôi tớ là Phạm Văn cướp ngôi tự lập làm vua, đáấn cả nước bên cạnh, đất mới rộng lớn, phía Đông đến bể, phía Tây đến Vân Nam, phía Nam đến Chân Lạp, phía Bắc đến Hoan Châu; mạn Đông Tây 700 dặm, mạn Nam Bắc 3000 dặm, phía Nam gọi là châu Thi Bị, phía Tây gọi là châu Thượng Nguyên, phía Bắc gọi là châu Ô Lý, thống quản cả 38 châu lớn nhỏ. Truyện Lâm Ấp nói: Phạm Văn vốn làm gia nô cho tướng người Di là Phạm Du ở huyện Tây Quyên quận Nhật Nam, thường chăn dê ở khe nước, cạnh núi, được con cá chép hóa làm thanh sắt, nhân đem đúc dao, khi đúc xong dao, Văn ngẩng lên mặt trời khấn rằng: "Nếu chém vỡ đá thì Văn đáng về làm vua nước này". Rồi chém vào đá như chặt cỏ. Văn bụng lấy làm lạ. Khi Dật chết, Văn bèn cướp ngôi, đánh phá nước bên cạnh,

gồm có dân chúng bốn, năm vạn người; đời Tấn Mục đế, năm Vĩnh Hòa thứ 3 (347), Văn đem quân đánh hãm quận Nhật Nam, rồi chiếm cứ lấy đất, bảo với Thứ sử Giao Châu là Chu Phồn yêu cầu lấy núi Hoành Sơn về cõi Bắc quận Nhật Nam làm giới hạn nhưng Phồn không cho. Văn chết, con là Phật lên thay, vẫn đóng ở Nhật Nam, bị Thái thú ở Cửu Chân là Quan Toại đến đánh phải chạy về Lâm Ấp.

Năm Nghĩa Hy (116) thứ 9 (411), vua nước ấy là Phạm Hồ Đạt lấn cướp quận Cửu Chân, Thứ sử Giao Châu là Tuệ Độ đánh chém được. Khoảng năm Nguyên Gia (117) đời Tống (Nam triều) vua nước ấy là Phạm Dương Mại sai sứ sang cống nhà Tống, cầu lĩnh chức ở Giao Châu, vua Tống không cho, lại lấn cướp như cũ. Nhà Tống sai Đàn Hỏa Chi và Tôn Xác đánh được, Dương Mại chỉ chạy thoát một mình. Phạm Chi nối lập lại lấn cướp Nhật Nam, Tùy Dạng Đế năm Đại nghiệp thứ I (605), sai Tổng quản Hoan Châu là Lưu Phương đánh nước đó, quân sang qua sông Đồ Lê, lại qua phía Nam cột đồng 8 hôm nữa mới đến đô thành nước ấy. Khi mới vào thành bắt được 18 thần chủ bằng vàng, đó là đời 18 của nước ấy. Đất ấy bèn thuộc vào nhà Tùy, đặt làm 3 quận : Ty Ảnh, Hai Âm và Lâm Ấp. Đầu đời nhà Đương, đổi Lâm Ấp làm Lâm Châu, Ty ảnh làm Cảnh Châu, Hải Âm làm Sơn Châu. Trinh Quán (118) năm thứ 2 (628), cháu (gọi bằng chú bác) Phạm Chí là Phạm Đầu Lê thu phục lại nước, sai sứ dâng hòn ngọc Triêu hà hỏa châu và con vẹt 5 sắc, bị Ma A Mợn Đa Da Độc giết chết, người trong nước lập con nhà cô của Đầu Lê là Da Cát Địa đổi xưng là Hoàn vương, trong năm Thiên Bảo (119) dâng hòn ngọc hỏa hoàn. Đầu năm Nguyên Hòa

(120) vào xâm cướp châu Hoan Ái của An Nam, Đô hộ là Trương Chu đánh phá tan, bèn bỏ Lâm ấp dời nước sang Chiêm, gọi là Chiêm Thành. Đầu năm Kiến Đức (121) đời Hậu Chu, vua nước ấy là Thích Lị Nhân Đức Man sai sứ dâng đá bồ cát, đến Kiến Đức (122) năm thứ 5 (967), Tất Bị Nhân Đà Bàn sai sứ vào cống. Nước Việt ta dựng nước năm đầu nhà Đinh, nước ấy lấn cướp Hoa Lư, qua cửa biển Đại Nhã gặp gió quân vỡ chạy. Sau bắt giam sứ Tiền Lê là bọn Từ Mục, Ngô Tử, vua Lê Đại Hành tự đem quân đi đánh chém tên tướng là Tỳ My Phuế ở trận, san phẳng thành rồi về. Đầu đời nhà Lý, cướp bóc nơi men biển. Năm Minh Đạo thứ 3(1044), vua Thái Tôn (nhà Lý) thân đi đánh Chiêm Thành. Xạ Đẩu bày trận bên sông Bố Chính, Thái Tôn đốc các quân bỏ thuyền lên cạn để đánh, chém Chiêm chúa là Xạ Đẩu ở trận, quân vào thành Phật Thệ, bắt sống thê thiếp của Xạ Đẩu và bắt được hơn 5000 người dân, cho ở trấn Vĩnh Khang đến Đăng Châu (nay là Quy Hoá), đặt ra làng ấp, phỏng theo hiệu cũ của Chiêm Thành. Năm Long Thuỵ Thái Bình thứ 2 (123) (1055), sai sứ sang cống, sau lại vào ăn cướp. Thánh Tông thân đi đánh, bắt được vua nước ấy là Chế Củ đem về. Chế Củ xin dâng 3 châu: Địa Lý, Ma Lênh, Bố Chính để chuộc tội, Thánh Tông tha cho về. Năm Nhân Tông Thái Ninh thứ 4 (124) (1075) sai Lý Thường Kiệt đi ra ngoài biên họa địa đồ hình thể 3 châu. Đổi Địa Lý làm châu Lâm Bình, Bố Chính làm châu Bố Chính, Ma Lênh là châ Minh Linh, chiêu mộ dân đến ở. Chế Củ chết, Chế Ma Na lập lên, lại lấy lại 3 châu đã dâng. Năm Long Phù thú 4 (1104) Lý Thường Kiệt sang đánh, Ma Na lại dâng đất 3 châu trước rồi lại dâng voi trắng cùng 2 đoá hoa vàng. Khoảng năm Thần Tông, cùng với nước Chân Lạp vào lấn cướp Nghệ An, bị

Thái uý là Dương Anh Nhị đánh cho thua chạy. Năm Đại Định đời Anh Tông thứ 13 (1152) người nước ấy là Ung Minh Ta Điệp đến cửa khuyết xin phong làm vua nước ấy, vua sai quân đưa về nước. Khi tới nơi thì bị chúa nước đó là Chế Bì La Bút chống cự giết đi. Sau lại cướp ở Nghệ An và thường đem quân thuyền cướp bóc dân cư ở men biển. Trần Thái Tông mới lập sai sứ đến dụ, thường sai sứ vào cống và xin lại chỗ đất cũ. Năm Nguyên Phong thứ 2 (1252) Trần Thái Tông thân đi đánh, bắt được chúa nước ấy là Lâu Bố Đa La và thần thiếp nhân dân đem về. Đời Trần Thánh Tông cống hiến không lần nào thiếu. Năm Hưng Long đời Trần Anh Tông thứ 14 (1306) (năm Đại Đức nhà Nguyên thứ 10), chúa nước ấy là Chế Mân sai sứ xin kết hôn và dâng Ô Lai hai châu làm sính lễ. Vua xuống chiếu đem Huyền Trân Công chúa gả cho. Đổi Ô Lai làm Thuận Hoá hai châu, dạy bảo dân chúng, bổ cho làm quan. Chế Mân chết, nhà Trần lại bày kế cướp Công chúa về.

Sau lại làm phản, Anh Tôn thân đi đánh, bắt được chúa nước ấy là Chế Chỉ đem về, phong làm Hiệu Thuật vương, lập người em là Chế Đà A Bà Niêm làm A hầu giữ đất ấy. Năm Thiệu Phong đời Dụ Tôn thứ 2 (1342) Chế A Nan chết, con rể là Trà Hoà Bố Đế đuổi Thế tử là Chế Mỗ đi mà tự lập làm vua, Chế Mỗ chạy sang ta, vua sai quan quân đưa về nước, quân bộ đến Cổ Luỹ, quân thuỷ không tiến được rồi về. Bố Đế bèn lấn cướp Hoá Châu. Năm Đại Trị (125) thứ 9 (1366) lại cướp châu Lâm Bình, bị Tri phủ là Phạm A Song đánh cho tan vỡ. Năm thứ 10, sai bề tôi là Mục Bà Ma xin lấy lại biên giới Hoá Châu, Dụ Tôn sai Trần Thế Hưng đến đánh, tới Chiêm động bị thua chết. Năm Thiệu Khánh

đời Nghệ Tông thứ 2 (1371), mẹ Trần Nhật Lễ chạy sang nước Xiêm dỗ nước ấy vào ăn cướp, đốt phá đ thành rồi về. Năm Long Khánh thú 14 (1376) Duệ Tôn thân đi đánh, đến cửa biển Thị Nại, động Y Mang, Chế Bồng Nga giả khách hàng rồi đón đánh, Duệ Tôn bị chết ở trận. Sau thường cướp ở Thanh, Nghệ, 3 lần xâm phạm đô thành, vua Trần phải chạy lánh ra ngoài. Năm Quang Thái đời Thuận Tôn thứ 3 (1390) Thượng tướng quân là Trần Khát Chân đón đánh ở sông Hải Triều, súng lửa đều nổ, Chế Bồng Nga trúng đạn chết, tên tướng là La Khởi đem quân còn l̉1;i về giữ nước và tự lập làm vua. Con Bồng Nga là Chế Ma Nô Di Nan cùng với em là Chế Sơn Nỗ chạy sang nước ta, đều được phong là hầu. La Khởi chết, con là Ba Đích Lai lên thay.

Hồ Hán Thương đem đại binh đến đánh, chém được tên tướng Chế Cha Nan. Ba Đích Lai sợ hãi sai cậu là Bố Điền đem dâng 2 thớt voi trắng và đen và đất ở Chiêm Động để xin lui quân. Khi Bố Điền đến, họ Hồ ức hiếp bắt phải nộp cá động Cổ Luỹ. Nhân chia đất đó làm Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa 4 châu, rồi đặt An Phủ sứ lộ Thăng Hoa để cai trị, còn cho đất đầu nguồn làm trấn Tân Ninh, dời dân đến ở. Sau hai họ Hồ (126) bị diệt, Ba Đích Lai lại chiếm cứ đất cũ ở Thăng Hoa, Ba Đích Lai chết, Bố Đế thay lập. Khoảng năm Lê Thái Tổ, thường sai sứ vào cống. Bố Đế chết, Ma A Bôn Cai lên thay. Khoảng năm Thái Hòa (1443-1453) đem quân cả nước vào cướp, Nhân Tôn sai Bình chương là Lê Thụ đem quân hơn 60 vạn sang đánh, phá thành Đồ Bà bắt vua nước ấy là Bí Cai đem về. Người trong nước lập cháu (gọi bằng chú bác) Bố Đế là Ma A Quý Lai làm vua, em tên ấy là Ma A Quý

Do lại bắt giam Quý Lai, tự lập làm vua, sai sứ sang cống phương vật. Nhân Tông khước từ, sai sứ sang dụ và đòi lại những nhân khẩu trước đây còn ở nước ấy. Bèn trả lại bọn Trình Nguyên Đĩnh 70 người. Rồi sau người ở Thi Nại là Ma A Bàn La Trà Duyệt tức là con người vú nuôi, lại giết Quý Do cướp lấy nước, truyền cho em là Bàn La Trà Đồng (127), đầu năm Hồng Đức, Trà Đồng thân đem quân thuỷ bộ hơn 10 vạn đánh úp Hỏa Châu. Tướng ngoài biên cáo cấpông thân đem thuyền quân hơn 1000 chiếc và tinh binh hơn 70 vạn người đánh phá thành Đồ Bà, bắt sống được hơn 3 vạn người, chém được hơn 4 vạn thủ cấp bắt sống được Trà Đồng. Lấy đất ấy làm Quảng Nam thừa tuyên và vệ Thăng Hoa. Trà Đồng đến sông Thiên Phái, lo sợ rồi chết, sai chém đầu treo lên cờ trắng, để răn: "Đầu của tên Trà Đồng là tên đầu sỏ tội ác ở Chiêm Thành". Trà Đồng đã chết, tướng là Bô Trì Tri chạy đến chiếm giữ Phan Lung xưng là chúa Chiêm Thành, lấy được một phần năm số đất của nước ấy, sai sứ xưng thần vào cống. Nhà Lê phong làm vua, lại phong hai vua nữa là Hoa Anh và Nam Bàn, cộng là 3 nước để ràng buộc qua lại.

Năm thứ 3, mùa đông, em Trà Đồng là Trà Toại phản lại trốn vào trong núi, sai sứ sang cáo nạn với nhà Minh và xin phong. Thánh Tông sai Lê Niệm đem quân đánh bắt về, an trí ở ngoài cửa Bảo Khánh gần đến 30 năm. Trà Toại chết. Khoảng năm Cảnh Thống (1498 -1503) đời Hiến Tông con là Trà Phước lấy trộm hài cốt trốn về nước, sai người cầu viện nhà Minh, lại đóng thuyền lương rất nhiều. Uy Mục Vương bèn sai bọn Lý Tử Vân đến Quảng Nam, kinh lý việc ngoài biên. Mưu ấy mới thôi. Xét

sử nhà Minh về truyện Chiêm Thành: Khi Trà Đồng đã bị bắt, em là Bàn La Trà Duyệt trốn vào núi Phật Linh sai sứ sang cáo nạn với nhà Minh. Nước An Nam sai quân bắt, lập cháu vua trước là Trai A Ma Phất Am làm vua, lấy đất ở 5 nơi làm biên giới phía Nam nước ấy từ Bang Đô Long, đến gần Chân Lạp cho ở rồi sau người em là Cổ Lai giết Phất Am cướp lấy ngôi. Sau thường sang Minh cầu viện. Người nhà Minh cho là nước nhỏ yếu, không bỏ sai sứ, xuống chiếu cho đến tỉnh Quảng Đông nhận phong sắc rồi về. (Có lẽ là Trà Toại mà chép lầm là Trà Duyệt, nên chép cả hai đợi xét).

Đến bản triều ta mở bờ cõi nước ấy thần phục về ta, sau lại lấn ngoài biên. Năm Thái Tổ Hoàng đế thứ 51 (1602) (Nhà Lê, Hoàng Định (128) năm thứ 3). Sai Chủ sự là Văn Phong (thiếu họ) đem quân đến đánh, lấy đất đặt là Phú Yên, nhân sai Văn Phong ở lại

Năm Hy Tông Hoàng đế thứ 16 (1653) (Nhà Lê, Đức Long năm đầu), Quốc vương nước ấy là Bà Tấm xâm lấn Phú Yên, sai Cai cơ là Hùng Lộc (thiếu họ) làm Thống binh và Xá sai là Minh Vũ (thiếu họ) làm Tham mưu, đem 3000 quân đến đánh, quân vượt qua dãy núi Thạch Bi ngọn núi Hổ Dương, thẳng tới đô thành, nhân đêm đốt lửa đánh gấp, cả tan vỡ, Bà Tấm trốn đi. Lấy được đất đến sông Phan Lang, lấy đất về phía Đông sông ấy chia làm 2 phủ : Thái Khang (tức nay là Ninh Hòa) và Diên Ninh (tức là Diên Khánh), đặt làm doanh Thái Khang (tức là Khánh Hòa); còn về phía Tây sông ấy vẫn là đất Chiêm Thành, để giữ việc tiến cống.

Năm Hiến Tông Hoàng đế năm thứ nhất (1691) (Nhà Lê , Chính Hòa năm thứ 12), Quốc vương là Bà Tranh làm phản, họp binh đắp lũy, cướp và giết dân cư ở phủ Diên Ninh. Sai Nguyễn Hữu Kính làm Thống binh đánh bắt Bà Tranh và bề tôi Tả trà viên (tên quan) là Kế Bà Tử cùng thân thuộc là Nương My Bà Ân đem về giam ở núi Ngọc Trản, đổi nước ấy làm trấn Thuận Thành, sai Cai cơ là Nguyễn Trí Thắng giữ Phố Hài; Cai cơ là Nguyễn Tân Lễ giữ Phan Lý; Cai đội là Chu Kiêm Thăng giữ Phan Lang, để phòng bị bọn giặc ở Thuận Thành còn lại. Tháng 8, đổi trấn Thuận Thành làm phủ Bình Thuận, cho Tả trà viên là Kế Bà Tử làm Khám lý, còn Bà Ân 3 người làm Đô đốc, Đề lĩnh và Cai phủ, đổi mặc theo lối Kinh, rồi cho về đề vỗ về dân chúng. Tháng 12, người Thanh là A Ban đem Hữu trà viên ở Thuận Thành là Ốc Nha Thát làm loạn, vua lại sai Cai cơ là Nguyễn Hữu Kính đem quân tiến đánh, bọn giặc dẹp yên được hết. Khám lý là Kế Bà Tử trình bày là từ khi cải cách đến giờ đói kém luôn luôn, nhân dân bị đau khổ rất nhiều. Vua lấy làm thương, cho phục lại tên cũ, phong Kế Bà Tử làm phiên vương trấn Thuận Thành vỗ về chiêu tập binh dân, hàng năm nộp chức cống, những ấn, gươm, yên ngựa và nhân khẩu bắt được trước đây đều trả về hết. Lại cấp cho binh ở Kinh 30 người để bảo hộ nước. Binh ở Kinh nhân thế làm nhà ở tại nước ấy. Kế Bà Tử chết, về sau Cai cơ là Tá trông coi việc trấn.

Năm Nhâm Dần, Tây Sơn vào lấn đất, Tá đem hết các đồ truyền quốc bảo hàng Tây Sơn.

Năm Mậu Thân mùa thu, Thế Tổ Cao Hoàng đế lấy lại Gia Định, Tá chiếm giữ Man động theo Tây Sơn chống cự quân ta; Năm Canh Tuất mùa hạ, quân ta tiến lấy lại Bình Thuận, con Phiên vương trước là Nguyễn Văn Chiêu đem quân hưởng ứng theo vua đánh giặc, bổ Chiêu làm Chưởng cơ cai quản quan phiên dân phiên mọi việc. Lại cho quan phiên là Nguyễn Văn Hào làm Thống binh cai cơ. Chiêu rồi bị tội miễn chức. (Chiêu, Chấn, Hào đều được cho tên và họ, tên Chiêu nguyên tên là Môn Lai Phù Tử, Chấn nguyên tên là Bộ Kha Đáo, Hào nguyên tên là Thôn Ba Hú). Mùa đông năm ấy, Nguyễn Văn Hào liền bổ Chưởng cơ coi 3 sách thuộc Man là: Chữ Châu, Trà Dương đại, Trà Dương tiểu thu nộp thuế hương.

Năm Quý Sửu, mùa hạ, quân ta tiến đánh Phan Lý, Nguyễn Văn Hào đuổi bắt được tên giặc Tá giết đi, bèn bỏ danh hiệu Thuận Thành vương đi. Năm Giáp Dần, cho Chưởng cơ là Nguyễn Văn Hào làm Thuận Thành Chánh trấn, Cai cơ là Nguyễn Văn Chấn làm Phó trấn, coi quan người phiên và các sách người man. Hàng năm nộp tô, thuế, lệ thuộc vào doanh Bình Thuận, lập sổ ruộng ở Thuận Thành. Năm Bính Thìn, man trưởng ở Dã Giang (thuộc tỉnh Bình Thuận) là Tăng Mã làm phản, quan quân đón đánh ở Phố Trâm phá tan được, Tăng Mã trốn chạy. Vua sai quan phiên ở Thuận Thành chiêu dụ vỗ về dân Man, trở về yên như cũ. Mùa đông tháng 10, Tù trưởng người Man ở Phố Trâm, Thuận Thành lại làm phản, vua sai Phan Tiến Hoằng tiến đánh, Hào và Chấn cũng đem binh hội đánh giáp lại, Tù trưởng người Man là Đồng Phù quân bị tan vỡ bỏ chạy. Từ đó các man ở Thuận

Thành không dám lại làm phản nữa. Năm Kỷ Mùi, Nguyễn Văn Hào chết, cho Nguyễn Văn Chấn làm Trấn thủ.

Năm Gia Long thứ 6, định quan thuộc và quân dịch của trấn Thuận Thành (Thuộc viên 6 người, Thuộc lệnh sử 15 người, Y ty 2 người, Cục tượng 5 người, Tự thừa và Sái phu 6 người, binh 1 đội cộng 50 người, thuyền miễn sai 5 chiếc, người cầm lái và thủy thủ 10 người).

Mùa đông tháng 10 cho Cai cơ ở Thuận Thành là Nguyễn Văn Vĩnh làm công việc Phó trấn. Năm Minh Mạng thú 3, Nguyễn Văn Chấn chết, cho Nguyễn Văn Vĩnh làm Trấn thủ, chế ấn "Thuận Thành quan phòng " bằng đồng cấp cho. Năm thứ 4, tháng 3, giặc man ở Cam Tăng là Tà La Văn tụ hợp người man đốt phá bảo Thị Linh, Nguyễn Văn Vĩnh đuổi bắt, giặc man trốn xa, Vĩnh bèn sửa lại đồn bảo nghiêm đặt phòng bị rồi về.

Năm thứ 7, các man ở Bình Hòa lại quấy rối, Nguyễn Văn Vĩnh đem lính thổ theo Nguyễn Văn Quế điều độ tiến đánh dẹp được yên. Năm thứ 10, Văn Vĩnh chết, cho Nguyễn Văn Thừa làm Phó trấn thủ (Thừa là con Chấn, có tật ở chân). Năm thứ 13, mùa đông chia đặt tỉnh hạt, Nguyễn Văn Thừa đem thổ dân xin vào sổ bộ, bèn lấy đất ấy đặt làm phủ Ninh Thuận, 2 huyện Tuy Đinh, Tuy Phong, đặt Tri phủ, Tri huyện. Văn Thừa đổi bổ hàm Quản cơ, theo làm việc công ở tỉnh Bình Thuận, nhưng vẫn trông coi thổ dân các tổng và các sách man Trà Nương thu nộp thuế lệ; còn ấn quan phòng bằng đồng nguyên cấp cho trước để quản lý Thuận Thành, thì thu lại tiêu hủy đi. Năm thứ 14,

mùa hạ phong cho Văn Thừa làm Diên Ân bá; lại ở kinh sư và tỉnh Bình Thuận đều dựng miếu thờ các vua Chiêm Thành, xuân thu đến tế. Năm thứ 15, Văn Thừa âm mưu làm trái phép, ngầm thông với bọn giặc ở Phiên An, việc phát giác ra bị giết chết, nước Chiêm Thành hết người thừa tự.

Tục người Chiêm lấy vải lông nhỏ quấn từ ngực đến chân, áo trên hẹp, cửa tay chật, chải tóc kết làm búi tóc bỏ xõa làm đuôi gà đằng sau. Vua thì tóc ở đằng sau mão lấy dây buộc lại tóc bỏ xõa ra, mặc áo cát bối (cây bông) đội mũ hoa vàng, có 7 vật báu dắt thêm châu ngọc làm trang sức, đùi và ống chân để lộ cả, đi giày da không đi tất, đàn bà ở sau mão cũng lấy dây buộc tóc không cài trâm lược, còn vái lạy cũng giống như đàn ông. Vua thì ngày ngày đúng giờ Ngọ (giữa trưa) ngồi cái ghế nhà chùa, quan thuộc đến yết kiến chấp tay giơ cao vái một cái rồi thôi, có tâu việc ì cũng chấp tay giơ cao vái một vái rồi lùi ra. Vua mỗi khi đi chơi vài ngày mới về, gần thì đi võng vải mềm, xa thì cưỡi voi hoặc ngồi trên cái cáng nhỏ bốn người khiêng lên vai; trước hết sai một người bưng hộp trầu cau đi trước, người đi theo hơn 10 người đều cầm cung tên dao súng và thẻ bài, dân trông thấy chắp tay giơ cao vái. Ngày sóc ngày vọng thì lấy mặt trăng mới mọc là đầu tháng, không có trăng mọc là hết tháng, không có tháng nhuận, ngày đêm đều chia 50 khắc, trống canh lấy 8 canh làm mức, không đến giữa trưa không dậy, không đến nửa đêm không nằm ngủ, thấy mặt trăng mọc thì uống rượu mà hát làm vui. Không có giấy bút, dùng da dê dát mỏng hun đen, tước tre nhỏ ra dúng vào vôi để viết, hình chữ như con giun. Hôm mồng 1 tháng giêng, dắt voi đi khắp nơi chỗ ở rồi sau mới

xua ra ngoài thành, gọi là đuổi tà. Tháng 4 có bày ra cuộc chơi vui (trâu và hổ chọi nhau làm vui thích). Ngày 15 tháng 11, là ngày đông chí, người đều vào chầu mừng. Mỗi năm hôm 15 tháng 12, ngoài thành buộc gỗ làm tháp, vua và thần dân đem áo mặc, đồ vật và hương để lên trên tháp rồi đốt để tế trời đất. Thuyền buôn nào đến, lấy thuế 2 phần 10, thuế hương cũng lấy 2 phần 10, tính thích sạch sẽ, trầm hương, tốc hương hun xống áo. Vua lên ngôi được 30 năm, thì nhường ngôi vào ở hang sâu, lấy anh em con cháu lên thay, rồi ăn chay thụ giới khấn với trời rằng: "Nếu tôi làm vua không có đạo thì hổ lang ăn thịt tôi, hoặc bị bệnh chết". Ở hang được một năm không có việc gì, thì lại lên ngôi như trước, trong nước gọi là tích Lê Mã Cáp Lạt, là tiếng xưng hô với bực chí tôn chí thánh vậy. Có đầm cá sấu, việc ngục tụng nào còn nghi ngờ chưa quyết thì bắt hai bên cưỡi trâu đi cạnh đầm ấy, bên nào gian cong thì cá nhẩy lên ăn thịt, bên nào thẳng thắn thì đi lại mấy lần vẫn không bị cá sấu ăn thịt. Về hình phạt giam cầm cũng đặt gông xích, có lỗi nhỏ thì lấy roi mây đánh, tội xử tử thì lấy dây buộc vào cây, dùng cọc nhọn đâm vào họng rồi chặt đầu, nếu tội cố sát hay cướp của giết người thì cho voi giày xéo giết đi; ai phạm gian dâm thì phạt trâu chuộc tội. Dân vào núi bị hổ cắn, xuống biển bị cá sấu ăn thịt, vua sai vị Quốc sư đọc chú thư phù thì con hổ, con cá sấu ấy tức thì tự ra xin mạng phong tục thì tính người dữ tợn, thích đánh nhau, nay người nào ở tỉnh Bình Thuận gọi là người Hời, người nào dời sang phía Nam nước Cao Man gọi là người Chăm, đều là giống người Chiêm còn sót lại.

Vạn Tượng

Khi xưa là nước Ai Lao, An Nam đời Lý Thánh Tôn, niên hiệu Long Chưởng Thiên Tự thứ 2 (1067) mới đến cống, sau lại không thông hiếu nữa. Trần Anh Tôn năm Hưng Long thứ 5 (1294) xâm lấn sông Tràng Long, Phạm Ngũ Lão đánh phá tan lấy lại đất. Lê Thái Tổ khi mới khởi binh, thường cùng nước ấy kết hiếu, sau vì hiềm khích đem quân đánh úp doanh quân của vua, vua đốc quân đánh cả phá được tan. Từ đó tuyệt đường giao hiếu. Cuối đời nhà Lê, nước gọi là nước Vạn Tượng, Quốc trưởng thì chọn hoặc con hoặc em cứ người nào được mọi người tôn phục thì lập lên. Vì là Man mạch không có sách chép nên đời nọ truyền đời kia không thể biết được là bao nhiêu đời.

Bản triều ta Huy Tông Hoàng đế năm Nhâm Tuất thứ 9 (1622) đặt doanh Ai Lao để thông với các Man ở mạn Tây Bắc, Quốc trưởng nước ấy mới sai sứ dâng biểu xưng làm phiên bang đời đời sửa chức cống. Về sau mất đất về Xiêm, (lúc mới dựng nước có 2 Mường, sau bị mất vào Xiêm 13 mường) bèn bị người Xiêm kiềm chế, mệnh lệnh ai được lập do tay người Xiêm cả. Khi đầu, Xiêm đã lập Chiêu Nan làm Quốc trưởng, có người gièm là Chiêu Nan mưu phản, vua Xiêm bị mê hoặc, bèn bỏ Chiêu Nan mà lập Chiêu Ấn. Năm Bính Ngọ (1786) Chiêu Ấn sang chầu

nước Xiêm, khi ấy Thế Tổ Cao Hoàng đế ta đang trú chân ở Vọng Các, Chiêu Ấn nhân tới yết kiến, lòng rất kính mộ. Khi về nước nghe tin vua đã lấy lại Gia Định, thường muốn sai sứ nộp lễ vật nhưng bị nghẽn đường không đến được. Năm Tân Hợi, Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ sai người đòi hỏi lễ cống, Chiêu Ấn không chịu, Huệ bèn sai người trong bọn là Trần Quang Diệu đem hơn 1 vạn quân đánh phá nước ấy, cướp lấy các thứ quý báu rồi về, quân lại án ngự. Chiêu Ấn đánh úp bắt được một số quân và cờ trống đưa cho Xiêm. Năm Ất Mùi, quân nhà vua lấy lại Bình Định, vua sai bọn Thượng đạo Tướng quân là Nguyễn Văn Thoại và Điển quân là Lưu Phước Tường theo đường thượng đạo chiêu dụ các man Vạn Tượng, bảo điều động binh để chia thế giặc. Bọn Thoại đến thành Viên Chăn, Chiêu Ấn cả mừng tức thì thân đem quan liêu trong nước ra đón quốc thư và thết đãi quan quân rất hậu, nhân xin với Thoại rằng: "Tây Sơn là kẻ thù của Vạn Tượng, trước đây nghe quân ở Thanh Nghệ; giặc đã tập trung hết ở Thuận Hóa, nay khi nhân sơ hở mà đánh lấy, tưởng cũng không khó; nhưng mùa gió Nam đã muộn, chưa rõ thiên binh tiến lui ra sao, nếu có lấy được, chưa chắc đã giữ được, chi bằng sai một người quay xe về, mật tính việc binh, đợi sang năm định ngày quân nhà vua tiến đánh Thuận Hóa, Ấn xin đem hết quân của nước xuống thẳng Nghệ An, quyết một trận giết giặc Tây Sơn, bắt sống bọn họ để rửa hổ trước, đó là ý nguyện của tôi". Bọn Thoại bèn sai Tham quân là Lê Văn Xuân về báo, Chiêu Ấn cũng sai sứ đến thông hiếu dâng voi đực và xin phát binh theo với quan quân ở Thượng đạo đánh giặc. Năm Canh Thân, mùa hạ, quân Vạn Tượng cùng theo thượng đạo Tướng quân là bọn Nguyễn Văn Thoại xuống Nghệ An đánh giặc ở đồn

Bố, đồn Giám được luôn mấy trận rồi thì các thổ ty ở Thanh Hóa, Hưng Hóa đều nổi quân tiếp ứng. Quốc trưởng Vạn Tượng cùng Nguyễn Văn Thoại đem việc đánh được giặc, dâng biểu tâu lên, vua cho thư khen ngợi.

Năm (1801) mùa xuân, sai sứ vào cống, đem địa đồ ở Phú Xuân, Nghệ An tiến họp và dâng biểu xin định ngày hội quân đá giặc. Sứ đến Gia Định, đưa tới nơi hành tại bái yết. Vua sai viết thư đáp lại và hậu đãi sứ giả cho về, ban cho Quốc trưởng 4 lạng trầm kỳ nam, súng điểu sang 2 khẩu, kẽm và thiếc trắng mỗi thứ đều 100 cân. Mùa hạ năm ấy, quân nhà vua lấy lại đô thành Phú Xuân. Nước Vạn Tượng sai quân theo Điển quân là Lưu Phước Tường xuống đánh Nghệ An, sau vì lương thực không kế tiếp lại dẫn về, Phước Tường cũng vượt biển về Linh Giang. Gia Long năm thứ 1(1802) mùa thu Bắc hà dẹp yên cả bá cáo trong ngoài. Chiêu Ấn sai sứ mang quốc thư đến mừng. Vua khen là có công, lấy đất ở Trấn Ninh ban cho. Mùa đông năm ấy, lại sai sứ vào cống. Gặp khi nước Vạn Tượng bị Man Điểu Đỗ lại đánh, vây thành Xương Sản, Chiêu Ấn tự đem quân và voi cùng với Điểu Đỗ đánh nhau cả phá vỡ, bắt sống được 1000 quân và 300 con ngựa, khí giới vô kể. Chiêu Ấn sang Xiêm dâng những tên giặc bắt được. Năm thứ 2, Chiêu Ấn từ nước Xiêm trở về rồi ốm chết, người Xiêm lập anh em là A Nỗ làm Quốc vương, A Nỗ sai sứ sang ta báo tang, vua sai Cai cơ là Nguyễn Văn Uẩn và Hàn lâm là Lê Văn Phú sang phúng (bạc 100 lạng, vải 100 tấm, sáp 200 cân). Tháng 12 Chiêu Nội ở Trấn Ninh xin nội phụ. Trước đây Tù trưởng ở Trấn Ninh là Thiều Xanh chết đi, A Nỗ lập người anh họ là Xà Cương lên thay cầm quân. Con Thiều Xanh là

Thiều Nội không phục, đem 500 người trong ban chạy đến Trà Lân (nay là Tương Dương). Việc đến tai vua, sai trấn thần Nghệ An phát hơn 200 phương gạo phát cho. Năm thứ 3 A Nỗ dâng biểu nói : "Người Trấn Ninh không phụ thuộc Xà Cương, xin lập Thiều Nội để vỗ về dân". Vua cho.

Năm thứ 4, sai sứ lại cống, sứ đến Quảng Trị dâng biểu nói: "Khi xưa về triều liệt thánh, nước ấy vẫn 3 năm một lần cống, mấy đời vẫn xưng là phiên thần, từ khi Tây Sơn tàn ngược, dân không thể sinh sống được, bèn quay sang thần phục Xiêm lại bị người Xiêm ngược đãi. Nay nhà vua trị vì, Man Di đều phục, xin nối việc cũ lại sửa chức cống theo lệ". Doanh thần đem việc tâu lên. Khi sứ đến nơi cho vào ra mắt, khoản đãi và ban cho hậu; ở lại hơn một tháng, sứ xin về nước, gửi cho Quốc vươnglông màu hồng 5 tấm, chừu trắng 20 tấm, lụa nõn ngũ sắc, lụa trắng, vải nhỏ sợi màu trắng đều mỗi thứ 50 tấm; còn sứ bộ 43 người đều cho bạc, lụa có thứ bậc khác nhau; lại có sắc thư nói: Quốc trưởng của nước ngoài là Chiêu Ấn, là bề tôi của trẫm, khi trước trẫm đối với các người lúc nào cũng một niềm vỗ về, yêu nuôi, người nên kính cẩn chức phận vỗ yên lấy dân, để đáp lại ý của ta. Lại sai bộ Lễ bàn định lệ cống, bắt đầu từ năm ấy 3 năm một lần cống, vào những năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất làm kỳ tiến cống; tháng 12 tới kinh, cho kịp Tết Chính Đán vào chầu mừng. Về cống phẩm thì voi đực 2 thớt, sừng tê hai chiếc, ngà voi hai chiếc, nhục quế 2 cân, về sứ bộ thì: Chánh sứ Phó sứ đều 1 người, Tù trưởng đều 3 người, Thông ngôn 1 người, theo hầu 30 người, đường sứ đi do đường trạm Nghệ An đưa tới, không được đi tắt do đường Ai Lao, Cam Lộ.

Năm thứ 8, sai sứ dâng biểu nói: "Dân ở Trấn Ninh trước đây theo Thiều Nội sang lánh nạn ở Trà Lân, nay xin chiêu tập cho trở về ". Sứ đến Nghệ An, trấn thần khước từ bức thư, chỉ đem việc tâu lên. Vua dụ quân thần rằng: Những lưu dân ở Trấn Ninh đến ở Trà Lân đã lâu, dần dần đã đủ sinh sống, ở đâu yên đấy, ngại việc di chuyển là thói thường của người ta, há nên lại cho đời đời đi ư ? Trấn thần khước từ là phải. Nước Vạn Tượng là thần thuộc của ta, năm trước tới lệ cống đã không đến, mà lại muốn đem lưu dân trở về, thế là ý thế nào? Nên sai trấn thần đưa thư hỏi. A Nỗ sợ hãi, lại sai sứ sang hạ. Khi đến, vua triệu vào ra mắt, hỏi đến phong tục chính sự trong nước, sứ thần đem tình trạng tâu lên. Lại hỏi: Quốc vương nhà ngươi thích gì? Thưa rằng: Thích trống trận. Đến khi trở về cho ăn yến rất hậu, sai lấy 2 cái trống trận ban cho. Trước đây, A Nỗ sai sứ sang cống, nhân tiện đưa trả 30 tên lính trốn. Vua dụ rằng: Nước Vạn Tượng đã nộp lệ cống hàng năm, lại trả về lính đã trốn, đủ thấy lòng thành thần phục, nên nhân thể ban chiếu ngợi khen, cho họ thỏa lòng. Nếu bọn thổ phỉ là Lê Đoàn, Trịnh Vân có đến đầu ngụ, tất họ trói lại đem dâng, thời Vạn Tượng là phên che cho con đường thượng đạo của ta vậy. Sứ giả lĩnh chiếu trở về.

Năm thứ 16, sai sứ lại mừng đại lễ tôn lập Hoàng thái tử.

Năm Minh Mạng thứ 2 (1821) sai bề tôi là bọn Phì Chủ Bô vào cống và tâu nói: Tiểu quốc xa nghe tin Tiên đế đã chầu trời, Hoàng thượng ta lên nối ngôi báu, nhưng vì núi sông xa xôi cách trở chưa dám tin là thực, nên chỉ theo lệnh 3 năm tiến

cống mà thôi, còn hai lễ tiến hương và khánh hạ vẫn còn thiếu, xin Thánh thượng đoái thương kẻ ở xa xôi, thứ cho tội lỗi sơ suất ấy thật là may cho tiểu quốc. Vua úy lạo và thưởng cho hậu rồi bảo về. Phì Chủ Bô lại nói: Khi mới qua trấn Nghệ An, đường sá phần nhiều bị cản trở, vua bèn sai trấn thần đem quân đưa ra khỏi cõi.

Khi trước, Phì Chủ Bô sai thuộc man ở Quy Hợp là Phộc Khâm đến quấy nhiễu động Đông Dịch, dân động ấy tố cáo với trấn thần Nghệ An. Trấn thần xét được thực trạng tâu lên. Vua cho là man di ở ngoài giáo hóa không muốn trói buộc lấy pháp lệnh, sai trấn thần đem việc ấy thư cho A Nỗ để răn bảo Phộc Khâm, cho tự biết hối lỗi đi, để yên dân ngoài biên.

Năm thứ 3, A Nỗ sai sứ đến Nghệ An dâng biểu xin truy dâng lễ tiến hương, vua cho việc quốc tang đã được toàn cát (hết trở rồi), miễn cho, ban thưởng rồi bảo về. A Nỗ lại xin cho thuộc Man là Phộc Khâm được thu thuế ở động Đông Dịch. Vua sai quân hội lại xét việc ấy. Phộc Khâm nói: Trước đây nghe Đông Dịch thuộc về Lạc Hoàn, trót vì Phì Chủ Bô bảo đến đòi thuế; nay tự biết là trái lệ, xin chịu tội. Vừa gặp 2 châu: Phá Băng, Xương Khâm ở đạo Cam Lộ cũng bị Tù trưởng ở Ba Thắc là Hạt Xà Bông (con Quốc vương Vạn Tượng) phái người đến đòi thuế, việc đến tai vua, vua dụ rằng: Động Đông Dịch là dân ngoài biên của ta đã ghi ở sổ sách, Phộc Khâm đã biết tội, tạm hãy khoan tha đến như sách man ở Cam Lộ đã thần thuộc triều đình ta cung nộp cống lệ đến hơn 200 năm nay, từ trước đến giờ không có việc nước ngoài đòi nộp thuế. Hạt Xà Bông, sao dám

làm như vậy, duy nghĩ, mới can phạm một lần, hãy rộng dong cho nhưng phải dạy bảo bọn họ, từ nay nên theo pháp luật, giữ bờ cõi không được làm càn, để nhờ cái Phước vỗ yên khuyên bảo mọi nước của ta.

Năm thứ 5, sai sứ sang cống. Năm thứ 8, nước Vạn Tượng cùng với nước Xiêm gây việc binh đao, trước đây con gái của Quốc trướng A Nỗ gả cho vua Xiêm đẻ ra Sâm Ma Yết, vua Xiêm lại lấy người trong nước đẻ ra Tôn Kha Phá, Kha Phá đã lớn mưu cướp ngôi con cả, bèn giết Sâm Ma Yết, vua Xiêm không cấm. A Nỗ vì thế oán Xiêm, đem quân đánh lấy thành Côn Lạc, giết quân Xiêm hơn 500 người. Vua Xiêm giận sai em là vua thứ 2 tên là Xá Chiêu Oan Na đem binh vài vạn đến đánh (lại có thuyết nói: Vua Xiêm phong cho bề tôi là Khâm Bạc Đa làm Tù trưởng ở mường Côn Lạt, A Nỗ đem quân đến cướp, Khâm Bạc Đa không cự nổi, nhân đem dâng hiến cho A Nỗ. Sau Khâm Bạc Đa phản lại, A Nỗ cho triệu Tù trưởng 7 mường trong nước đem quân đánh Khâm Bạc Đa, quân của 7 mường chưa kịp theo lệnh đem quân đến, A Nỗ giận bắt Tù trưởng 6 mường giết đi, duy chỉ có Tù trưởng 1 mường được thoát bèn cùng dân 6 mường chạy đến nương tựa với Khâm Bạc Đa, Bạc Đa đem việc đó báo với Xiêm, vua Xiêm sai em là Chiêu Oan Na cùng với Khâm Bạc Đa tiến đánh Vạn Tượng, Khâm Bạc Đa cùng với quân 7 mường tiến đến mường Côn Lạt cùng với quân Vạn Tượng đánh nhau, con A Nỗ là Hạt Xà Bông thua chạy, lui giữ cửa sông Lâm Kham. A Nỗ lại đem binh voi cùng với Khâm Bạc Đa chống đánh cũng bị thua. Con A Nỗ là Chiêu Ba Thắc bị Xiêm bắt được, binh dân chạy tan các ngã, A Nỗ bỏ thành chạy sang Tam Động, dâng

biểu xin liệt vào dân ngoài biên, sửa chức cống để cầu quân cứu viện, trấn Nghệ An đem việc tâu lên, vua xem lời tâu nói rằng: Nước Vạn Tượng khởi hấn ra trước, mà Xiêm đem quân đi lần này, cốt bắt tên đầu sỏ quét tận sào huyệt, thể tất phải gần tới đất ngoài biên, quấy nhiễu thuộc Man của ta, nếu không phòng bị chống giặc từ trước không khỏi lúc lâm thời phải tính toán nhiều. Bèn sai gọi họp các lính thú phải theo địa phận mà coi giữ, rồi sai Đô thống doanh Long Vũ là Phan Văn Thúy sung làm Kinh lược biên vụ đại thần, kiêm lĩnh Trấn thủ Nghệ An; Phó tướng hữu quân là Nguyễn Văn Xuân sang làm Bang biện quân vụ đại thần; Phó đô thống chế trung quân doanh Thần sách là Đoàn Văn Trường, Thống chế tướng quân là Lê Văn Hoan đều sung làm Bang biện quân vụ; Lại bộ Thượng thư là Trần Lợi Tri sung làm Tham tán quân vụ đại thần, Tham tri Nguyễn Công Tiệp sung làm Tham tán quân vụ, lĩnh kinh binh hơn 2000 người, voi 30 thớt tiến đến Nghệ An. A Nỗ sai thuộc hạ là Suy Mân đem biểu đến Nghệ An. Trấn thần lưu lại ở Quy Hợp để đợi báo. Vua dụ rằng: Nước Vạn Tượng sai người đem lòng thành nộp lễ vật, mà không cho về ngay, chưa khỏi tự thêm nghi hoặc. Vậy dụ cho trấn thần lập tức cho về, nhưng báo cho A Nỗ rằng quân của trấn đã đóng ở cõi nên đóng ở đó, để đợi mệnh lệnh của triều đình. A Nỗ nghe tin quân Xiêm đã qua sông Khung, chiếm cứ thành nước Vạn Tượng. A Nỗ lại từ Tam Động chạy đến bản Thiền Chân. Trấn Nghệ An đem việc tâu lên, vua bèn dụ cho Phan Văn Thúy đưa thư cho A Nỗ nói là quan quân kinh lược đã đến nơi để phái thêm phòng thủ, nên chọn nơi mà ở yên chớ sợ.

Bọn Phan Văn Thúy đã đến Nghệ An, cho là tin tức quân Xiêm còn xa, đại binh chưa nên khinh động. Sai Cai đội doanh Phấn vũ là Nguyễn Trọng Thái đến Thiền Chân để yên ủi thăm hỏi nước Vạn Tượng. A Nỗ thấy Thái đến mừng, Phước thư nói là: Quân Xiêm sắp tới gần Lạc Hoàn, xin cho quân bảo hộ. Bọn Thúy bàn chia phái quân và voi, ủy cho Nguyễn Văn Xuân và Lê Văn Hoan tiến đóng Kỳ Sơn, Đoàn Văn Trường tiến đóng Quy Hợp ; Nguyễn Công Tiệp lo liệu việc quân lương; Trần Lợi Trinh ở lại trấn, đợi tin báo, liền dâng sớ tâu lên. Phan Văn Thúy liền tâu: Dân Vạn Tượng phần nhiều vui lòng làm việc với người Xiêm, các bề tôi chạy theo A Nỗ đi trốn, không có ai đáng cùng mưu tính công việc cả. Vua nói: Lòng người đã ly tán, thì hưng phục cũng khó.

Tháng 6, châu Trấn Ninh về quy phục. Dụ rằng: Trấn Ninh vố bờ cõi của ta, ngày xưa Hoàng khảo ta là Thế Tổ Cao Hoàng đế đem cho nước Vạn Tượng, không tính đến việc tốn phí nhỏ. Nay A Nỗ chạy đi, Tù trưởng không có chỗ nương tựa, đem đất dai đến dâng, ta không phải khó nhọc đến một mũi tên mà trước đã thu phục được lòng thành của người xa; việc đi kinh lược cũng có danh nghĩa vậy. Vả đất ấy là nơi hiểm yếu, khi xưa về triều Lê, Lê Duy Mật giữ ở đó hơn 30 năm, triều Lê cũng đành chịu không làm gì được. Về tình thế chỗ đất hiểm có thể tin cậy được như thế, nay lại về ta, có thể đủ để san phẳng sào huyệt của quân gian phi mà vững mạnh thêm nơi phiên trấn hùng tráng của nước nhà vậy.

Mùa thu năm ấy, bọn Phan Văn Thúy tâu nói: Quân sĩ phần nhiều bị ốm đau, tức thì sai trấn thần Nghệ An phái thêm thầy thuốc tới điều trị. Lại sắc cho Phan Văn Thúy phải nghiêm ngặt phòng bị trong cõi và thăm dò cho đích xác sự động tĩnh của người Xiêm. Rồi sau người Xiêm nghe quân ta đã áp tới bờ cõi, bèn lập em A Nỗ là Ấp Ma Hạt làm Quốc trưởng nước Vạn Tượng, để lại tên tướng là Xú Pha Họa Di và để vài trăm quân ở lại thành Vạn Tượng, còn thì qua sông Khung trở về hết. Bọn Thúy thăm dò được tình trạng tâu lên, vua sai Đoàn Văn Trường chọn những lính khỏe mạnh lấy 1000 tên ở lại giữ Quy Hợp, Nguyễn Văn Xuân cũng để ở lại 300 tên đóng giữ Trấn Ninh, rồi xuống chiếu cho đạo quân về. Bọn Phan Văn Thúy lại tâu nói: Quốc trưởng Vạn Tượng là A Nỗ ở Tam Động, nhất hướng muốn nương tựa với triều đình. Vua dụ rằng: A Nỗ bị nhà dân để trú ngụ ở bên ngoài, ăn sương nằm móc, tình cũng đáng thương. Bèn truyền dụ cho trấn Nghệ An, trước hết ở ngoài trấn thành dựng nhà công quán làm nơi cho A Nỗ cư trú, và cho một sắc đạo dụ, 1000 lạng bạc, ủy cho Nguyễn Công Tiệp mang đến cấp cho và bảo hộ đưa về trấn. Lại dụ A Nỗ sau khi đến tỉnh, chuẩn cho chọn lấy một người con hay em đi theo vào Kinh triều yết. Trước kia, A Nỗ chạy ra ngoài, người em là Ấp Ma Hạt, không chịu theo, A Nỗ bèn đem mẹ và con y tất cả 4 người đều đi. Đến bây giờ, Ấp Ma Hạt đngười Xiêm lập lên, đưa thư cho con A Nỗ là Hạt Xà Bông, mời A Nỗ về nước, nếu có việc bất trắc gì thì xin đem thân thay; Lại xin cho mẹ con về nước, chớ phải lưu lạc. Tướng Xiêm là Xú Pha Họa Di cũng đưa thư cho A Nỗ nói: Đã vì A Nỗ xin tội với vua Xiêm, đã tha lỗi cho rồi chớ ngại. Phan Văn Thúy đem việc tâu lên, vua lại sai trấn Nghệ An truyền đạt lời

dụ nói rằng: "Triều đình sớm tối sắp dưa A Nỗ về nước, nên tự xét vì cớ gì mà phải chạy đi, nên phải rất tự trách mình, chớ cho em, cháu hiềm khích và khéo vỗ về họ hàng bộ lạc, để ngày khác còn dùng đến. Lại nên tự viết tờ tín thư liệu chọn một người con của Ấp Ma Hạt với một hai người bộ lạc thân tín cho về báo trước để xem động tĩnh". Tờ dụ chưa tới, A Nỗ đã nói trước với trấn thần cho con Ấp Ma Hạt về. Tháng 8, A Nỗ sai con là Hạt Xà Bông mang phương vật sang tạ, vua sai chỉ nhận 10 thớt voi đực, còn trả về hết. Hạt Xà Bông vào triều kiến, vua hỏi rằng: Nước ngươi cũng có các hàng văn vũ giúp nước chứ ? Trước đây cùng với Xiêm đánh nhau chỉ nghe thấy có người cùng với Chiêu Ba Thắc đều là người thân thuộc của nước, ngoài ra sao không có người nào? Thưa rằng: Các tướng thường cũng có đánh, nhưng không có công trạng, hoặc người hàng Xiêm hoặc người bị bắt, nay ở thành Viên Chăn còn có một người võ tướng thôi. Vua lại hỏi: Truyền nước được bao nhiêu đời? Thưa rằng: Tôi nhớ được 5 đời thôi. Vua cười bảo thị thần rằng: Man mạch không có sách, thế đại cũng không biết, họ chỉ truyền quốc có 5 đời ư ? Bèn thưởng cho hậu, bảo về Nghệ An, A Nỗ lại dâng ngọc của các đời trước để lại là 23 hòm, xuống chiếu trả lại.

Năm thứ 9, sai quan đi kinh lược việc ngoài biên ở Trấn Ninh. Vua xuống dụ sai trấn thần tới trước mặt A Nỗ đại lược hỏi rằng: Ấp Ma Hạt cùng với Quốc trưởng nghĩa là vua tôi nhưng tình là anh em, mà lại xảo trá như thế, thời cái tội giữ lấy nước phản bội lại anh không hỏi đủ rõ. Trước đây có nói theo lời tướng Xiêm thì A Nỗ xin tội với Xiêm, vua Xiêm đã tha lỗi đó, chỉ là lời

nói suông sao đủ tin được, vậy nên bảo A Nỗ để ý kinh doanh làm kế để khôi phục lại, cốt trông cậy ở lòng người; như còn muốn tự cường, hoặc dời ở nơi biên giới để thông tin tức với người trong nước, hoặc ủy người lén về đất cũ thu phục những người trung nghĩa để giúp mình, rồi sau mới nhờ uy đức của triều đình để trở về cố đô, đó là công việc của Quốc trưởng, nên nghĩ cho kỹ. A Nỗ dâng biểu nói: Trước đây đã sai sứ chiêu dụ các bộ lạc ra ứng nghĩa ngầm được 1 vạn người, xin nhờ quan binh đưa tới trên cõi, để làm thanh viện, rồi xin đem thân quân thẳng tới thành cũ. Nếu gặp quân Xiêm ngăn trở, xin tự đối phó lấy, không dám phiền đến mẩy giáp của quan binh. Sau khi xong việc họ còn xâm phạm thì cố chết giữ lấy thành trì, không chịu dầy theo vết xe trước nữa. Trấn thần tâu lên, vua sai Viên ngoại lang bộ Binh là Hoàng Sỹ Quang mang sắc thư hội đồng với trấn thần Nghệ An truyền bảo cho A Nỗ; rồi sai Đô thống chế doanh Long Vũ là Phan Văn Thúy sung làm Kinh lược đại thần; Hữu quân phó tướng là Nguyễn Văn Xuân làm phó; Tham tri lĩnh Hiệp trấn Nghệ An là Nguyễn Khoa Hào sung làm Tham tán, đem tướng sĩ hơn 3000 người và 20 thớt voi, tới Trấn Ninh chọn đất đóng đồn, lại từ trấn thành đến Lạc Điền (thuộc Trấn Ninh) dọc đường đều đặt đồn ở đê cạnh bờ biển, bắt lính thay phiên túc trực để thông đồng việc quân báo. Rồi sai Lang trung là Lê Nguyên Hy, Cai đội là Nguyễn Văn Lễ sang báo với Xiêm. Bọn Phan Văn Thúy đến Trấn Ninh, đóng quân ở Lạc Điền, Quốc trưởng Vạn Tượng là A Nỗ tự xin đem quân dân mới cũ ở Phì Tạo về thành Viêng Chăn, bọn Thúy sai Cai đội là Nguyễn Trọng Thái đem 2 đội quân Thần sách đi hộ tống. Tháng 6, A Nỗ về đến thành Viêng Chăn; Vua xuống chiếu cho bọn Thúy đem

quân về. A Nỗ đã đến thành Viêng Chăn, quân Xiêm rút lui đến bảo Phiên Pháo ở bờ bên nam sông Khung đóng đồn, bỗng lại qua sông chiếm giữ kho chứa. Con A Nỗ là Hạt Xà Bông xin lương không cho, Hạt Xà Bông cùng người Xiêm tranh giữ, A Nỗ lại đem quân tiếp chiến, giết tướng Xiêm là Phi Nhã Phì Chiêm Sủng Tham, binh lính chết và bị thương rất nhiều, bèn bỏ hết súng và khí giới mà đi. Việc đến tai vua, vua bảo quần thần rằng: A Nỗ nóng nẩy làm càn tự tiện cùng với Xiêm gây oán. Cái nhục về thua quân nước Xiêm há chịu nhịn ư? Ngày khác đem quân đánh thì A Nỗ lấy sức đâu mà chống chọi được không khỏi lại nhờ đến ta. Kể ra triều đình ta xử trí với nước Vạn Tượng có thể tỏ là hết lòng nhân nghĩa, nay A Nỗ cử động như thế, phụ trẫm rất nhiều. Nếu có lại nữa nên cự tuyệt đi không nên nhận nữa. Bèn xuống sắc dụ sai bọn Cai đội là Phan Văn Thống, Hiệp thủ là Lê Văn Duật mang tờ dụ đến trách và sai tạ lỗi với Xiêm cùng đưa trả súng và khí giới để cho hả giận. Tháng 7 bọn Phan Văn Thống đến bảo Bộ Khâm ở bên bờ Nam sông Khung, bị tướng Xiêm là Thưng Vi Sai đánh úp, Thống và 50 người lính đi theo đều bị hại cả. Lê Văn Duật thì bị bắt đưa sang Xiêm. Gặp có lính Man trốn về báo, trấn thần Nghệ An tâu lên, vua dụ rằng: "Vừa rồi đưa A Nỗ về nước, người Xiêm mới gặp quân ta bèn tránh lui. Nay sai người truyền dụ cho A Nỗ tạ lỗi với Xiêm, thời chuyến đi này rất là thuận lẽ, tên tướng Xiêm kia có ý kiến gì, dám khởi hấn trước. Nếu cho làm như thế để báo thù nước Vạn Tượng, thời bọn kia có thế lực gì vội dám làm càn mà dương cánh tay con bọ ngựa ư?".

Tháng 9, tướng Xiêm là Xú Pha Họa Di đem vài nghìn quân thủy bộ tiến gần thành Viêng Chăn, A Nỗ cùng nhau chống chọi và sai bề tôi là Phì Xà Nộn mang thư đến trấn Nghệ An xin quân ứng viện, vua xuống chiếu khước từ.

Tháng 10, A Nỗ cùng quân Xiêm đánh nhau thua to, lại bỏ thành chạy, rồi bị Phòng ngự sứ ở Trấn Ninh là Thiều Nội ngầm sai người bắt A Nỗ đưa cho Xiêm, Vạn Tượng đành mất nước. (Năm Minh Mạng thứ 6 sao chổi mọc ra ở quãng sao Tất sao Sâm, Trương Xuân Dục ở Nghệ An hiểu biết việc xem thiên văn chỉ bảo người bạn rằng: "Độ hơn 80 hôm nữa đến quãng khu vực phía Bắc sao Thiên Cương sẽ lặn, chẳng ngoài 3 năm nước Vạn Tượng sẽ mất, trấn Nghệ An sẽ phải khốn khổ về thu lương phái lính." Thế rồi quả nhiên nước Lào còn hay mất cũng có điềm trời ứng nghiệm như thế.

Thành trì nước Vạn Tượng ở phía nam sông Khung, gọi là thành Viên Chăn, nên người trong nước gọi vua là Chiêu Viên Chăn, mà nước cũng gọi là thành Chăn quốc. Nước này phía Đông giáp Trấn Ninh, phía Tây giáp Xiêm la, phía Nam giáp Lạc Biên, phía Bắc giáp Nam Chưởng, đất ấy sinh sản nhiều voi, voi của nhà nước ở quốc độ 300 thớt, voi tư không kể xiết. Có việc thu lương tải đi voi tư không đủ, cấp cho voi công. Phong tục chuộng đạo Phật, có người đúc tượng bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng, dựng nhiều chùa để thờ, trong thành Viên Chăn có chùa Phộc Bang để thờ Phật, có một tòa miếu mỗi năm một lần hợp tế. Dân cư phần nhiều làm nhà sàn, trên người ở, dưới nuôi súc vật. Việc giá thú thì con trai đến nhà con gái phục dịch

ngày đêm, đợi người con gái bằng lòng, về bảo cha mẹ đưa tin mối lái, sửa đồ sính lễ đưa đến nhà gái, rồi ở gửi rể. Chợ, hàng buôn bán thông dụng tiền ốc, mà nhà nào thịnh hay suy, cũng lấy ốc để bói; hàng năm nhà nào cũng đều đóng một cây gỗ to để ở giữa sông cho ốc bám vào mà lấy, ốc bám nhiều thì nhà thịnh vượng, ốc không bám là nhà ấy suy, thường thường lấy làm chiêm nghiệm. Về thổ sản thì có nhục quế, ngà voi, sừng tê, vải Man...

CHÚ THÍCH

(1) Đồ là Hà đồ, lục là Phù lục; nhận giữ đồ lục, ý nói là chịu mệnh trời làm vua.

(2) Tức là Sử quán.

(3) Nhà của vua ở k làm vua.

(4) Năm Giáp Ngọ, Hoàng Ngũ Phước xâm lấn Thuận Hóa, đô thành bị hãm (1774).

(5) chỗ vua tạm đóng.

(6)Kiền nguyên: trong quẻ Kiền kinh Dịch có câu: "Đại tai Kiền nguyên, vạn vật tư thủy" nghĩa là lớn thay nguồn của Kiền (tức là trời) muôn vật nhờ đó mới bắt đầu có.

(7) Lý cát: trong quẻ Lý kinh Dịch có câu: "Thị Lý khảo tường, kỷ toàn nguyên cát" nghĩa là xem xét việc làm để xem họa Phước, nếu không thiếu sót sự gì thì được điều tốt.

(8) Chín điều như: Lời chúc Phước ở thơ Thiên Bảo thiên Tiểu nhã kinh Thi nói: Như núi như gò, như cồn, như đống, như nước sông chảy đến, như mặt trăng thường sáng mãi, như mặt trời mọc lên, thọ như núi Nam Sơn, tốt như cây tùng cây bách.

(9) Là múa tám hàng, mỗi hàng tám người, hát khúc Vạn niên hoan, Thiên hạ lạc, Thái bình lạc.

(10) Nễ cung: là miếu thờ cha

(11) Hiệu thiên võng cực: Thơ Lục nga ở thiên Tiểu nhã kinh Thi có câu: Dục báo chi đức, hiệu thiên võng cực; nghĩa nói ơn đức của cha mẹ lớn như trời không biết lấy gì mà báo đền.

(12) cung Trường Lạc: tên cung của nhà Hán, nơi Thái hậu ở.

(13) Cối Kê: tên núi thời Xuân Thu, Việt vương Câu Tiễn bị Ngô Phù Sai đánh cho bị thua, phải đến ở núi Cối Kê, rồi sau Việt diệt được nước Ngô.

(14) Bỏ trâm: bởi chữ Hán là "Thoát trâm". Tuyên Vương nhà Chu hay dậy trưa, Khươngu (vợ Tuyên Vương) bèn bỏ trâm và vòng khuyên, ra ngồi ở ngõ sâu. Từ đấy Tuyên Vương lo thức khuya dậy sớm chăm nom chính trị.

(15) Hán Nguyên đế ngự xem chuồng hổ, có con gấu xổng chuồng nhảy ra, muốn chồm lên điện. Tiệp dư của Nguyên đế là họ Phùng chạy ra đứng chắn trước con gấu, Nguyên đế vì việc ấy lập Phùng Tiệp dư làm Phùng Chiêu nghi.

(16) Chữ Hán là "tẩu mã". Thái vương nhà Chu, khi trước ở đất Mân bị Nhung Địch xâm lấn, cùng vợ là con gái họ Khương đi ngựa đến dưới núi Kỳ Sơn ở đấy, bắt dầu gây ra cơ nghiệp nhà Chu.

(17) Chữ khôn nghi kiền nguyên, đây ý nói là mẹ sánh với cha.

(18) Cung Nễ : Miếu thờ cha.

(19) Kinh Dịch có câu : khiêm khiêm, quân tử tệ dĩ tự mục, nghĩa là người quân tử lấy đạo khiêm nhường để tự xử.

(20) Sách Mạnh Tử có câu:" Dụng hạ kinh thượng vị chi quý quý" nghĩa là kẻ dưới kính người trên gọi là quý người quý.

(21) tên một cung của nhà Hán.

(22) Thành Hà Nội

(23) Bảo lục: Sách mệnh trời ban cho

(24) Cơ trù: trù của Cơ Tử trong thiên Hồng phạm, kinh Thư, mục thứ 9 nói về 5 Phước

(25) Là Phật A Di Đà.

(26) chữ Hán là "Đồng sử", sử của nữ quan chép việc các hậu phi cung tần.>

(27) Kinh thất: là bà Thái Khương, vợ ông Thái Vương,

(28) Thương cơ: tức là bà Nghi Địch, sinh ra ông Tiết.

(29) Thần giáp: Cỏ thần. Thời vua Nghiêu có cỏ thần mọc ở sân hàng tháng cứ tứ mồng 1 đến ngày rằm, mỗi ngày mọc ra 1 lá, từ 16 đến 30, mỗi ngày rụng đi 1 lá tháng nào thiếu thì lại 1 lá không rụng, nhân thế mới làm ra lịch, gọi là Giáp lịch.

(30) Vô tư: nghĩa là không riêng. Sách Lễ Ký có câu nói: thiên vô tư phú, địa vô tư tái nhật nguyệt vô tư chiếu, phụng tang dã dĩ lao thiên hạ. Nghĩa là trời thương riêng che, đất không riêng chở, mặt trời mặt trăng không soi riêng, vui theo 3 đạo ấy để trị thiên hạ.

(31) Mỹ Thùy có tên Cảnh, là chữ Cảnh nghĩa khác.

(32) Đồng phong: Thành vương nhà Chu cắt lá cây đồng đưa cho em là Thúc Ngu, nói đùa là ta phong cho mày, Chu Công nghe thấy bảo rằng, thiên tử không nói đùa, bèn phong Thúc Ngu làm vua ở nước Đường.

(33) Trường bồng sam bản : Thuyền ván gỗ sam có mui.

(34) Tiện điện: điện vua nghỉ chơi lúc nhàn rỗi.

(35) Cao cừu : là áo cừu da con dê non. Thơ Cao cừu trong Kinh Thi nói người quân tử làm quan to vẫn giữ đạo trong sạch tiết kiệm, mặc áo cừu da con dê non để khuyên các quan trong triều

(36) Lần tường chạy trốn phong tước : thời Xuân thu, ông Chinh Khảo Phủ 3 lần nhận mệnh lệnh làm quan khanh càng cung kinh. Trong bài minh khắc ở cái tỉnh của Chính Khảo Phủ có câu rằng "nhất mạnh nhi lũ, tái mạnh nhi ẩn, tam mạnh nhi phủ, toàn tường như tẩu" nghĩa là một lần nhận mệnh lệnh thì cúi rạp mình xuống, 2 lần nhận mệnh lệnh thì khom lưng xuống, 3 lần nhận mệnh lệnh thì cúi rạp mình xuống rồi lần tường bỏ chạy- ý nói làm đến quan khanh mà vẫn khiêm tốn.

(37) Đông Bình Vương : em vua Minh đế nhà Hán, làm chức Khinh kỵ đô úy, Minh đế rất yêu quý cho cả quân hổ, xe laon lộ là thứ của vua dùng.

(38) Đàn bà góa coi là vị vong nhân, nghĩa là chưa chết theo chồng được.

(39) Lăng của Hiếu Khang Hoàng hậu.

(40) Thái thái trưởng công chúa là bà cô của vua. Thái trưởng công chúa là cô của vua. Trưởng công chúa là chị em của vua.

(41) Thiên quan: Nay là Nho Quan thuộc Ninh Bình, trước thuộc vỷ3; ngoại Thanh Hóa.

(42) vào ra mắt ở trước thềm điện vua ngồi.

an>
(43) Ấp Thang Mộc : quê nhà của vua.

v height="0">
(44)Thái Tổ: Gia Dụ Hoàng Đế, tức NguyN77;n Hoàng.

(45) Tiềm để : Phủ đệ của thái tử ở lúc chưa lên làm vua.

(46) Nguyên chữ "Hiệt" này ở sách Đại học viết không có chữ thủy bên, đây có chữ thủy bên là chữ Khiết, nhưng đọc là Hiệt.

(47) Chính Trị : niên hiệu của Lê Anh Tôn (1558-1571).

v height="0">

(48) Nguồn phát Phước : là Phạm Đăng Hưng phát Phước sinh ra Thánh Từ hoàng thái hậu.

(49) Trữ nhị : người chuẩn bị nối ngức là thái tử.

(50) Hoắc phiêu kỵ là Hoắc Khứ Bệnh người đời Hán, có nhiều chiến công, Vũ đế nhà Hán cho làm Phiêu kỵ tướng quân, Vũ đế dạy lấy binh pháp Tôn Ngô, Khứ Bệnh nói rằng : chỉ cần phương lược, không phải học binh pháp 3;ời cổ.

(51) tức thành Quy Nhơn, nguyên là thành Đồ Bàn của Chiêm.

height="0">
(52) Quan coi việc làm ruộng.

="0">
(53) Tức chúa Nguyễn Phước Thuần.

(54) Tức vua Gia Long.

<span>(55) Điền tuấn: chức quan trông coi việc làm ruộng.

nt color="black">(56) sáu nghề: Lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số.

(57) Lễ an táng.

">(58) Vợ Gia Long

(59) Nơi cung điện riêng để vua nghỉ ngơi.

(60) Cô vua.

ce="Times New Roman">(61) Mẹ vua Gia Long.

(62) Thiệu Trị.

(63) Lễ cúng cơm khi người mới chết.

>
(64) Nguyễn Hoàng.

(65) tức chúa Nguyễn Phước Khoát.

(66) chị vua

v height="0">
(67) Đỗ thủhi Hương

w Roman">(68) Thương sơn tứ hạo: Bốn người ẩn sĩ đời Hán, tránh loạn nhà Tần trốn ẩ;n ở núi Thương Sơn.

(69) Trương Lương truỳ: Truỳ là cái dùi, xưa Trương Lương làm tướng nước Hàn, cầm dùi đánh Tần Thủy Hoàng để báo thù cho nước Hàn.

(70) Tô Vũ tiết: Tiết là cờ tiết mao. Tô Vũ là Trung lang tướng đời Hán Vũ đ871; sang sứ Hung nô, bị bắt ở lại đấy chăn dê 19 năm, mà Tô Vũ vẫn giữ lá cờ tiết.

eight="0">
(71) Quản, Nhạc: Quản Trọng, Nh̉1;c Nghị là hai bề tôi giỏi ngày xưa.

(72) Giằng Trì: Đời Hán Quang Vũ, Phùng Di lần trước đánh giặc Xích Mi ở Hồi Khê, bị thua. Về sau, Di cố gắng lại đánh phá được giặc ấy ở Hào Để;.

(73) Bạc Chiêu, là ĉ3;u Hán Văn Đế có tội, Văn Đế không nỡ giết, sai các quan đến viếng, sau tự tử chết.

>(74) Tám Nghị: (trong sách Chu Lễ) nghị thân, nghị cố, nghị hiền, nghị năng, nghị công, nghị quý, nghị cần, nghị tân.

(75) Ba chương: ước pháp đời Hán Cao Tổ.

<div height="0">
(76) Tam sơn có lẽ là Ba Giồng.

(77) Vua đây là Nguyễn Ánh.

(78) Ba tào : Bắc Thành đặt 3 tào là H897; tào, Binh tào và Hình tào.

(79) chẩn thái: Chẩn là phát chẩn, thái là phát thóc cho dân vay.

(80) Số đư suất sô nhất định, sinh thêm ra không đăng vào, chết đi không trừ ngạch, gọi là thường hành bạ.

(81) 8 nghị: luật có 8 nghị: ngh883; thân, nghị cổ, nghị công, nghị hiền, nghị năng, nghị quý, nghị cần, nghị tân.

(82) Cha mẹ, mà con cả chết, cháu trưởng thay cha chủ tang ông bà, và hưởng thụ tài sản của ông bà, gọi là đích tôn thừa trọng.

ght="0">
(83) Phiên để: nhà để cho Phiên vương đến kinh chầu vua thì ở đ;ấy, cũng như sứ quán cho sứ thần các nước ở.

k">(84) Gia Định thành ở đây là đơn vị hành chính bao gồm cả vùng Nam bộ ngày nay.

(85) Thanh Hoa tức là Thanh Hóa, Thanh Bình là Ninh Bình.

ont size="3" face="Times New Roman">(86) Quốc hiếu cũng như quốc tang, đây là tang vua Gia Long.

(87) Luyến khuyết: nhớ cửa khuyết nhà vua, tức là nhớ vua.

(88) Việc Trần Kiều, Triệu Khuông Dẫn đem quân ra đến Trần Kiều, tướng sĩ ứng lập lên làm vua, tức là Tống Thái Tổ, cướp ngôi vua nhà Hậu Chu.

(89) Đời xưa chưa có giấy viết, biên luật vào mảnh tre hay tấm gỗ dài 3 thước, cho nên gọi là pháp 3 thước.

(90) 8 nghị: Chu Lễ có 8 nghị để giả;m hình phạt là nghị thân, nghị quý, nghị hiền, nghị cố, nghị công, nghị năng, nghị cẩn, nghị tân.

" face="Times New Roman">(91) Mạc Ngao: tên họ một chi họ vua nước Sở đời Chiến quốc.

ht="0">
(92) Việc Y, Hoắc: Y Doãn là tướng đời Thương đuổi vua Thái Giáp, Hoắc Quang tướng nhà Hán, bỏ vua Xương Ấp, đều là m32;u bỏ vua.

(93) Dương Kiên: Dương Kiên là cha Hoàng hậu nhà hậu Chu có uy quyền, sau cướp ngôi vua nhà Hậu Chu. Kiên tức là Tuỳ Văn đế.

(94) Tam tuyến, Bát giác: đều là cách tính lịch.

imes New Roman">(95) Nguyên Thuỷ là niên hiệu của Hán Bình đế, sách chép là Binh đế. Chúng tôi chữa lại.

iv height="0">
(96) Kim Mật Đê: Thái tử của Hưu Đồ Vương ở Hung Nô, về với nhà Hán, trước làm Mã giám, sau đến Xa kỵ tướng quân, làm người rất cẩn thận, Hán Vũ Đế tin dùng.

(97) Thịnh Đức: Niên hiệu của Lê Thần Tông (1653-1657).

(98) Suy Miệt ở miền trong thường gọi là Soài Mít.font>

(99) tức là giết Duệ Tông.

ont size="3" face="Times New Roman">(100) Câu này có lẽ chép nhầm.

(101) Ném chuột: truyện Giả Nghi ở Hán thư có chép lời ngạn ngữ nói: "Muốn ném con chuột nhưng kiêng cái đồ để ở chỗ ấy" là nói vì con chuột đứng ở gần cái đồ quý, muốn ném chuột sợ vỡ đồ quý nên không ném, huống chi bề tôi ở gần vua.

pan>(102) Nói ví như các ngôi sao chầu cả vào sao Bắc cực, như là các nước chư hầu chầu về thiên tử.

iv>
(103) Kim nhân: hình người đúc bằng vàng. Triều đN41;i nhà Minh bên Trung Quốc, bắt nhà Lê nước Nam ta mỗi khi tiến cống phải đúc hình người bằng vàng để cống.

(104) Vĩnh Đô: thuộc về Nghệ

(105) có lẽ là Kỷ Sửu.

v height="0">
(106) Long Khánh: niên hiệu của Minh Mạc Tông (1567-1572).

ght="0">
(107) Vạn Lịch : niên hiệu của Minh Thần Tông (1573-1619).

"black">(108) Thuế man: dân man chịu nộp thuế.

(109) Chính Thống: niên hiệu của Minh An Tông (1436-1449).

"3" face="Times New Roman">(110) Gia Tĩnh: niên hiệu của Minh Thế Tông (1522-1566).

iv>
(111)Vạn Lịch: niên hiệu của Minh Thần Tông (1573-1619).

(112) Càn Long: niên hiệu của Thanh Cao Tông (1736-1795).

(113) ch32;a rõ nghĩa gì.

(114) Vĩnh Lạc : niên hiệu của Minh Thành Tổ (1403-1424).

" face="Times New Roman">(115) Ung Chính: niên hiệu của Thanh Thế Tông (1723-1735).

"0">
(116) Nghĩa Hy: niên hiệu của Tấn An đế (405-418).

(117) Nguyên Gia: niên hiệu củ;a Nam triều Tống Văn đế (424-433).

(118) Trinh Quán: niên hiệu của Đường Thái Tông (627-649).

Times New Roman">(119) Thiên Bảo: niên hiệu của Đường Huyền Tông (742-755).

(120) Nguyên Hòa: niên hiệu của Đường Hiến Tông (806-820).

ht="0">
(121) Kiến Đức: niên hiệu của Hậu Chu Thế Tông (954-958

e="3" face="Times New Roman">(122) Kiến Đức: niên hiệu của Tống Thái Tổ (963-967).

(123) Long Thuỵ Thái Bình: niên hiệu của Lý Thánh Tông (1954-1958).

(124) Long Phú: niên hiệu của Lý Nhân Tông (1101-1108).

(125) Đại Trị: niên hiệu của Trần Dụ Tông (1358-1369).

(126) Hai họ Hồ: tức là Hồ Quý Ly và con là Hồ Hán Thương.

="0">

(127) Trà Đồng : có chỗ chép là Trà Toàn.

n>

(128) Hoàng Định: niên hiệu của Lê Kính Tông.>

<mbp:pagebreak/>